



TỪ MINH - NGUYỄN
HIỂN LÊ - KIM DỊCH
- VÂN ANH - ĐÔNG
TÙNG - THU HIPPIY -
BÌNH NGUYỄN LỘC
- DU LI - MINH ĐỨC
HOÀI TRINH - NGÊ
BÁ LÍ - VÕ VĂN LÊ -
HỒ MINH DŨNG - LÊ
VĂN TRUNG - THẾ
NHÂN - THU THỦY
- TRĂNG THIÊN -



G I A I P H A M

BACH KHOA

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHẬT

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.300đ.

2.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 600đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 35đ.	
— Ai-lao	: 50đ.	— Âu-châu, Bắc Phi Trung
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v..)	: 100đ.	Đông Đại-dương-châu Úc, Tân-Tây-Lan v.v...
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 150đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngô-Châu 160 Phan Đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

K H O A

S:

TỪ MINH <i>giấc mơ phi-liên-kết từ Bandoung tới Alger</i>	05
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>những vấn đề của thời đại : Sự bộc phát của nhân số và nạn đói</i>	17
KIM DỊCH <i>khoa-học thực-nghiệm và y-lý cổ-truyền</i>	23
VÂN ANH <i>các quốc gia kỹ nghệ trên thế giới sẽ giải quyết cuộc khủng hoảng nhiên liệu cách nào ?</i>	33
ĐÔNG TÙNG <i>Công sứ Oser, một người không chết ở vùng Nghệ Tĩnh</i>	37
BÌNH NGUYỄN LỘC <i>về người Châu-Giang</i>	43
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH <i>lá thư Minh-Đức Hoài-Trinh</i>	47
THU HIPPIY <i>chuyện trong tháng</i>	53
HỒ MINH DŨNG <i>người đến nợ nước (truyện ngắn)</i>	57
DU LI <i>một thoáng khói cay (truyện ngắn)</i>	65
LÊ VĂN TRUNG <i>mái nhà xưa (thơ)</i>	71
VÕ VĂN LÊ <i>khi vẽ phố hạ (thơ)</i>	72

SINH HOẠT

BÁCH KHOA <i>đàm thoại với Võ Phiến</i>	73
TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	75
TRÀNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	
THẾ NHÂN <i>Hợp đồng xuất bản Nhã Ca - Barry Hilton — Việt nam tham dự Đại hội thế giới về ca nhạc Pop tại Đông kinh</i>	48
Họa sĩ VẤN-THANH <i>trình bày bìa</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 120\$ Công sở : 240\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-10-73

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Gia phả, khảo luận và thực hành của Dã-Lan Nguyễn Đức Dự, do soạn giả ấn hành lần thứ nhì và gửi tặng. Tác phẩm đã được « Giải thưởng Văn-học nghệ thuật 1967-69 », in ronéo 2 mặt trên giấy tốt, dày trên 400 trang, biên soạn và ấn loát rất công phu, gồm 6 chương chia làm phần khảo luận (Gia phả ở Á đông, Trung hoa, Việt Nam, ở Miền Nam, ở Âu Châu, so sánh 2 quan niệm Đông Tây...) và phần Thực hành với phần Phụ khảo và Phụ lục. Giá 1000đ.

— Bão rớt tập truyện của Nguyễn Mộng Giác do Trí Đăng xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 204 trang, gồm 8 truyện ngắn mới nhất của một cây bút sáng tác rất quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa. Giá 300đ.

— Tiếng chim vườn cũ truyện dài của Nguyễn Mộng Giác do Trí Đăng xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 180 trang. Giá 320đ.

— Hiền như mục tím truyện dài cho tình yêu, tuổi trẻ, của Nhã Ca do Hải Âu xuất bản và gửi tặng. Sách dày 284 trang. Giá 480đ.

— Công chúa Hỏa tinh, bộ truyện Hỏa tinh lừng danh của Edgar Rice

Burroughs, nhà văn đã sáng tạo ra nhân vật Tarzan, Tờ Hợp xuất bản Hải Âu tuyển dịch, ấn hành và gửi tặng. Sách dày 278 trang.

— Hỏa tinh thần bí, chuyện thứ 2 trong bộ truyện Hỏa tinh của Edgar Rice Burroughs, Tờ Hợp xuất bản Hải Âu tuyển dịch giới thiệu, ấn hành và gửi tặng. Sách dày 318 trang.

— Lãng Nhân, thân thể và tác phẩm, tiểu luận phê bình do Nam Hà Nhã Tập xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm những bài viết về Lãng Nhân Phùng Tất Đắc của Trần Phong Giao, Việt Trân, Thu Giang, Nguyễn văn Xuân, Vũ Hạnh, Lương Danh Môn, Ngô Quang Lý, Quách Tấn, Nguyễn Trọng Thuận, Tchya, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Bằng. Giá 250đ.

— Hòa âm cổ quận tập thơ của Vũ Phan Long, do Ai Hữu xuất bản và gửi tặng. Tập thơ thứ 3 của tác giả dày trên 90 trang gồm 42 bài thơ, Nhận định của Nguyễn Mộng Giác, 2 nhạc bản của tác giả, phụ bản tranh của Đinh Cường. Bản đặc biệt. Giá bán thường 350đ.

— Đầu gió tuyển tập những bài thơ thép do Văn nghệ dân tộc xuất bản và gửi tặng. Sách dày 570 trang gồm trên 150 bài thơ của trên 130 nhà thơ, in trên giấy Bạch vân, đề tặng các chiến sĩ.

— Nhánh đêm gầy tập thơ của Nguyễn Hoài Văn do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 116 trang gồm 40 bài thơ và phần Phụ lục 7 bài thơ nữa cùng các bài nhận xét, giới thiệu của Nguyễn Hiến Lê, Hoàng Hà Tĩnh, Văn Hữu Trình. Bản đặc biệt.

Giấc mơ phi-liên-kết từ Bandoung tới Alger

TỪ MINH

Từ ngày 5 đến 8/9 khoảng 80 quốc gia và các phong trào "tự coi mình là quốc gia" đã đến tham dự hội nghị các quốc gia « phi-liên-kết » tại Alger, thủ-đô nước Algérie. Lại một lần nữa các quốc gia này phải đối phó với sự chia rẽ nội bộ. Nếu tại các hội nghị lần trước, Khối phi-liên-kết cố gắng tạo ra được một bộ mặt đoàn kết ít ra là ở bề ngoài, thì tại hội-nghị Alger năm nay các phái đoàn đã đua nhau lên tiếng đả kích các lãnh-tụ của Khối.

Khối phi-liên-kết được thành lập tại Bandoung năm 1955. Sau 18 năm hiện diện và qua 5 kỳ hội-nghị, người ta thấy không những Khối này càng ngày càng lúng túng không tìm ra được một đường hướng chính-trị độc-đáo nào mà lại càng ngày càng đi ngược với nguyên-tắc căn-bản của

Khối là chính-sách phi-liên-kết.

Năm 1955, khi tới Bandoung phó-hội, các quốc-gia Á-Phi đã nuôi hoài bão lập một lực-lượng thứ ba để đóng vai trọng-tài giữa hai khối Đông Tây. Nhưng vì những chia rẽ nội bộ và sự xích lại gần nhau của hai khối Đông Tây mà hoài bão Bandoung đã trở thành một ảo mộng.

Thế-giới trong 18 năm qua đã thay đổi một cách hết sức sâu rộng vì vậy mà Khối phi-liên-kết càng ngày càng rạn nứt. Các hội-nghị thượng-đỉnh kế tiếp nhau tại Belgrade năm 1961, Le Caire 1964, Lusaka 1970 và Alger 1973 đã làm cho nhiều quốc-gia nhận chân được sự thật

Nếu ở Bandoung còn ảo mộng thì tại Alger người ta đã hoàn toàn vỡ mộng.

ẢO MỘNG BANDOUNG HAY TOAN TÍNH THÀNH LẬP MỘT LỰC-LƯỢNG THỨ BA.

Năm 1955, thế-giới bước ra khỏi cuộc Thế-chiến thứ hai đã được 10 năm. Nhưng trong 10 năm này thế giới sống trong một nền hòa-bình võ-trang, trong một cuộc chiến-tranh lạnh giữa hai khối Đông - Tây.

Trong thời gian này phe Cộng-sản đã gây nội chiến ở Hy-lạp vào năm 1947, cướp chính-quyền ở Hoa-lục năm 1949, gây chiến ở Cao-ly năm

1950. Tại Việt-nam chiến tranh cũng đã kéo dài từ 1946 tới 1954 và kết thúc với nửa phần đất nước trong tay Cộng-sản.

Đề phản công lại các âm mưu bành trướng của phe Cộng-sản, Hoa-kỳ đã ký một loạt Minh-ước tại Á Châu. Hệ thống liên-phòng của Hoa-kỳ được thể hiện bằng các Minh-ước song phương và đa phương chạy dài

từ Trung Đông tới Nhật-bản.

Trong khoảng 10 năm này các quốc-gia cựu thuộc-địa cũng được nhất loạt giải phóng tại Á-châu và Trung Đông. Tại Hắc-Phi phong trào giải-phóng cũng bùng lên mạnh mẽ để đánh đuổi các đế-quốc thực dân Âu-châu.

Trước viễn tượng một cuộc chiến-tranh thế-giới thứ ba, các quốc-gia Á-Phi mới giành lại độc-lập không muốn bị lôi cuốn vào vòng chiến giữa Nga và Mỹ. Đồng thời một số quốc-gia Á-phi cũng muốn khai thác sự chống đối giữa Nga và Mỹ để hưởng lợi. Đó là hai mục-tiêu chính mà 5 lãnh tụ Á-châu : Nehru (Ấn-độ), Kotelawala (Tích-lan), Mohamed Ali (Hồi-quốc), U Nu (Miến-điện) và Sastroamidjojo (Nam-dương) đã đề ra trong một phiên họp tại Colombo vào tháng 4-73.

5 nhân vật này họp thành một nhóm gọi là « Nhóm Colombo » để đứng lên triệu tập hội nghị. Người nồng nhiệt nhất trong số 5 nhân vật này là Thủ-tướng Nam-dương Sastroamidjojo vì ông đang gặp khó khăn tại nội bộ. Để cho phe đối lập Cộng-sản và Xã-hội đỡ đả kích chính-phủ của ông, Sastroamidjojo tìm cách tổ chức một hội nghị với sự tham dự của cả Trung-Cộng lẫn Ấn-độ.

Đề nghị triệu tập hội-nghị Bandoung không được Nehru tán thành nồng nhiệt vì không những đây không phải là sáng kiến của ông mà hội-nghị lại còn được dự trù tổ-

chức ở Nam-dương chứ không phải ở Ấn-độ. Vì vậy mà tuy tham dự hội-nghị nhưng Nehru luôn luôn có một vẻ mặt cau có không vui.

Khi lập danh sách mới, nhóm Colombo đã vấp phải nhiều bất đồng quan-điểm. Nếu Ấn-độ và Miến-điện chủ trương mời Trung-Cộng tham dự thì Tích-lan và Hồi-quốc lại chống. Nhưng vì Thủ-tướng Miến, U Nu, dọa tầy chay hội nghị nên người ta bắt buộc phải mời Trung-Cộng.

Trong các cuộc thảo luận đã có người đề cập tới việc mời Nga-sô vì Nga-sô có 2/3 lãnh thổ nằm trên lục-địa Á-châu. Nhưng vì không có ai đề-nghị trong khi Nehru cũng cho rằng Nga-sô hướng về Âu-châu hơn là Á-châu nên kết cục Nga không được mời và các báo chí Nga cũng lờ hờ việc này đi, không bình luận gì cả.

Với sự tham dự của Trung-Cộng khối Á-Phi, ngay từ lúc đầu, đã không thể trở thành một lực lượng thứ ba phi-liên-kết vì hồi đó Trung-Cộng đang là một đàn em ngoan ngoãn của Nga-sô. Tại Hội-nghị chỉ có 7 trên 29 quốc-gia hội-viên thừa nhận Trung-Cộng mà thôi.

Trên đường đi Bandoung một nửa phái đoàn Trung-Cộng đáp máy bay của hãng Ấn-độ, Air India, bị rơi xuống biển nên Trung-Cộng đã lớn tiếng tố cáo Đài-loan và Hoa-kỳ có những hành động phá hoại. Cũng vì sợ những hành động khủng bố của quân du-kích Dar ul-Islam. Chính

phủ Nam-dương đã huy động tới 30.000 lính để bảo vệ an ninh cho các phái đoàn. Chu-Ân-Lai, Nehru và Nasser tới với những đoàn xe mô-tô hộ tống rầm rộ trong tiếng còi hú vang lừng. Riêng Nasser đã mang theo 14 vị « phụ tá đặc biệt » để hộ vệ. Cả thầy đều mặc quân phục vây quanh lãnh tụ Ai-cập mỗi khi ông đi chuyên.

Các phái đoàn đều ở tại khách sạn ngoại trừ Nehru, Nasser và Chu Ân Lai được ở biệt thự riêng. Đề họ Chu có chỗ trú ngụ, chính phủ Nam-dương đã trưng dụng một căn biệt thự huy hoàng tọa lạc trên sườn một ngọn đồi. Tức giận vì căn nhà của mình bị trưng dụng, chủ nhân căn biệt-thự này đã treo hình Tướng Giới Thạch ngay trong phòng ngủ của Chu Ân Lai.

Hội-nghị được tổ chức tại « Câu-lạc-bộ Concordia » trước kia của sĩ-quan Hòa-lan. Đề khoa trưng thanh thế, Tổng Thống Soekarno đã cho sơn phết lại tòa nhà này và đặt cho nó một cái tên rất kêu là « Merdeka hall » có nghĩa là « Dinh Độc-lập ».

Nguyên-tắc của hội nghị là chỉ mời các quốc gia và không mời các phong trào. Vì vậy mà mặc dầu Nasser tranh đấu hết sức, các phong trào giải phóng ở Algérie, Maroc và Tunisie vẫn không được tham dự.

Khi hội-nghị khai mạc người ta thấy các quốc gia hội viên có những lập trường hết sức khác biệt nên đề có một bề ngoài đoàn kết, Thủ-tướng Ấn-độ Nehru, đã đưa ra 5 nguyên-

tắc làm căn bản cho khối Á-Phi. Các nguyên tắc này là : tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bất tương xâm, bất can thiệp vào nội bộ của nhau, bình đẳng và hợp tác và sau hết là sống chung hòa bình.

Năm nguyên-tắc này được ấn định trong bản hiệp-ước giữa Ấn-độ và Trung-Cộng về vấn-đề Tây-tạng nay được Nehru chép nguyên-văn lại để cho hội-nghị áp dụng. Vì vậy mà Thủ tướng Hồi-quốc đã chế diễu Nehru : « Trước khi đi dạy cho người ta sống chung hòa bình thì ông bạn hãy giải quyết vấn đề Cachemire cho tôi nhờ ». Nghe câu này Nehru tái mặt vì Ấn-độ luôn luôn tranh chấp với Hồi-quốc về lãnh thổ Cachemire.

Tại hội nghị, các đại biểu đều cố gắng có những lời lẽ ôn hòa. Nhưng muốn xiết chặt tình đoàn-kết của khối Á-Phi người ta cần phải tìm ra một kẻ thù chung : đó là chủ nghĩa thực dân, tuy chủ nghĩa này đã rã chắt ở Á Châu và đang suy tàn ở Phi Châu. Pháp bị đá kích nhiều nhất vì nước này còn khăng khăng không chịu trả tự do cho các quốc gia Bắc Phi và Hắc Phi.

Nếu người ta đồng thanh chống thực dân thì có một số lại không dám đề cập tới vấn đề Cộng-sản. Người cố gắng vượt ve phe Cộng-sản là Thủ-tướng Ấn-độ Nehru. Khi đại diện Irak là Ngoại trưởng Mohammed Fadhel Jamali lên diễn đàn tố cáo Pháp có chính sách thực dân và tố Do-thái có chính sách kỳ thị

chúng tộc và cướp Ả-rập thì cả hội-nghị vỡ tay tán thưởng. Nhưng khi Jamali tuyên bố rằng kẻ thù của khối Á-Phi còn là Cộng-sản thì Thủ-tướng Ấn-độ đưa hai tay che mặt trong khi Thủ-tướng Hồi Ali cười sung sướng.

Sau Hội-nghị Bandoung đã mở đầu cho một giai đoạn mới của đời sống chính-trị thế-giới, vì cả Mỹ lẫn Nga đều muốn tranh thủ thiện cảm của khối Á Phi. Một năm sau hội nghị Bandoung, Nasser đã lợi dụng uy tín đang lên của khối Á-Phi đề quốc-hữu-hóa kênh Suez với sự

ủng-hộ của Mac-tư-khoa và của Hoa-thịnh-đốn. Tại Liên-Hiệp-Quốc với sự gia nhập ồ ạt của khối Á-Phi, các cường quốc không còn độc quyền bá chủ như trước và người ta thấy một người Á châu là ông U Thant được bầu làm Tổng Thư-ký L.H.Q.

Nhưng nếu vào đầu thập niên 1960 khối Á-Phi tới thời cực thịnh thì giai đoạn này cũng là khởi đầu cho sự suy sụp của Khối này. Phải đối phó với các thực trạng của đời sống chính trị quốc tế, mộng ước lập lực lượng thứ ba đã tàn dần và vỡ hẳn tại hội nghị Alger năm 1973.

VỠ MỘNG TẠI ALGER

Thấy Khối Á-Phi có vẻ làm ăn được nên một số các quốc gia không thuộc hai lục-địa này cũng nháy vào gia nhập. Đó là trường hợp của Thống-chế Tito, Tổng-thống Nam-tư. Ngoài Nam-tư, đảo Chypre vừa độc lập và các nước Nam Mỹ như Ba-tây, Bolivie và Equateur cũng xin tham gia. Vì Nam-tư là một nước Cộng-sản mà lại thuộc Âu-châu nên Khối không còn có thể mang tên là Á-Phi mà lấy tên mới là Phi-liên-kết. Khối phi-liên-kết chủ trương áp dụng một chính-sách trung-lập để đứng bên ngoài cuộc tranh chấp giữa Nga và Mỹ.

Một hội nghị thượng đỉnh được triệu tập tại thủ-đô Nam-tư Belgrade vào tháng 9-1961. Hai mươi quốc gia đã tham dự Hội-nghị này.

Trước khi Hội-nghị Belgrade nhóm họp Thủ-tướng Nga Krouchtchev, đã

ngang nhiên khiêu khích Khối phi-liên-kết bằng cách tiếp tục thí-nghiệm bom nguyên-tử. Tuy Tito muốn Khối phi-liên-kết đóng vai trò « lương-tâm của thế-giới » nhưng ông đã không dám có một lời nào lên án các cuộc thí-nghiệm nguyên-tử của Nga-sô trong khi ông không tiếc lời đá kích Tây phương.

Tổng thống Soudan là ông Abboud thì lại đá kích Pháp thí nghiệm bom nguyên-tử mà không đả động tới các cuộc thí nghiệm quan trọng hơn của Nga-sô.

Ba năm sau Belgrade, Tổng Thống Nasser xứ Ai cập cũng muốn thi thố tài năng nên đã triệu tập một hội nghị thượng đỉnh tại Le Caire. 44 quốc-gia đã tham dự hội nghị Le Caire. Tại hội-nghị Le Caire người ta thấy Khối phi-liên-kết bắt đầu tan rã vì hai khối Đông Tây, hay đúng

hơn, hai nước Nga và Mỹ đã bắt đầu áp dụng một chính sách sống chung hòa bình. Mùa hè năm 1963, Nga, Anh và Mỹ đã ký một thỏa ước cấm thí nghiệm bom nguyên-tử. Như vậy Khối phi-liên-kết không còn có đất đứng. Chính sách phi-liên-kết dựa vào một tình trạng căng-thẳng quốc tế. Tình trạng căng thẳng đã cho phép Khối phi-liên-kết bắt bí được cả Nga lẫn Mỹ. Ngày nay Nga và Mỹ đã bắt tay với nhau, Khối phi-liên-kết không còn bắt bí được ai nữa.

Một sự-kiện khác làm cho Khối này lúng túng là Trung Cộng bắt đầu thí nghiệm bom nguyên-tử. Từ trước người ta đều lên án các nước Tây-phương thí nghiệm bom nguyên-tử. Nay chính một nước Á-châu cũng có hành động tương tự, nhất là nước Á-châu này lại hiện diện ở Bandoung 9 năm về trước.

Hơn nữa Khối phi-liên-kết chỉ mạnh nếu có sự đoàn kết trong nội bộ. Trên thực tế, các quốc-gia hội viên trong Khối luôn luôn tranh chấp với nhau. Trung-Cộng và Ấn-độ đã giao chiến với nhau tại vùng Hy-mã-lạp-sơn. Ấn-độ và Hồi-quốc đụng độ võ trang tại Cachemire. Maroc và Algérie tranh nhau các lãnh thổ có mỏ dầu. Tuy chống chủ-nghĩa thực-dân, mà chính Nam Dương lại đòi phá vỡ Mã-lai-á.

Màn khôi hài nhất tại hội-nghị Le Caire là vụ Thủ-tướng Tchombé xứ Congo Brazzaville, khi tới phó hội, lại bị Tổng-Thống Nasser bắt giam tại một căn biệt thự. Tuy Tchombé

được mời tham dự hội-nghị, nhưng vì Tổng-Thống Algérie Ben Bella và Tổng-Thống Tito xui dục nên Nasser đã làm một việc chưa từng có trong lịch-sử Ngoại-giao thế-giới là tống giam một vị thượng khách.

Sự chia rẽ nội bộ tiếp tục cho đến khi Algérie muốn tổ chức một hội nghị thượng-đỉnh của Khối phi-liên-kết ở Alger vào năm 1965 để kỷ niệm 10 năm Bandoung. Trung Cộng, vắng mặt tại Belgrade năm 1961 và Le Caire năm 1964, lại được mời tham dự chuẩn bị hội-nghị. Nhưng vì Trung Cộng được mời, Nga sô cũng đòi tham dự vì Nga sô cũng là một nước châu Á với 2/3 lãnh-thò nằm trên lục-địa Á-châu. Trung Cộng nhất định không chịu cho Nga tham dự vì theo các lãnh-tụ Bắc-kinh Nga vừa là một nước thực dân vừa là một nước Âu-châu. Các nước hội-viên khác lúng túng không biết xử sao cho tròn thì may thay một cuộc đảo chính đã lật đổ Ben Bella ở Alger khiến người ta có cơ không tổ-chức hội-nghị Alger nữa.

Năm 1970, một hội-nghị thượng-đỉnh thứ 4 lại được tổ chức tại Lusaka (Zambia). 54 quốc gia đã tham dự hội-nghị này và người ta lại lập đi lập lại những điều đã đề cập tại Hội-nghị Bandoung 15 năm về trước.

Tại hội-nghị thượng-đỉnh Alger vào tháng 9-1973 vừa qua các lãnh-tụ của Khối phi-liên-kết thấy rằng chính-sách phi-liên-kết của họ đã phá sản. Thật vậy, với các cuộc Hoa du và Nga du của Tổng-thống Mỹ Richard

Nixon vào năm 1972 sự chống đối giữa hai phe Đông Tây không còn nữa, các nước hội viên trong Khối phi-liên-kết càng ngày càng cần phải liên kết với một trong hai phe.

Quốc-trưởng Lybie là Đại-tá Gaddafi đã tuyên bố trước diễn-đàn hội-nghị rằng Hội-nghị phi-liên-kết năm nay chỉ đáng mang tên là Hội-nghị Alger mà thôi vì ai cũng biết rằng chẳng một quốc-gia hội-viên nào áp-dụng chính-sách phi-liên-kết cả.

Trong khi Gaddafi đã kích các lãnh-tụ của Khối phi-liên-kết thì người ta thấy Tổng-thống Tito và Nữ Thủ-tướng Gandhi chỉ còn biết mỉm cười ngạo mạn.

Tổng-thống Tunisie là Bourguiba cũng công nhận rằng Khối phi-liên-kết không có tương-lai và cho rằng nếu đã tự nhận là phi-liên-kết thì đừng có liên-kết với Nga và cũng đừng có chửi Hoa-kỳ.

Sau ba ngày nhóm họp hội-nghị đã giải tán trong một sự buồn tẻ của những người vỡ mộng.

oOo

TỪ MINH

Cùng quý bạn đọc Bách Khoa ở Saigon và Gia-Định

Quý bạn ở Saigon và Gia-định mua Bách-Khoa dài hạn, hoặc nhận biểu, xin vui lòng viết lại địa chỉ hiện tại của quý bạn để gửi ngay cho Bách-Khoa 160 Phan đình Phùng, Saigon 3, và theo Thông cáo mới đây của Tổng-nha Bưu-điện, xin quý bạn cư ngụ tại Saigon ghi thêm số quận (Quận 1, 2, 3...) và cư ngụ tại Gia-định ghi thêm tên Xã, để cho các số Bách-Khoa gửi đến quý bạn được mau chóng và khỏi thất lạc. Trân trọng cảm ơn quý bạn

Ban Chủ-trương BÁCH-KHOA

LỬA THIÊNNG

120 Đinh Tiên Hoàng — Saigon 1
Đ.T. 94.494

Sách mới phát hành:

1. CHÂN DUNG TRIẾT GIA của ĐẶNG PHÙNG QUÂN

Tác phẩm dẫn người đọc đi tìm kiếm triết gia trong cuộc đời với những mô tả hiện sinh và những khai quật di tích khảo cổ học. Đọc *Chân dung triết gia* là đọc những bản văn triết lý sống động, những câu chuyện triết lý chất chứa suy tư.

2. CƠ CẤU VIỆT NGỮ của TRẦN NGỌC MINH

Một kết quả của sự khảo sát ngữ lý áp dụng vào Việt Ngữ. Tác phẩm làm sáng cái hệ thống các liên hệ giữa những đơn vị cấu thành được dùng trong ngôn ngữ hiện tại của người Việt Nam. Đây là ngữ pháp Việt Nam ở phương diện đẳng thời.

3. NGÂN HÀNG của HOÀNG NGỌC KHIÊM

Tác phẩm thứ ba của tác giả trình bày những nguyên tắc căn bản hiện áp dụng tại các ngân hàng tân tiến. Sách gồm hai phần chính: nguyên tắc điều hành và kế toán, hệ thống ngân hàng tại Việt Nam và phần phụ lục về qui chế và điều hành phòng giao hoán, sắc luật về ngân hàng và cơ quan tin dụng v.v...

4. NGUYỄN TRÃI của NGUYỄN THIÊN THỤ

Nguyễn Trãi là một chính trị gia, một nhà ngoại giao, một triết gia và một thi nhân. Nguyễn Trãi là một đại thụ mà cây cao bóng cả che khuất cả nền văn học thế kỷ XV.

Tất cả cuộc đời, tình cảm, tư tưởng, thái độ sống của Nguyễn Trãi đều được phân tích kỹ càng dựa trên những tài liệu chính xác.

Nhà Xuất bản có ấn hành mỗi tháng một bản THƯ MỤC và sẽ gửi miễn phí đến quý độc giả có thư yêu cầu

GIEO VẦN THƠ VIỆT

của NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ

Sách mới có lần đầu tiên tại Việt-Nam dày 300 trang giá 500đ.00 để tìm tất cả Văn Bằng và Văn Trắc như tra tự-điền. Ngoài ra còn có phần khảo về các loại Thơ Mới, Thơ Tự-Do, Thơ Xuôi và các thể Thơ Cầu-Kỳ.

Cần giao-dịch với các tiệm sách đưng-đắn tại các Tỉnh Thị. Hoa-hồng 35.

Xin viết thư về : Ô. NGUYỄN-XUÂN-NGHỊ

61 Đường Đống-Đa Đà-Nẵng — Đ.T. 20021

thuốc ho viên

PECTAL FORT

trị các chứng HO

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm-suyễn
sưng-cứng phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

thuốc ho viên



**Pectal
FORT**

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm-suyễn
sưng-cứng phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Những vấn-đề của thời-đại

Sự bộc phát của nhân số và nạn đói

... Từ lâu lắm rồi, đã có một số người cảnh cáo nhân loại về cái họa của khoa học ; hai nhà nổi tiếng nhất gần đây là Aldous Huxley và George Orwell, nhưng họ đều là những văn nhân có óc trào phúng ít nhiều, không làm cho chúng ta tin hẳn. Theo chỗ chúng tôi được biết thì lời cảnh cáo đầu tiên đáng cho chúng ta tin và làm cho chúng ta lo ngại là cuốn *Population, Resources, Environment* của nhà W.H. Freeman, San Francisco, 1970 ; bản Pháp dịch : *Population, Ressources, Environnement* của nhà Fayard, Paris 1972.

Tác giả Paul và Anne Ehrlich đều là những nhà bác học, giáo sư và phụ giảng ở Đại học Stanford — California — về môn « écologie » (1) đã nghiên cứu rất kĩ về các vấn đề nhân số, tài nguyên và hoàn giới (2), rồi diễn thuyết tại một trăm rưỡi đại-học, cả trên các đài phát thanh, truyền hình đề cảnh cáo nhân loại về hai cái hại ngay trước mắt, cần phải giải quyết gấp, tức sự tăng gia nhân số quá mạnh và hiện tượng không khí, nước, đất bị nhiễm uế, cả hai cái hại ấy đều là hậu quả của sự tiến bộ khoa học.

Khi viết tác phẩm trên, ông bà Ehrlich còn nhờ hàng chục nhà bác học chuyên môn về địa chất, sinh vật học, canh nông, dân số... coi lại, chỉ trích, đề ông bà sửa đổi. Vậy tiếng nói của ông bà cũng là tiếng nói chung của giới khoa học Âu, Mỹ.

Chưa có gì cho ta biết được loài người xuất hiện vào thời nào, có thể là từ khoảng 600.000 năm tới 1.600.000 năm trước đây ; mới đầu chỉ săn mồi và hái trái cây, rồi vào khoảng 8.000 năm trước công nguyên, nghĩa là cách đây khoảng 10.000 năm mới biết trồng trọt, và từ đó nhân số mới bắt đầu tăng. Các nhà bác học tính rằng lúc đó, nhân số vào khoảng năm triệu tăng,

đều đều, tới đầu công nguyên được khoảng 200 hoặc 300 triệu ; tới năm 1930 được hai tỉ, năm 1969 được trên sáu tỉ rưỡi.

Muốn thấy mức tăng gia ra sao, không gì bằng tìm xem thời gian để nó tăng lên gấp đôi là bao lâu. Xin độc giả coi bảng dưới đây :

(1) Écologie là một khoa học nghiên cứu cơ thể sinh vật liên quan với cảnh giới chung quanh, với hoàn giới (sinh giới học)

(2) hoàn giới = environnement

Vào khoảng 8.000 tr. C.N, nhân số tăng gấp đôi trong 1.500 năm :

— —	1.650 sau — —,	— — —	— 200 —
— —	1.850 — — —,	— — —	— 80 —
— —	1.930 — — —,	— — —	— 45 —
— —	1.975 — — —,	— — —	— 35-37 —

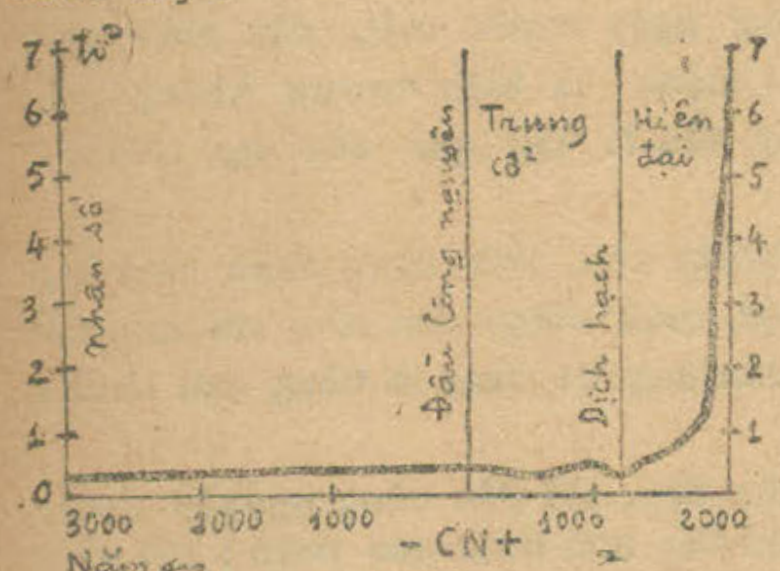
Nghĩa là mới khoảng một trăm năm nay, nhân số tăng lên rất mau, hiện nay hai lần mau hơn năm 1850 gần 6 lần mau hơn năm 1.650. Như vậy nhờ :

— Những tấn bộ về canh nông, kĩ nghệ.

— Những tấn bộ về y khoa khiến cho tử suất giảm đi.

Những điều ấy ai cũng biết, nên tôi không cần phải nhắc lại.

Nhưng những con số trong bảng trên vẫn không cho chúng ta nhận định được mau và rõ bằng đồ biểu dưới đây :



Ta thấy đường biểu diễn qua thời hiện đại bỗng vọt lên ; nhất là vào khoảng đầu thế kỉ XX trở đi, nó gần như dựng đứng. Các nhà chuyên môn trong Cơ quan kinh tế và xã hội Liên-hiệp-quốc tính rằng tới năm 2.000 (nghĩa là chỉ trong 23 năm nữa) thế giới ta sẽ có :

ít nhất : 5.449 triệu người

trung bình : 6.130 triệu người
 nhiều nhất : từ 6.994 triệu tới 7.522 triệu người.

Làm giảm tử suất đi mà tăng tuổi thọ lên là một cái lợi lớn của khoa học, nhưng cái lợi ấy kéo theo một cái hại khác : khi nhân số tăng lên quá một mức nào đó thì thực phẩm không đủ để nuôi mọi người, nhân loại sẽ đói, luật cạnh tranh để sinh tồn sẽ rất gay go, người ta sẽ phải chém giết nhau để kẻ nào mạnh được sống, kẻ yếu bị diệt. Gaston Bonthoul, nhà xã hội học nổi danh ở Pháp hiện nay trong cuốn *Le phénomène guerre* (Hiện tượng chiến tranh), Payot 1962, bảo nhân loại có bản năng tự sát, mà nguyên nhân các cuộc tự sát đại quy mô, tức chiến tranh, là để lập lại sự thăng bằng về nhân khẩu (*équilibre démographique*), và ông nhận thấy rằng ít nhất là trong các thế kỉ đã qua, cứ sau một thời có nạn nhân mãn là có một cuộc chiến tranh lớn để loài người chết bớt đi, để đỡ phải dùng chính sách giết trẻ con. Ngay triết gia Bergson năm 1936 cũng viết : « Cứ để cho nữ thần Ai tình Venus hành động thì chúng ta sẽ thấy thần chiến tranh Mars xuất hiện », nghĩa là loài người sinh sản nhiều quá, sinh suất cao, tử suất thấp thì sẽ có chiến tranh.

Các nhà bác học đã tính nhân số

cứ tăng theo cái mức hiện nay — nghĩa là cứ 35 năm lại tăng gấp đôi — thì 1.000 năm nữa, nó sẽ vượt một tỉ tỉ (1.000.000.000.000.000.000) người, nghĩa là cứ một thước vuông đất, nổi cũng như chìm, sẽ có 2.000 người. Không thể vô lí như thế được. Dĩ nhiên số người sẽ phải bị hạn chế bằng bất kì cách nào; và một số nhà bác học đoán nó sẽ ngưng lại, không tăng nữa ở cái mức từ 10 tỉ đến 50 tỉ.

Tác giả cuốn *Population, Resources, Environnement* bảo phải bắt đầu hạn chế gấp ngay từ bây giờ thì may ra mới kịp, vì loài người hiện nay đã đói rồi, sắp thiếu tài nguyên rồi. Vậy là mới được hưởng cái lợi của khoa học trên một thế kỉ thì chúng ta đã phải « đối phó » với nó.

Viết về nạn đói của nhân loại ở kỉ XX này, ở kỉ nguyên mà người ta gọi là « kỉ nguyên tiêu thụ », « kỉ nguyên thừa thãi » này, thì mấy trăm trang cũng không đủ. Tôi chỉ xin đưa ra vài con số.

Theo Ủy ban cố vấn về khoa học cho Tổng Thống Mĩ năm 1967 thì 20% dân số của các quốc gia kém phát triển (các quốc gia này gồm 2 phần 3 nhân số trên thế giới) rõ ràng là thiếu ăn, 60% đủ ăn nhưng không biết cách ăn nên thiếu chất bổ, đặc biệt là chất *protide*. Như vậy là có tới một nửa nhân loại thiếu ăn hoặc ăn không đủ chất bổ. Có nhà bác học khác lại bảo có tới hai phần ba nhân loại « đói », và mỗi năm có từ mười tới hai chục triệu

người chết đói. Con số này có vẻ như quá đáng, sự thực thì không. Không phải vì nhịn đói lâu quá mà chết mới gọi là chết đói. Những người vì thiếu ăn, ốm yếu, khi bị bệnh, không chống nổi với bệnh mà chết thì cũng gọi là chết vì thiếu ăn, vì đói. Hiểu theo nghĩa ấy thì tôi tưởng con số 20 triệu trên kia còn thấp quá. Có thể nói ít nhất là tám chục phần trăm nông dân Bắc Việt thời tiền chiến suốt năm phải ăn rau, nửa năm phải ăn độn ngô, khoai, cả năm chỉ có độ ba chục ngày (những ngày giỗ, tết) mới được ăn thịt, đều là đói cả, dù có người không phải nhịn một bữa nào. Và những người chết hồi dưới bốn mươi, năm mươi tuổi, thì chín phần mười chết vì thiếu ăn, vì đói.

Có một điều chúng ta không thể ngờ được là ngay ở nước phú cường nhất thế giới, nước Mĩ, mà cũng có hằng trăm triệu người đói, phải nhịn bữa tối; tại những miền Texas, Louisiane, Kentucky, một phần ba trẻ em dưới 6 tuổi ốm yếu, xanh xao, có đờm bụng ỏng nữa vì không được ăn đủ chất bổ. Họ đói không phải vì nước họ không sản xuất đủ thực phẩm, mà vì người ta lo chế tạo vũ khí, bỏ họ đói.

Tình trạng đói ấy ở các nước kém phát triển Á, Phi và Châu Mĩ La-tinh từ sau thế chiến đến nay chỉ tăng lên chứ không giảm. Nhiều nước không phải chịu nạn chiến tranh như chúng ta mà cũng càng ngày càng đói thêm; trước thế chiến

họ còn xuất cảng gạo hay lúa mì được, bây giờ họ phải nhập cảng. Vì mức tăng gia sản xuất những thực phẩm ấy không đủ bù mức tăng gia nhân số. Nhân số ở các nước ấy cứ hai mươi lăm năm tăng lên gấp đôi, họ rần phát triển canh nông mà cũng không đuổi theo kịp được. Báo Đại Dân Tộc ngày 18-6-1973 đăng tin: Nạn đói trầm trọng đang đe dọa thế giới. Ba mươi sáu nước Á Phi sẽ chết đói vì hạn hán hay lụt lội khiến cho mất mùa. Bắc Mĩ và châu Âu không đủ lúa gạo để cứu họ. Thái-lan không chịu bán gạo nữa, để dành tiêu thụ trong nước, cho nên Ấn-độ, Bangladesh, Phi-lật-tân, Indonésia đang lo. Còn Đại-hàn thì vẫn giữ lệnh cấm bán cơm ở các tiệm ăn và khuyến dân ăn độn ngô khoai để khỏi phải mua gạo ngoại quốc. Tin đó làm cho tôi nhớ lời Vũ Trọng Phụng: "Làm người mà được ăn cơm thì sướng quá". Ngay như Nga, đất đai rộng lớn vậy mà sau nửa thế kỷ phát triển canh nông và kỹ nghệ, vẫn thiếu lúa mì, phải mua của Tây Âu, bây giờ mua của Mĩ.

Vậy kỹ-nguyên của chúng ta không đáng gọi là kỹ-nguyên thừa thãi; chỉ thừa thãi đối với một số ít người thôi, cao lắm là một phần ba nhân số trên thế-giới, còn đối với hai phần ba kia, phải gọi là kỹ-nguyên thiếu thốn, kỹ-nguyên đói.

Đáng lo nhất là nạn đói kỹ, không đủ ăn, khi khoảng hai chục năm nữa sẽ rất nguy, vô phương giải quyết,

nếu nhân số cứ tăng đều đều như hiện nay.

Hết đất trồng trọt rồi

Nhiều người tin rằng địa-cầu còn rất nhiều đất hoang. Đúng vậy, theo Ủy-ban cố-vấn khoa-học của Tổng-Thống Mỹ thì diện-tích đất có thể trồng trọt được là 3, 18 tỉ hec-ta, khoảng 24% diện tích đất không bị băng phủ, mà năm 1967, chưa được một phần ba diện tích ấy — nghĩa là mới có khoảng một tỉ hec-ta — đã trồng trọt; trên hai tỉ hec-ta kia còn bỏ hoang.

Nhưng không phải đất nào hiện nay còn bỏ hoang cũng có thể trồng trọt được. Sự thực tất cả những đất có thể trồng trọt được trong hoàn cảnh kinh tế hiện tại đều đã trồng trọt hết rồi. Còn những đất chưa trồng trọt, nay muốn khai phá thì tốn kém vô cùng. Không phải cứ chia lô, phát cho dân nghèo, trợ cấp cho họ một số vốn rồi ít năm sau sẽ thấy những cánh đồng mơn mơn hết. Phải có những nhà chuyên môn nghiên cứu xem đất có màu mỡ không, có thể đưa nước vào được không; phải đắp những đường đất hoặc đào kinh để khai thông, phải trừ phèn, trừ muối, đào bỏ những rễ cây, phiến đá...

Người ta đã tính sơ sơ, phát tiền cho mỗi hec-ta trung bình là 5.000 quan, tức nửa triệu bạc V.N hiện nay. Cứ cho rằng như vậy mỗi hec-ta sẽ nuôi được hai người thì thế giới sẽ phải bỏ ra 140 tỉ quan mỗi năm chỉ

đủ để nuôi số người tăng thêm mỗi năm (1). Mà có phải khai phá một năm là đã có huê lợi liền đâu. Phải kể 5 hoặc 10 năm, nghĩa là phải đầu tư từ 700 tỉ tới 1400 tỉ quan ngay từ bây giờ. Những nước kém phát triển không có nổi số vốn ấy; còn những nước phú cường có chịu góp sức nhau giúp các nước nghèo 1400 tỉ quan riêng về việc phát triển canh nông không?

Đó là xét những đất có thể khai phá được. Còn nhiều miền khai phá chỉ thất bại chứ không sao thành công được. Chẳng hạn Nga đã thất bại ở miền Kazakstan (Trung Á) năm 1954 về việc trồng lúa, Anh thất bại ở Tanzania về việc trồng đậu phộng ngay sau thế chiến vừa rồi. Lưu vực sông Amazone ở Ba Tây, phần lớn miền Tây Bá Lợi Á và Châu Úc cũng không thể trồng trọt được. Ở Nam Việt, đừng nói miền Cà Mau, miền U Minh, ngay miền Đồng Tháp Mười, cũng không phải là dễ khai phá, vì nạn lụt mỗi năm, nạn phèn, nạn chuột. Nửa thế kỉ trước, người Pháp đã nghiên cứu đất đai, địa thế, tính đào nhiều kinh tháo nước và rửa phèn, nhưng phải bỏ dở tới hai lần, rốt cuộc cánh đồng rộng 800.000 hecta ấy vẫn còn bị cỏ lạt ngự trị, chủ điền nào mạo hiểm khai phá một khu rộng vài trăm hecta cũng sạt nghiệp sau vài ba năm, chỉ những nông dân thận trọng làm nho nhỏ vài ba chục công, từ ven đồng lấn dần vào trong là thành công được, nhưng cũng phải trả một giá rất đắt, chịu cực khổ

luôn năm sáu năm rồi đất mới thành điền, có huê lợi đủ ăn. Người ta thường quá tin huyền thoại đất hoang nào cũng mau phát. Sự thực thì đất bỏ hoang là đất xấu, nếu không xấu thì đã được trồng trọt từ lâu rồi.

Muốn khai phá một miền hoang thì phải tháo nước ra (như Đồng Tháp Mười) hoặc đưa nước vô. Trường hợp sau thường xảy ra hơn. Mà việc đưa nước vô cũng rất tốn kém. Thí dụ điền hình là Ai-cập. Để đưa nước vô những đất khô cằn xa sông Nil, Ai-cập đã vay tiền Nga, xây đập Assouan, phí tổn rất cao. Rốt cuộc khi xây xong thì số ruộng trồng trọt thêm được không đủ để nuôi số dân tăng lên trong thời xây cất (trên năm năm). Mà người ta còn ngại rằng chỉ trong một trăm năm thôi, hồ nhân tạo ở phía trên đập sẽ bị bùn cát lấp, mà đập hóa ra vô dụng.

Công việc rửa phèn, rửa muối cũng không dễ dàng gì, phải những nước giàu có mới dám nghĩ tới. Trường hợp sa mạc Sahara mới thiên nan vạn nan: phải đổi nước biển thành nước ngọt (khoa học chưa kiếm được cách nào rẻ tiền), rồi đào những kinh ngang dọc thật lớn với nhiều máy bơm đưa nước vào lòng sa mạc.

Tóm lại, trong hiện tình thế giới, rất khó tăng diện tích trồng trọt được, gắng sức lắm cũng không đủ bù vào mức tăng nhân số. Đã vậy mà số đất

(1) Không hiểu ông bà Ehrlich tính ra sao, theo tôi số đó chỉ đủ nuôi nửa số người tăng thêm thôi.

màu mỡ đã khai phá từ lâu lại cứ mỗi ngày mỗi giảm vì bị thị trấn xâm lấn. Người ta đã tính rằng khi dân số California tăng lên được 1000 người thì 96 hec-ta đất ruộng biến thành đất xây cất nhà cửa, đường sá...
 Tới năm 1960, ở California có trên

một triệu hec-ta đất ruộng mất đi như vậy, và tới năm 2020 con số ấy sẽ tăng lên đến 5 triệu hec-ta, tức một nửa số đất trồng trọt được của tiểu bang ấy.

...2

Kỳ tới : NGUYỄN-HIẾN-LÊ
 Cuộc cách mạng xanh...

PHÂN ƯU

Được tin trê : **NGOẠI TỔ** của Ông **HỒ ANH NGUYỄN THANH HOÀNG**. Chủ nhiệm Tuần-báo Văn-nghệ Tiên-Phong và Giải phẩm khoa học Huyền bí, đã thất lạc tại Gia-định ngày 13 tháng 9 năm 1973, hưởng thọ 93 tuổi.

Xin trân trọng phân ưu cùng Ông Hồ Anh Nguyễn Thanh Hoàng và tang quyến. Xin cầu nguyện hương hồn Cụ Bà sớm siêu diêu miền Cực Lạc.

LÊ NGÔ CHÂU, LÊ THANH THÁI,
 PHẠM DUY LÂN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(**S. O. A. E. O.**)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 - 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
 — PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
 Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
 CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Khoa-học thực-nghiệm và Y-lý Cổ-truyền

Như trường-hợp *phế tạng*. Theo Đông-Y, trong vòng một ngày đêm, phế khí vượng vào giờ dần. Cứ bắt đầu tính từ nửa đêm là giờ tý — nửa đêm, giờ tý, canh ba — ta thấy rằng giờ sừu là khoảng từ 24 đến 02 giờ sáng, và giờ dần là khoảng từ 02 đến 04 giờ sáng. Mới đây, giáo sư Wolfgang T. Ulmer, thuộc Đại học đường hạt Ruhr, tiểu-bang Essen (Đức Quốc) ghi nhận rằng các trao đổi khí nơi những phế nang đạt đến mức tối đa lúc ba giờ sáng. Tài liệu ấy đăng trên tạp chí *Das Medizinische Prisma*, số 2, năm 1972 và do các phòng thí nghiệm Böhlinger, ở Bâle (Thụy-sĩ) ấn hành. Mặt khác S. Herbuté và hai cộng sự viên, thuộc nhóm sinh học Montpellier, trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu của CNRS, ngày 22-01-1972 đã công-bố kết-quả về hoạt-động tuyến giáp dựa vào sự khảo-sát lượng iôt 127. Kết-quả trắc-định cho thấy rằng lượng iôt đạt đến mức cao nhất — nghĩa là hoạt-động tuyến giáp đến độ tối-đa — giữa hai và ba giờ sáng. Kẻ hủ nho này chỉ xin phụ-đề thêm: tuyến giáp thống thuộc kinh *Thủ thái âm phế*, theo châm-khoa. Nhân đây cũng xin mở một dấu ngoặc: ai không biết rằng nơi vùng tuyến giáp có những cơ-quan độc-đáo liên-hệ mật-thiết với chức-năng

hô-hấp, được khoa sinh-lý-học hiện-đại gọi là sinus carotidien, rất nhạy-cảm đối với các biến-thiên của áp-lực không-khí và glomus carotidien, phản-ứng rất mẫn-cán mỗi khi hóa-tính không-khí thay-đổi? Vậy đâu phải tự dụng vô-cớ mà Đông-y đặt tuyến giáp vào tầm ảnh-hưởng của phế-kinh?

Giờ Hợi (từ 22 đến 24 giờ) là giờ khí của tam tiêu vượng. *American Journal of Physiology*, số 22 ngày 06-06-72, dưới những chữ ký R.H. Persellin, G. W. Kittinger và J. W. Kendall, thuộc Đại-học-Đường San Antonio, Texas, đăng-tải các thành quả đạt được khi ba tác-giả vừa kể đo lượng cortisone trong huyết-thanh loài chuột. Công-trình ấy có hai mục đích: định lượng sự biến-thiên của cortisone trong 24 giờ và thử xem phân-xuất cortisone có thay-đổi dưới ảnh-hưởng của các chứng viêm khớp hay không? Kết-quả rất hùng-hồn: trước hết, có sự biến-thiên trong ngày đêm, thứ nữa, lượng cortisone lên cao nhất vào lúc 22 giờ, và thứ ba chu-kỳ biến-dịch chính-thường sụp-đổ khi chuột bị viêm khớp. Ở đây tưởng có hai điều đáng nói: một phần tam tiêu — nói rõ hơn, hạ tiêu — được giới nghiên cứu Đông-y quốc-tế quy-trách cho một chức-năng thượng-thận (cortisone là kích-tổ thượng-thận) và y-lý cổ

truyền Đông-phương, từ nghìn xưa, đã chủ-xướng rằng bệnh-tật là do mất quân-bình chính-thường trong cơ-thể (bằng có là chu-kỳ biến-thiên cortisone gây gục khi chuột bị viêm khớp). Và lại, trên khía-cạnh cơ-thể-học, thượng-thận của Tây-Y đương nhiên thuộc thận tượng của Đông-Y. Nội Kinh dạy : «chư hàn thu dẫn giai thuộc ư thận»: các chứng bệnh thuộc hàn, có triệu-chứng tay chân thu rút lại hoặc buông xuôi ra đều là bệnh thuộc thận. Còn gì tương-đặc hơn, khi Tây-y lấy cortisone từ thượng-thận-tuyến để chữa những chứng «hàn thu dẫn» ấy của Đông-Y, mà trong thuật-ngữ y-khoa khoa-học người ta gọi là arthrosis, arthritis? Dĩ nhiên chữa là một chuyện, chữa đến nỗi bệnh-nhân phát phù khắp mình suýt nữa không đi được Iceland để gặp-gỡ nguyên-thủ quốc-gia bạn như bệnh-nhân Pompidou khốn-khở lại là chuyện khác ! !

Kochmitchesskaya Biologia Medicina là một tạp-chí y-học Nga. Tạp-chí ấy, trên số 1, năm 1972, trang 45, tường-trình về kết-quả đo cường-độ và tần-số các nhịp *tâm* đập nơi những người bình-thường. Dem các biểu-đồ thu-hoạch được ra so-sánh với lý thuyết y-học Đông phương, ta thấy có sự trùng-hợp rõ-ràng về khía cạnh giờ giấc hoạt-động của *tâm-tạng*, vốn có khí vượng vào giờ *ngọ*. Chúng tôi trích y kết-quả do các tác-giả Nga-xô ghi-nhận : «La dynamique pulsologique circadienne en périodes et en amplitudes phonocardiographiques est maxima entre 11 et

13 heures». Ngược lại, bác-sĩ Chatelier thuộc Centre de Recherches de Médecine Aéronautique, và một số tác-giả Hoa-kỳ ghi-nhận rằng hoạt-động tim giảm-thiểu đến mức thấp nhất vào lúc *nửa đêm*, và điều này xảy ra ngay cả ở những người *đêm không ngủ*. Mà ta biết rằng theo một quy-luật phổ-thông của y-lý Đông-phương—quy-luật *tý ngọ*—thì một cơ-quan có khí vượng vào giờ *ngọ* sẽ có khí suy vào giờ *tý* và ngược lại. Tâm khí vượng vào giờ *ngọ*, mà giờ *tý* thì chính là giờ *cô ẹm vợ hỏi* : «anh nằm không ngủ anh mò đi đâu?»

Ottolio Fanelli, Giáo-sư Trường-khu Dược-học Viện Gentili ở Pise, Ý-đại-lợi đã trác-định sự hoạt-động của vỏ thượng-thận qua bốn mùa.

Giáo-sư, dĩ nhiên không biết gì về Đông-Y, đã đi đến kết-luận là vỏ thượng-thận làm việc tích-cực nhất vào những *tháng chạp, giêng và hai*. Cách đây năm nghìn năm, Tố-Văn ghi-nhận : *thận* tượng, thuộc Thủy, có khí thuộc *mùa đông*. Thiết nghĩ không còn gì để nói thêm.

«Phải xét lại vài bệnh-tật. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng hợp-chứng Toni-Debré-Fanconi là một tình-trạng suy hoàn-toàn đoạn chót các ống *thận*... mà hậu-quả là chứng còi *xương* và chứng *xương xốp*... Ngày nay, ta hiểu rằng sự suy *thận* gây nên sự giảm-thiểu dihydroxycholecalciferol ở ruột...» (1) Phần phỏng dịch này là ý-kiến của BS Pierre Raentchnik,

(1) Người viết nhấn mạnh.

ở Genève (1), và là lập-trường mới nhất của y-lý khoa-học. Khi Lãn-Ông mở trường dạy y-khoa, đại y-tôn họ Lê, trong những giờ khai-tâm cho đám môn-sinh muốn kế-nghiệp Hiên-Kỳ, chắc hẳn phải giảng rằng: "bao nhiêu *xương* trong người đều thuộc về *thận*". Người viết chỉ còn biết chân-thành cảm-tạ và hết lòng hoan-hô bác-sĩ P. Raentchnik, mặc dầu và nhất là Ông thường không mấy ưa *châm-thuật*! Cũng nên nói thêm là cuối năm rồi, BS Antony Normann đã sử-dụng những liều nhỏ DHCC (dihydroxycholecalciferol) cho các bệnh-nhân suy *thận* và kết-quả là phân-xuất *calci* đã gia-tăng một cách kỳ-dị. Nhưng vẫn chưa hết. *Thận*, như chúng ta đều biết, còn chủ-trì về *tính-dục*, theo nhân-quan Đông-Y, trong khi DHCC của *thận* là một kích-thích-tố có công-năng gia-bội sự *bài-tiết sữa*, theo Tây-Y.

Can thuộc mộc, tức là tương-đương với mùa xuân: trong năm những ngày xuân là những ngày can khí vượng. J.G. Henrotte (2) và các cộng sự viên, khi đo lượng cholesterol huyết-thanh — vốn là kính phản chiếu trung thành hoạt-động của gan — đã đi đến kết luận rằng lượng cholesterol rất cao về những tháng đầu năm. Nếu xét trong một ngày thì Phòng Thí-nghiệm Thân-kinh Dược-học, thuộc bệnh-viện Michael Reese, Chicago, Chicago Medical School, Illinois 60612 cho biết rằng mô gan qua kính hiển vi điện tử hoạt động mạnh mẽ nhất vào khoảng 2 giờ sáng. Thí nghiệm

được tiến hành trên ba nhóm động vật và đăng-tải trên tờ Science, số 175, ngày 14-01-72, từ trang 176 đến 179. Trong khi ấy thì Đông phương dạy: can khí vượng vào giờ *sửu*.

Tây phương chỉ mới bắt đầu nhận định rằng bệnh-tật và tử vong có vẻ như xảy ra theo một *chu kỳ* trong từng năm và từng ngày. Lý luận căn-bản của định nhận định này là khả năng đề kháng của cơ thể động vật đối với một hóa chất hoặc một nhân-tố vật-lý không bất biến trong thời gian nhưng thay đổi một cách nhịp-nhàng theo từng thời kỳ có thể là 24 giờ, là 30 ngày, là một năm v.v. (3,4). Trong phòng thí nghiệm, cùng một liều độc dược, nếu dùng vào một giờ nào đấy, thì giết chết con vật trong 80% các trường hợp, nhưng nếu sử dụng cùng độc dược ấy, cùng liều ấy 12 giờ sớm hơn hay 12 giờ trễ hơn thì cũng cùng loài động vật ấy lại có đến 80% may mắn

(1) *Revue de Médecine et Hygiène* (Genève). No 1050, 28-03-1973.

(2) J.G. Henrotte, Cl. Perchery, Depraitière, Coquelet et de Traverse. Modifications des éléments biologiques du sang au cours du cycle saisonnier. *Revue de la Société française d'Hydrologie*. 109e Année No 2, 2è trimestre 1972, pp. 96-99.

(3) F. Halberg *Chronobiology. Annual Review of Physiology*, 1969, No 31, pp. 675-725.

(4) L. Scheving, D.F. Vedral and J.E. Pauly: A circadian susceptibility rhythm in rats to pentobarbital sodium. *Anatomical Record*. 1968 No 160 (4) pp. 741-750.

sống sót(1, 2). Khả năng kỳ diệu ấy của loài vật, có thể phản ứng một cách nghịch thường đối cùng một độc chất tùy theo lúc phục dược, cách khoảng 12 giờ, chỉ một lần nữa, chứng-nghiệm quy luật tỷ ngộ của Đông-Y !

Đầu năm nay, Reinberg và các cộng-sự-viên (3) theo dõi phân-suất bệnh và phân-suất chết trong các nhà thương Pháp và Mỹ đã đi đến kết-luận rằng tỷ-số tử-vong và bệnh tật biến thiên theo một đường biểu-diễn có tính cách định-kỳ, tuần-hoàn, lượn sóng rất rõ nét. Tiết-điệu ấy có thể là hằng năm (rythme circannuel), có thể là hàng ngày (rythme circadien), có thể chỉ trong sáu giờ (rythme ultradien). Các tác-giả kết luận rằng dựa vào những dữ-kiện ấy, y-giới có thể tiên liệu những biện-pháp tích-cực hơn để đề-phòng các ca bệnh lý và tử trần, tùy theo giờ trong ngày và tháng trong năm, bằng cách theo dõi sinh-học chặt-chẽ các bệnh-nhân vào những giờ và mùa bất-lợi, nguy-hiêm. Hiện-tượng ấy, cách đây hằng mấy chục thế-kỷ, đã được sách Tố-Vấn dành riêng nhiều thiên như Lục vị chỉ đại luận, Khí giao biến luận, Ngũ thường chính đại luận, Lục nguyên chính kỷ đại luận, Chí chân yếu đại luận... đề bàn-cãi đến, Nếu Tây-Y học hiểu Đông-Y một cách chu-đáo thì đã biết đường và biết cách "đề-phòng", "theo dõi" từ lâu, lâu lắm rồi !

Trên bình-diện khoa-học thuần-túy cũng có những sự kiện trùng-hợp rất lạ-lùng. Chẳng hạn chúng

ta biết rằng nơi tế-bào, ADN là một chất có vai-trò cực quan trọng trong cơ-chế di-truyền. ADN là một phân tử phức-tạp, cấu-trúc theo hình xoáy ốc, mang các tổ-hợp gắn ghép nhiều bazơ có azôt: cytosine-thymine là những bazơ pyrimidic và adénine-guanine là những bazơ puric. Các bazơ azôt ấy, phối-ngẫu từng cặp một (một puric và một pyrimidic) — (lại cặp, lại nhị nguyên) — tạo thành một thứ mật-mã di-truyền mà mỗi từ gồm ba «chữ». Nói cách khác, với ba bazơ azôt nào đấy, chẳng hạn cytosine-guanine-cytosine, ta có một thứ mật-điện và chính những chữ của bức mật-điện ấy sẽ do các thành-phần có phận-sự đọc mật-mã của tế bào phụ-trách phân-tích. Nếu các bazơ phân-phối sai, sắp xếp lệch là «chuyên-viên truyền-tin» không thể nào đọc được mật-điện di truyền, và sự di truyền sẽ hỗn loạn, bệnh hoạn. Suy-tư một chút, ta không thể nào không liên-tưởng đến sự

(1) F. Halberg, A.N. Stephens : 24 hour periodicity in mortality of C.mice from E.coli lipopolysaccharide. *Federal Proceedings*. 1963, No 17, p. 339-345.

(2) F. Halberg, E.A. Johnson, B.W. Brown and J.J. Bittner : Susceptibility rhythms to E.coli endotoxin and bioassay. *Proceedings of the Society of Experimental Biology* (New-York). 1960, No 103, pp. 142-144.

(3) A.Reinberg, P. Gervais, F. Halberg, M.Gaultier, N. Roynette, Ch. Abulker et J. Dupont (Paris et Minneapolis) : Mortalité des adultes:rythmes circadiens et circannuels dans un hôpital parisien et en France. *La Nouvelle Presse Médicale*. Vol 2 No 5,3 Février 1973 pp. 289-294.

trùng hợp giữa một bên là những phức-hợp bazơ azôt, mỗi phức-hợp có ba bazơ, sắp-xếp theo từng đôi (cytosine-guanine-cytosine) và một bên là các quẻ trong bát quái, mỗi quẻ luôn-luôn có ba hào, thuộc vào hai loại, hào âm và hào dương :



Cứ phối-hợp các bazơ azôt từng cặp một, ta có tất cả 16 tổ hợp. Mỗi nhóm ba bazơ azôt vừa đề cập đến trên kia tạo nên một cấu-trúc tổ-thành đặc-thù mà thuật ngữ di-truyền-học gọi là một codon ; codon ấy tương đương với một acid amin nhất định. Mặt khác, chúng ta biết rằng có tất cả và cho tất cả hai mươi acid amin, hai mươi acid amin ấy chỉ được xếp thành mật-mã do những nucléotides, do đó, cuối cùng, ta có sáu mươi bốn tổ hợp, nghĩa là cùng một con số với số lượng quẻ kép theo kinh Dịch, trong Phục-Hy lục thập tứ quái phương viên đồ chẳng hạn.

oOo

Bước qua lĩnh-vực lâm-sàng, những luận-cứ của Đông-y cũng nhiều khi rất tâm-đắc với y-học tân-tiến.

Lộ trình chứng đau trong các ca angine de poitrine khởi từ ngực, theo mặt trong cánh tay và cẳng tay để chấm-dứt ở ngón tay út, chính là đường đi của Thủ thiếu âm tâm kinh theo châm-khoa (1). Đi xa hơn, chúng ta có thể bắc được một nhịp cầu vững chắc giữa sự hiện-hữu của các kinh lạc trong cơ-thể, tức

là những đường vận-hành năng-lượng, với những đường năng-lượng nói liền hai trung-cầu khi nhân tế-bào phân-cách. Con salamandre của Becker, giáo-sư Đại-Học-Đường Syracuse, USA, rất nổi-danh trong giới nghiên-cứu châm-thuật, là một bằng-cớ hùng-biện về sự hiện-hữu của hai mạch Nhâm-Đốc xét dưới khía cạnh thần-kinh sinh-lý-học (2).

Đông-Y lập-luận rằng đối với tâm-tạng, khí của tâm hợp với mùa hè. Nói cách khác, trong những trường-hợp tâm-bệnh, mùa hè là mùa nguy-hiêm. Tây-Y, qua thống-kê, cũng đồng-ý rằng rất nhiều tai-nạn về bệnh tim thường xảy ra về mùa hè, cũng như các biến-chứng do tăng-huyết-áp. Theo công-trình của Reinberg đã nói trên kia chẳng hạn, các acrophases liên-hệ đến những trường-hợp tử-vong vì bệnh tim và huyết-mạch ở trong khoảng các tháng ba, tư, năm, sáu. (3).

« Tâm tại dịch vi hãn », « mồ-hôi là chất dịch của tâm, là tên riêng của huyết ». Lời dạy ấy của Hoàng-Kỳ, của Lãn-Ông (4) chắc sẽ làm quý vị

(1) Angine de poitrine là một loại bệnh tim (ghi chú dành cho các độc-giả không thuộc y-giới).

(2) Theo G. Cantoni, Médecin-Général, Directeur du Centre d'Enseignement et de Recherches de Médecine Aérospatiale, Paris. (Méridiens No 11-12, 1965).

(3) Reinberg (tldd)

(4) Hải-Thượng Lãn-Ông. Y-Tông Tâm-Linh. Hiệu-phòng tân-phương. Mục 3. Thống tạng phương.

bác-sĩ ngân-ngợ. Nhưng khi tim bị bệnh, chẳng hạn trong chứng *angina pectoris*, triệu-chứng mồ-hôi toát đầm-dề chẳng phải là một dấu-hiệu rất hữu-giá giúp người Tây y-sĩ xác-định tính-chất cơ-quan (*caractère organique*) của cơn đau ư?

Khi lá vàng bắt đầu rơi, bệnh-nhân đau phổi thường trở nặng. Đông-Y cũng chia sẻ cùng quan-điểm ấy với Tây-Y, vì chủ-xương *phế-khi* hợp với mùa thu. Ngày xưa, trước khi có trụ-sinh và theo y-sứ Tây-phương, một trong những biện-pháp dinh-dưỡng dành cho người bệnh lao là cho ăn thịt ngựa tươi. Mã nhục là một dược-liệu cổ-truyền của các tiên-y phương Đông để bổ phế. Cơn suyễn thường xảy ra vào khoảng *quá nửa đêm* trở về sáng, tức là lúc *phế khí* thịnh (giờ dần). Ưu thương phế: cho nên Tổng Thống Nixon phải đau phổi (hay đau màng phổi thì cũng thế) vì vụ *Watergate*!

Vị mạn vào thận theo Đông-Y thì đã quá rõ-ràng, bởi muối là kẻ thù nguy-hiêm của các chứng thận suy, theo Tây-Y. Trong chu-kỳ tương-quan ngũ hành, thận thủy nằm giữa *phế kim* (ở trước thận) và *can mộc* (ở sau thận). Vì vậy, bệnh-tật ở phổi sẽ có ảnh hưởng vào thận. Chúng ta thử lật lại những trang sách bệnh lý nội-khoa trước thời-đại trụ-sinh, khi mà các chứng *viêm phổi* kéo dài theo một chu-kỳ từ bảy đến chín ngày. Cuối chu-kỳ tiến-triển của bệnh, lúc phổi được giải-thoát, bệnh

nhân đi *tiểu ào-ạt*, như một trận tuyết tan (*débâcle urinaire*). Mỗi tương-liên kim *phế-thủy* thận của Đông-Y không phải vô căn cứ.

Mùa xuân, mùa can khí vượng, thường chứng-kiến những bệnh-nhân đau gan trở nặng trong các bệnh-viện *Vị toan* (chua) hại can. Cho nên những dược-thảo của Tây-Phương như *angélique*, *racine de pivoine*, *rhubarbe*—là những dược-thảo chứa nhiều *bases alcaloidiques*—đều có công-năng làm bớt *sung-huyết gan*. *Thận thủy* và *can mộc* tương-quan chặt chẽ trong hệ-thống ngũ hành. Muốn hiểu lý-luận ấy, không gì rõ-ràng bằng dở bộ y-thư vĩ-đại nhất của ngôn-ngữ Pháp, bộ *Encyclopédie Médico-Chirurgicale*. Trong « *hợp-chứng bất quân-bình não-thủy, noãn-sào, cứ mỗi kỳ kinh nguyệt* » bệnh-nhân lại bị *hỗn-loạn chức-năng ở bộ máy gan-mật* (Fernet) (1). Và chẳng, « *nhiều thí nghiệm đã chứng minh rằng gan làm mất nhanh chóng công-năng của các oestrogènes, và của cả progestérone nữa, nhưng chậm hơn* » (Messimy) (2). Ở phía Đông châu Phi, sống trong vùng *Sénégal* và *Soudan*, có một sắc dân gọi là *Bambaras*. Sắc dân ấy « *có một vốn liếng kiến-thức rất lớn về mối tương giao giữa các cơ-quan và các*

(1) M.A. Fernet : Syndrome endocrinien, in ECM, Foie Pancréas 7014 G 10, P. 3. (Người viết nhấn mạnh).

(2) R.Messimy ; Histophysiologie du Foie in EMC, Foie 7005 ab. p.6. (Người viết nhấn mạnh. Oestrogènes vs progestérone là kích tố sinh dục).

chức-năng». (1) Mỗi lần cử-hành hôn-lễ, trước khi động phòng hoa chúc, chú rể và cô dâu đều được thân nhân buộc chặt vào ngón chân cái một sợi dây. Đối với chú rể, tập tục ấy có mục đích giúp chú hoàn thành trọng trách của con ong Mã-Giám-Sinh. Đối với cô dâu, nhờ làm như vậy, cô sẽ bớt đau đớn lúc mưa gió phủ phàng. Điều đáng nói là điểm buộc dây chính là trú khu của huyết Hành-gian thuộc *can-kinh*. Xiết chặt nơi ấy lại có lẽ giúp hóa giải bớt can-khí quá thịnh, làm ngăn-trở sự thụ thai? Dầu sao, đây cũng chỉ là một chuyện văn-hóa hơn là khoa-học.

oOo

Người y-sĩ lý tưởng, theo nhãn quan của Hippocrate, gần-gũi với người chuyên-viên sinh học — biologiste — mà Trung-Y quan-niệm hơn người Tây-y-sĩ hiện-đại nhiều.

Hiện nay, trong phần lớn các trường hợp, tiến trình điều trị bệnh tật của người Tây-y bác sĩ diễn-biến theo một chiều hướng phổ thông như sau: Dựa vào một số triệu chứng, người Tây y-sĩ chẩn-đoán ra một bệnh nào đó và đặt cho bệnh ấy một cái tên. Căn-cứ vào danh-xưng ấy, rồi tra-cứu các từ-điển dược-phẩm đặc-chế, người ta có thể tiến-hành trị-liệu tương-đối dễ-dàng, bằng vào sự chọn lựa và kê toa những vị thuốc đã được xem như là hữu-hiệu đối với triệu-chứng hay bệnh-chứng liên-hệ (2). Và như vậy là Tây-y đã tách rời bệnh chứng ra khỏi bệnh-nhân! Trong khi mục-đích không phải là trị chứng-bệnh mà chính là trị người bệnh.

Trái lại, người Đông y-sĩ luôn luôn cố-gắng tái-lập quân-bình trong cơ-thể vì bệnh-tật chỉ là do sự sụp-đổ quân-bình gây ra. Nói cách khác, giới chúng tôi quan-niệm bệnh-tật là một hậu-quả, chứ không phải là *primum movens*. Cho nên phải tìm cho ra nguyên-nhân của sự kiện mất thăng-bằng năng-lượng ấy để nhắm ngay vào gốc của bệnh mà trị: đấy chính là quy-tắc « trị bệnh tất cầu kỳ bản ».

Di-nhiên là trong cả hai trường-hợp, đối với cả hai nền y-lý, cứu-cánh vẫn là một: chữa lành bệnh. Nhưng lẽ-lối tư duy và các phương-pháp sử-dụng để đạt đến cứu-cánh vẫn dị-biệt. Chẳng hạn, đối với Tây-Y, thường có khuynh-hướng chiến-đấu chống lại bệnh tật bằng cách tấn-công vào nguyên nhân bên ngoài đã gây nên bệnh. Nhưng đối với Đông-Y, thì vì quan-niệm rằng bệnh chẳng qua chỉ là âm dương thiên thăng, năng-lượng bất quân (do đó, mới khiến cho ngoại nhân có cơ-hội và cơ-địa để hoành-hành) nên mục-tiêu đặt ra là phải phục-hồi nguyên-trạng, tái-lập ổn-định bằng cách bảo-vệ chính cơ-thể chống lại các tác-nhân bên ngoài.

Y-học, dầu là Tây hay Đông (nhưng nhất là Tây-Y) thì cũng đều

(1) D. Zahan; Sociétés d'initiation Bambara Mouton et Cie, Paris 1960, p. 222.

(2) Vì vậy, trên thị-trường sách y-học Việt-Nam, thấy xuất-hiện một cuốn sách trị bệnh mà tác-giả không phải là Bác-sĩ, cũng không phải là y-tá, nhưng là một... trình-dược-viên (Điều-trị bệnh chứng phổ-thông của VNH).

dựa vào sự quan-sát những hiện-tượng, và lý-luận y-khoa chỉ có thể bằng vào những dữ-kiện phỏng chừng, không bao giờ đạt được đến mức chính-xác của toán-học. Mặt khác, những lời giải-thích của y-khoa thường chỉ căn-cứ vào những giả-thuyết, hoặc tệ hơn, có khi còn chỉ căn-cứ vào những tín-điều.

Y-khoa chưa hề biện-giải được một cách trọn vẹn tác-dụng của aspirin lên các hiện-tượng đau-đớn, của ephedrin lên thành mạch máu, của thuốc mê lên hệ thần-kinh. Khi những nhà bác-học Tây-phương tập-tễnh đặt những điện-cực đầu tiên lên cơ-thể con người để trị bệnh, người ta vẫn chưa biết được bản-chất dòng điện ra sao. (Tuy vậy, không ai chối-cãi được rằng aspirin làm giảm đau, rằng dòng điện quả có trị được một số bệnh). Không hề có chuyện một tác-nhân vật-lý hay hóa-học được kết-nạp vào kho-tàng tri-liệu sau khi trải qua một tiến-trình tính-toán lý-thuyết, ngay cả đến dựa vào một lối lý-luận hợp-lý cũng không có nốt: y-sĩ đâu phải là kỹ-sư ! Thuốc x được chỉ-định vào bệnh y là dựa vào sự quan-sát, có khi rất ngẫu-nhiên (huyền-thoại péricilline là bằng-chứng phổ-cập nhất, nhưng không hề là bằng-chứng duy-nhất) kèm theo một số biện-pháp thực-nghiệm.

Riêng về Đông-Y, với lối tư duy của Đông-phương, con người phương Đông xếp-đặt những luận-thuyết về vũ-trụ, về sinh-học và về xã-hội của mình lên một bức canevas

mà mỗi một luận-thuyết là một điểm trắc-địa. Trong khi phương Tây nói b là kết quả của a, thì phương Đông bảo b tương-ứng với a, b thuộc a. M. Granet thực đã đi guốc vào bụng văn-hóa Đông-phương khi phát-biểu: « Les Chinois répertorient des correspondances ».

Những điểm tương-ứng ấy tạo thành vô số biểu, và từ những biểu ấy con người Đông-Phương trích ra những đề-mục, những tiêu-đề liên-hệ đến từng bộ môn khoa-học một, mỗi tiêu-đề lại được sắp-xếp theo một biểu tượng rõ-rệt, minh-bạc h.

Chúng ta thử đem chõng hai biểu kê tứ thời và tứ phương chẳng hạn. Ta thấy ngay rằng mùa hạ và phương nam cùng được xếp vào một biểu-tượng chung, biểu-tượng ấy mô-tả một tình-trạng viên mãn, cực-độ, tuyệt-đỉnh, không thể hơn được nữa. Tương-tự như vậy, mùa xuân thuộc phương đông trong ý-nghĩa cũng là bước khởi đầu; mùa thu và phương tây tương-liên với hàm-ý là mặt-kỳ, là chấm dứt. Mùa đông với phương bắc là vô-vi: mặt trời không bao giờ lên phương bắc, mùa đông là một mùa vô-sinh, tuyệt-chúng.

Chính dựa vào một đồ-hình tương-tự mà tư-tưởng Đông-Phương đã được xây-dựng và theo lẽ lối xây dựng ấy thì bắt-buộc phải tiến đến phương-pháp tổng-hợp.

Áp-dụng cho y-khoa, cái canevas chúng ta vừa trình-bày là tiền-thân, là nguyên-ủy của thuyết ngũ hành sinh khác.

Xây dựng được hệ-thống tư duy ấy, sắp xếp nổi tập thể tương-quan ấy — và chỉ riêng cho y-khoa mà thôi — là công-trình và kết-quả của một tổng-số kinh-khủng những điều tra, chiêm-nghiệm mà đối-tượng là khối dân-số khổng-lồ của Trung Quốc cùng với những dân-tộc lân-bang : Nhật-bản, Triều-tiên, Việt-nam, Mông-cô, Mãn-châu, Tây-tạng tức là, nói một cách cụ-thể hơn, trong nhân-loại cứ bốn người thì có một người đã là đối-tượng học-hỏi của Đông-Y, và như vậy, trong ít nhất là đã năm mươi thế-kỷ rồi ! Công-trình thực-nghiệm ấy của Đông-Y, một công-trình thực nghiệm sống động, linh-hoạt thực-tiến (vì tiến-hành trên chính con người), chứ không phải một hình-thá thực-nghiệm giả-tạo, gượng ép, gò bó (vì tiến-hành trên súc-vật), công-trình thực-nghiệm ấy đã thực-sự vượt lên ngoài không-gian và thời-gian, và không hề có một khoa-học nào khác của nhân-loại lại có thể xuất-trình được một bức ủy-nhiệm-thư vào cõi ấy !

Dĩ nhiên Tây-Y hay Đông-Y thì cũng đều quan-sát, và quan-sát rất chăm-chú, thực chi-ly. Nhưng đến khi thấy được kết-quả thì lại khác. Đối với Tây-Y, ghi nhận được kết-quả có nghĩa là phải, bằng mọi cách, bằng mọi giá, cắt nghĩa cho được kết-quả ấy, và chính vì lòng hăng say phải trả lời kỳ được những câu hỏi "tại sao" mà Tây-Y rơi vào mê-cung của những giả-thuyết, đề lăm khi lạc lối, vì không phải giả-thuyết nào cũng

kiểm-chứng được. Trái lại, và đáng tiếc hơn, giả-thuyết có thể lăm-hỏi trở thành tía-điều, như đã nói trên kia.

Phương Đông, khôn-ngoa và sâu-sắc, biết tự chế hơn nhiều. Tò-tiên chúng ta chỉ ghi-nhận, không cần tìm cách giải-thích chi-tiết, vì cái trí của kẻ sĩ Đông-phương thừa đủ để dạy cho đồng-chúng chúng ta biết rằng mọi điều giải-thích, tự bản-thân chúng nó, đã là bất-túc rồi, đề đừng nói là rất dễ vướng mắc thêm lăm-lăn do những giả-thuyết vô-bằng. *Tây phương nhận-định xong là muốn giải-thích Đông-phương nhận-định rồi phân-loại.*

Y-ly cổ truyền phương Đông hẳn nhiên là một nền y-ly cổ-diễn. Nhưng chính trong khái-niệm cổ-diễn này có bao hàm cái ý đáng được học, cần được học : cần phải học, phải tìm hiểu cái cổ-diễn đề từ đấy mà tìm hiểu, mà thường thức cái hiện đại. Sự thực là thế, ở đây, ở thời nào cũng thế. Có hiểu thấu cái cổ-diễn mới thường-thức được cái hiện-đại và càng chuộng cái hiện-đại, càng phải trọng cái cổ-diễn.

Tây Đô, 27.07.75.

KIM-DỊCH

Đông Y-sĩ

đã phát hành :

Khi Hòa Bình trở lại

Thơ Lê Phổ Đức

Những ngã đường

truyện dài Hà Bình-Trung

do Cơ Sở Nhân Chứng xuất bản

Đã phát hành: (từ tháng 1 đến tháng 9/1973)

- CÔ BÉ TREO MỪNG *của Hoàng Ngọc Tuấn*
- HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU *của Hoàng Ngọc Tuấn*
- CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA
của Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch
- BẠCH TẦN *của Từ Vu, Vi Huyền Đắc dịch*
- HỒI KÝ 41 NĂM LÀM BÁO *của Hồ Hữu Tường*
- PHI LẠC SANG TÀU *của Hồ Hữu Tường*
- TẬP LUẬN *của Võ Phiến*
- BỨC BÌNH PHONG
của Somerset Maugham, Nguyễn Minh Hoàng dịch
- LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT-NAM *của Huỳnh Văn Tông*
- DỊCH CÁT *của Nguyễn Văn Xuân*
- MƯU SINH
của Maxime Gorki, Trương Đình Cử dịch
- TIẾNG CHIM VƯỜN CŨ *của Nguyễn Mộng Giác*
- CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI *của Nguyễn Xuân Quang*
- NHỮNG NGÀY RẤT THÔNG THẢ
của Trần Thị NgH.

TRÍ ĐĂNG xuất bản

19, Nguyễn-Thiện-Thuật Saigon 3

Đ.T. 92.017

Các quốc-gia kỹ-nghệ trên thế-giới sẽ giải quyết cuộc khủng hoảng nhiên-liệu cách nào

Các quốc gia tiêu thụ dầu trên thế giới

Mỹ, Nhật, Tây Âu cùng các quốc gia kỹ nghệ khác trên thế giới chắc sẽ phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng nhiên liệu trầm trọng trước khi thập niên này chấm dứt.

Các nhiên-liệu hóa-thạch như dầu hỏa, hơi đốt, và than có lẽ hãy còn nhiều. Ngoài các nhiên-liệu hóa-thạch còn có thể có nhiều nguồn nhiên-liệu mới như nguyên-tử, nhiệt-năng mặt trời v.v... nhưng tất cả các nguồn nhiên-liệu trên đều chưa đạt đến mức khai thác đủ cung ứng cho nhu cầu ngày một gia-tăng của thế giới.

Dầu hỏa giữ vai trò quan trọng nhất trong nền kinh-tế của các quốc gia kỹ nghệ. Vào thập niên tới, nhu cầu về dầu hỏa của Mỹ sẽ tăng gấp hai, Nhật sẽ tăng gấp ba. Mỹ là quốc gia nhập cảng dầu nhiều nhất thế giới sẽ cần đến 24.000.000 thùng mỗi ngày vào năm 1980, nhưng vì mức sản xuất dầu trong nước không gia tăng nên số dầu sản xuất trong nước sẽ chỉ cung ứng được một nửa số dầu tiêu thụ. Lúc đó Nhật từ con số 3.800.000 thùng sẽ cần đến 12.000.000 thùng. Nhu cầu của Tây Âu sẽ tăng trên hai lần con số hiện tại, từ 12.000.000 thùng lên

đến 28.000.000 thùng.

Các quốc gia sản xuất dầu trên thế giới

Mối ưu tư lớn nhất của các quốc gia kỹ nghệ là làm sao bảo đảm được nguồn tiếp tế dầu ở ngoại-quốc sau khi đã tìm đủ mọi cách để tăng gia sức sản xuất trong xứ. Âu-châu đã cố gắng tìm kiếm mỏ dầu mới trong địa phận của mình. Sau nhiều năm cố gắng khai thác, năm 1970, mức sản xuất dầu ở Âu châu vẫn chỉ đáp ứng được 4% nhu cầu. Sau đó người ta khởi sự khai thác dầu ở Bắc-hải và các công ty đều nỗ lực tìm kiếm mỏ dầu ở ngoài khơi Âu châu. Các sự khai thác mới này sẽ đưa con số sản xuất lên cao nhất là 4.000.000 thùng vào năm 1980, con số nghe có vẻ khếch lệ, song so với nhu cầu của Âu-châu chỉ là một con số nhỏ. Hiện giờ Nhật-bản hầu như phải nhập cảng hết số dầu cần dùng và trong thập niên tới tình hình đó chắc không có gì thay đổi.

Người ta khai thác dầu khắp nơi trên thế-giới, ở Hoàng-hải, Nam-hải, ở Bắc-băng-dương, Phi-châu và Nam-Mỹ. Trong tương lai gần đây có thể nói một cách gần như chắc chắn là Trung-Đông sẽ là nguồn tiếp tế chính về dầu. Người ta ước

tính rằng Trung Đông chứa đựng 3/4 tổng số dầu của thế-giới và con số sản xuất ước tính là hơn 4.000.000 thùng mỗi ngày. Riêng Ả-rập Sê-u-đít đã chứa một số dầu nhiều gấp 4 lần tổng số dầu của Tây-bán-cầu.

Có một đạo nước Mỹ tương đối không chú ý gì mấy đến tình hình sản xuất dầu ở Trung Đông. Vì tin tưởng vào sức sản xuất dầu trong xứ và vì chủ trương chính-sách nhập cảng dầu từ các nước ở Tây-bán-cầu. Nhưng chắc là các nước Tây-bán-cầu sẽ không cung cấp đủ được số dầu cần dùng và trong tương lai nước Mỹ sẽ phải phối hợp với Nhật và Âu-châu trong công cuộc tìm kiếm dầu ở Đông-bán-cầu kể cả những mỏ dầu có thể tìm thấy ở Đông-nam Á-châu.

Năm 71-72 là năm vấn-đề dầu trở nên sôi nổi nhất trên quốc-tế. Mối liên lạc giữa các nước tiêu thụ và các nước sản-xuất dầu đã thay đổi. Các nước sản-xuất đã hợp-tác với nhau qua «Hiệp-hội các nước sản xuất dầu» để bảo vệ quyền lợi của họ. Họ đòi các công-ty dầu phải dành cho họ mức lời cao hơn. Ngoài ra các công-ty còn phải chia cho họ một số c-òphần. Kết quả là các quốc gia nhập cảng phải chi nhiều tiền hơn để nhập cảng dầu. Năm 1975, chắc nước Mỹ sẽ phải chi 31.000.000 Mỹ-kim về dầu. Số vốn đầu tư vào việc khai thác dầu càng ngày càng lớn. Người ta tính trong thập niên này kỹ nghệ dầu hỏa sẽ

cần đến một số vốn ít nhất là 500 tỷ Mỹ kim. Người ta tự hỏi không biết các công-ty có đủ sức bỏ ra số vốn lớn đến thế không và trong những điều-kiện khó khăn của các quốc-gia có dầu hỏa, các công-ty có sẵn lòng bỏ ra số vốn đó để đầu tư không?

Giải quyết vấn đề khủng hoảng nhiên liệu

Mối tương quan giữa Mỹ và các quốc gia sản xuất và tiêu thụ dầu được mô tả là gặp nhiều khó khăn. Giải pháp cho nước Mỹ và các quốc gia tiêu thụ dầu là tăng sức sản xuất trong nước và giảm bớt mức tiêu thụ. Mỹ sẽ khuyến khích và trợ giúp nỗ lực của Nhật và các quốc gia Âu-châu trong công cuộc phát triển năng lực nguyên-tử và các nguồn năng lực khác.

Các chuyên viên về nhiên-liệu ở Mỹ tin rằng giải pháp dùng nguyên-tử năng để sản xuất điện sẽ là biện pháp hữu hiệu nhất để giúp các quốc gia kỹ nghệ khỏi phải lệ thuộc nhiều vào các nhiên-liệu hóa thạch dầu hỏa, hơi đốt và than. Nước Mỹ đã sử dụng một ngân khoản rất lớn vào công cuộc nghiên cứu lò nguyên-tử dùng kim khí lỏng để sản xuất điện-năng vào năm 1980 và những năm kế tiếp.

Người ta tin là nguyên-tử-năng sẽ sản xuất được lối 25% số lượng điện cần dùng cho nước Mỹ vào năm 1980 và khoảng 50% vào năm 1990 cho dù người Mỹ mỗi năm mỗi tiêu thụ điện nhiều hơn :

Lò nguyên-tử dùng kim khí lỏng để sản xuất nhiệt-năng đã được chính phủ Mỹ và Ủy-ban nguyên-tử-lực chọn để sản xuất một phần lớn số

điện kỹ-nghệ cần dùng trong thập niên tới,

Họ hy vọng với loại lò nguyên-tử mới này người ta sẽ sản xuất được nhiên-liệu với giá hạ, không gây ô nhiễm và đủ để đáp ứng nhu cầu ngày một gia tăng của kỹ nghệ. Lò này sẽ khai thác được 70% năng lượng chứa đựng trong uranium, và người ta hy vọng lò nguyên-tử mới này sẽ giúp kéo dài sự sản xuất nhiên liệu bằng uranium từ khoảng thời gian vài chục năm lên vài trăm năm và ít gây ô nhiễm hơn các nhà máy phát điện hiện thời.

Hiện nay Ủy-ban nguyên-tử-lực Mỹ đã sử dụng 800 triệu Mỹ kim vào công cuộc nghiên cứu loại lò nguyên-tử mới này trong công việc sản xuất điện và trong tài-khoá này chắc sẽ sử-dụng thêm 260 triệu Mỹ-kim trong tổng số 621 triệu Mỹ-kim dành để nghiên-cứu mọi loại năng lực. Nước Mỹ chắc sẽ sử dụng ít nhất là 2.800 triệu Mỹ-kim vào chương trình dùng nguyên-tử để sản xuất điện và các cơ sở kỹ-nghệ chắc sẽ đóng góp thêm nhiều ngân khoản cho chương-trình này.

Mục-tiêu của Ủy-ban nguyên-tử-lực là cho chạy một nhà máy nguyên tử kiểu mẫu vào năm 1980 và sau đó sẽ lập thêm nhà máy thứ hai.

Lò nguyên-tử mới này sẽ sản-xuất được một số nhiên-liệu nhiều gấp hai lần số nhiên liệu lò tiêu thụ trong khoảng thời gian 10 năm đầu và như vậy lò này sẽ cung cấp nhiên liệu cho các lò khác tiêu thụ. Loại lò nguyên

tử mới này khai thác được 70% số năng-lực chứa trong uranium trong khi loại lò nguyên-tử cũ chỉ lấy được 1%. Đại khái người ta tính rằng 50% số lượng điện tiêu thụ sẽ được sản xuất bằng nguyên-tử và người ta hy vọng sẽ đạt được tới 65%.

Năm ngoài nước Mỹ có 29 nhà máy nguyên tử sản xuất được 14.700.000 Kilowatts điện, 54 nhà máy đang được xây cất và người ta dự trù xây thêm 77 nhà máy nữa để có thể sản-xuất lối 23% số lượng điện tiêu thụ vào năm 1980. Vào năm 1985 chắc các nhà máy nguyên-tử sẽ đạt tới con số 300.000.000 Kilowatts điện. Vào khoảng giữa hoặc cuối thập niên 1980 các lò nguyên tử loại mới sẽ được sử dụng vào công việc sản xuất điện.

Với mức tiêu thụ điện càng ngày càng gia tăng và số lượng dầu, hơi đốt và than giảm dần đi, các lò nguyên tử loại mới này sẽ giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế của nước Mỹ và các nước kỹ-nghệ khác trong tương lai. Hiện nay giá điện do nguyên tử sản xuất đã có thể cạnh tranh với điện do các nhà máy dùng dầu, hơi đốt và than sản xuất. Trong tương lai khi người ta phải trang bị các máy móc đắt tiền trong các nhà máy phát điện để chống ô nhiễm, điện do nguyên tử sản xuất sẽ có ưu thế cạnh tranh lớn hơn nữa.

Người ta tiên đoán rằng giá tất cả các loại nhiên liệu kể cả uranium sẽ gia tăng trong các năm tới. Và kết quả là giá điện cũng sẽ tăng. Nhưng người ta hy vọng sau khi các nhà

máy nguyên-tử loại mới, đắt tiền này đã được thiết lập (giá mỗi nhà máy vào khoảng từ 300 triệu đến 400 triệu Mỹ kim) điện sẽ được sản xuất với giá tương đối còn hạ.

Hội-đồng quốc gia về dầu hỏa ở Mỹ tính rằng sẽ cần tới một ngân khoản chừng 4 tỷ Mỹ kim để khai thác uranium ở Mỹ cho các nhà máy nguyên tử sử dụng. Người ta sẽ cần một ngân-khoản lớn hơn nữa để chế tạo các máy móc nguyên-tử sản xuất điện.

Úc-châu, Gia-nã-đại, Pháp, Nam-Phi Tây-nam Phi-châu, Cộng-hòa Trung-Phi, Gabon, Niger và Mỹ có khoảng 95% số lượng uranium của toàn thể Thế-giới tự-do. Á-căn-đinh, Ba-tây, Ý, Nhật, Mê-tây-co có một số lượng nhỏ uranium.

Theo Ủy-ban nguyên-tử-lực các lò nguyên-tử mới sẽ có những lợi ích sau đây:

— 1/ Lò sẽ sản xuất một số lượng điện rất lớn với giá hạ và không gây ô-nhiễm.

— 2/ Cung cấp thị-trường cho sự sản xuất có tính cách rộng lớn chất plutonium (người ta có thể sử dụng hoặc uranium hoặc plutonium trong các lò nguyên-tử mới này) Chất plutonium được các nhà máy nguyên-tử cũ sản xuất.

— 3/ Giúp cho nước Mỹ và các

quốc gia kỹ-nghệ khác ít phụ thuộc vào nhiên-liệu nhập cảng.

Chương-trình nghiên-cứu và phát-triển các lò nguyên-tử mới đang tiến hành ở các quốc-gia kỹ-nghệ lớn bên Âu-châu như Pháp, Ý, Cộng-hòa liên-bang Đức, Nga và Anh. Người ta dự trù sẽ dùng các lò nguyên-tử này để sản-xuất điện vào năm 1973 ở Anh, Pháp và Nga. Ở Mỹ các khoa-học-gia đang gấp rút tiến hành kỹ-thuật sản xuất những bộ phận có tính cách an toàn và hữu hiệu cho lò này.

Việc thiết lập các nhà máy nguyên tử loại mới này bị chậm trễ ở Mỹ vì các ngân khoản, chuyên viên kỹ thuật và các phương-tiện máy bị phân chia cho nhiều dự-án sản-xuất điện-lực khác.

Các khoa học gia trong Ủy-ban nguyên-tử cho biết sẽ còn nhiều khó khăn phải giải quyết song họ đều cảnh cáo rằng đến thập niên 1990 mà nước Mỹ vẫn chưa thành công trong việc dùng nguyên tử để sản xuất điện thì hậu quả sẽ trầm trọng vô cùng.

Với nền kỹ-thuật tiến bộ vượt bậc với các khoa-học gia lỗi lạc người ta có nhiều hy vọng vấn-đề khủng hoảng nhiên-liệu sẽ được giải quyết một cách tốt đẹp trong tương lai.

VÂN-ANH



Công-sứ Oser, một người không chết ở vùng Nghệ-Tĩnh

Tám mươi năm chiếm đoạt và thống-trị Việt-Nam, có rất nhiều người Pháp muốn cho tên tuổi mình được sống mãi trên giải đất mà mình có dự phần cai trị, nên họ đã dùng đủ mọi hình thức : Đặt tên vào các trường học, ví dụ trường Albert Sarraut ở Hà-nội, trường Chasseloup Laubat ở Sài-gòn, cầu Doumer, đường Galliéni, ngoài ra còn có người còn dựng bia khắc chữ đề ghi công v.v... Nhưng tất cả những cái đó đều đã bị tiêu tan từ sau năm 1945 trở đi.

Ngoại trừ trường hợp Oser, Công-sứ Nghệ-an, ông ta không đặt tên đường, cũng không dựng bia tạc chữ như Thibaudau, ấy thế mà tên tuổi ông còn được truyền tụng mãi ở Nghệ-an. Cho hay ở đời cái gì chí công vô tư, bất vụ lợi thì mới trường tồn.

Oser là một người đậu Cử-nhân Triết-lý Đông-phương, rất giỏi chữ Hán, đã từng làm Lãnh-sự ở Thượng Hải ; y nói tiếng Tàu rất cừ, sang Việt-Nam mấy năm, thì tiếng Việt nói cũng rất cừ.

Năm 1898 y tới nhậm chức Công-sứ Nghệ-an. Vừa tới nơi y liền đặt vấn đề liên lạc với các cụ khoa-bảng Nghệ-an và tìm hiểu văn chương bình-dân địa-phương Nghệ-an. Đề tìm hiểu văn-chương bình-dân Nghệ-an Oser hiệp-đồng với Tổng-đốc

Nghệ-an và Tuần-vụ Hà-tĩnh cấp phát cho mỗi làng mỗi 100 trang giấy và, một số tiền phí tổn, buộc phải sưu tầm và sao lục các phương-ngôn tục-ngữ, các câu hát câu vè ở địa-phương sau đó tập trung về tòa sứ Vinh, biên soạn lại đề gởi về Pháp làm tài-liệu nghiên-cứu về văn-chương Việt-Nam.

Tiếc thay việc làm nói trên của Oser, các thân sĩ Nghệ-Tĩnh hồi đó có vị lại cho rằng : « Đây là một thủ đoạn hiểm độc của người Pháp, chỉ cho biên lại những cái bậy bạ để làm tài-liệu nhằm tố cáo ra thế-giới rằng : Văn hóa Việt-Nam đang dã-man cồ-lậu như thế này đây nên người Pháp chúng tôi có nhiệm vụ phải khai hóa cho họ. »

Có lẽ nhà tiền-bối cựu-học chúng ta chú trọng về mặt tuyên truyền nhiều hơn là chú ý đến công tác văn hóa của một người Pháp. Vì nếu bảo đây là một ác sách thì không thể chỉ thi-hành ở một địa-phương Nghệ-Tĩnh. Bởi vậy chúng ta có thể nói một câu không sợ sai lầm rằng : Đây là sáng kiến riêng của Oser, một học-giả Pháp, muốn tìm hiểu văn chương bình dân một địa-phương mà ông ta đang cai trị. Chúng ta nên nói như thế để được đúng với tinh thần văn chương và hợp lẽ công bình.

Oser không phải là một người chỉ biết ít nhiều chữ Hán vừa đủ để xem sách và khảo cứu mà ông chính là một người thâm nho ; Thơ, Câu đối, Phú, Kinh-nghĩa, thề-văn nào ông cũng làm trôi chảy và hay ho cả. Ví dụ ông tới nhậm chức ở Nghệ-an được 5 tháng khi xứ Cầu rằm xây cất thánh đường xong, người ta mời ông tới dự lễ khánh thành, mấy ông co đạo, cụ đạo xin một câu đối cho nhà thờ, ông viết ngay câu sau đây :

Cụ hữu thử tâm đồng thử lý

Cổ tương tư đạo giáo tư dân (1)

Người ta kể chuyện thêm : khi ở Vinh làm xong nhà thương bố thí ông cũng làm một câu đối bằng Hán văn để khắc vào cột cửa nhà thương như sau :

Thí tế hà nan Nghiêu, Thuấn bệnh

Dược-y yên khiêm Biền, Hoa tài(2)

Khi tới nhậm chức Công-sứ tỉnh Nghệ-an, Oser yêu cầu với Tổng-đốc Nghệ-an, cho ông ta được liên lạc với các cụ khoa bảng Nghệ Tĩnh để được học hỏi thêm về văn chương chữ Hán. Cụ Hoàng-giáp Nguyễn Đức Lý người tổng Yên-trường, phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an là người được ông Tổng-đốc Nghệ-an lựa chọn để thường trực tiếp Công-sứ Oser, vì lẽ nhà cụ Lý ở ngay Vinh. Sau đó cụ Hoàng-giáp Lý đã trở nên người bạn chí thân của Oser vì văn chương chữ nghĩa. Nhưng cũng vì thế mà nhiều lần Oser đã làm cho cụ bị lúng túng. Chẳng hạn có một lần Oser hỏi cụ Lý :

— Hai chữ « Ô hô » nghĩa là sao ?

— « Ô hô » nghĩa là than ôi, tức là tỏ sự đau buồn.

— Chỉ có thể thôi sao ? Oser hỏi.

— Vâng. Nghĩa hai chữ « Ô hô » chỉ có thế ! Cụ Lý trả lời.

— Theo tôi hiểu, hai chữ « Ô hô » còn có nhiều nghĩa nữa. Vì trong sách Tiên-Hán-thư có câu « Ô hô Cao-Đề khả vị tri đại kê giả hỹ » (Than ôi vua Cao-Đề đáng gọi là một người biết mưu kế lớn vậy). Vậy hai chữ Ô-hô ở câu này ta không thấy có gì là đau buồn cả, có phải thế không thưa « ông Thạc sĩ » (3).

Cụ Hoàng-giáp Lý không biết nói làm sao chỉ đành ngồi cười gượng. Một hồi lâu Oser mới nói thêm :

— Theo thiên ý tôi, hai chữ « Ô-hô » là một tán-thán từ, dùng để biểu-thị thất tình khi xảy ra một cách đột ngột chứ không phải nhất

(1) Vốn dĩ đã có cái tâm lý ấy xuất phát từ cái lý ấy,

Cho nên mới đem cái tôn giáo này mà truyền bá cho dân tộc này. (Kỹ thuật chơi chữ của Oser khá tài tình ở chỗ là lấy tiếng «Cụ» để đối với tiếng «Cổ»).

(2) Sách Luận-ngữ có câu : Bác thí tế chúng Nghiêu, Thuấn kỳ do bệnh chư. Câu này có nghĩa là : Mở rộng sự chẩn thí để cứu tế cho mọi người, đến Nghiêu, Thuấn cũng còn cho là khó.

Dùng thuốc chữa bệnh không thua thần y Biền Thước, Hoa-Đà. (Câu đối này được truyền tụng ở Nghệ-Tĩnh, các Cụ khoa bảng Nghệ Tĩnh đều cho là hay).

(3) Hoàng-giáp cao hơn Tiến-sĩ. Cụ Nguyễn đức Lý đậu Hoàng-giáp nên Oser thường gọi là ông Thạc-sĩ.

định là đau buồn như các cụ hiền. Cụ Hoàng-giáp Lý đã kể lại câu chuyện trên cho một người bạn nghe với tất cả sự thán phục một người ngoại quốc.

Lại có một lần khác nhân đàm luận về Kinh, Truyện, sách vở, Oser hỏi cụ Lý :

— Các cụ đọc trong sách, có thể có một câu mà người này hiểu thế này, người khác hiểu thế khác, gặp trường hợp như thế thì làm sao?

Cụ Lý chống chế:

— Không thể như thế được. Tất cả mọi người đều phải hiểu và giảng như nhau, theo đúng ông Chu-Hy đã giảng giải trong các sách thế chú của ông.

Oser cười:

— Theo tôi hiểu, Chu-Hy sinh sau Khổng-Tử 1000 năm, làm sao lại có thể không hiểu sai lời nói của Khổng-Tử được? Bởi vậy, hậu thế chúng ta khi đọc sách cũ của Nho-giáo phải tìm một định-nghĩa sao cho hợp lý, chứ không nên nhất nhất đều theo ý kiến của Chu-Hy đã giảng giải. Theo chỗ tôi hiểu, những lời Khổng-Mạnh trong Kinh-Truyện đã bị Chu-Hy giảng giải sai lạc rất nhiều? Đây là một vấn-đề mấu-chốt và sâu xa đã đem Á-đông tới chỗ chậm tiến và lạc hậu, mà đáng lý Châu Á này phải được văn-minh trước Âu-Mỹ. Lịch-sử thế giới cho ta hay, khi nước Tàu đã có hệ-thống triết-lý và chế-độ chính-trị thì nước Anh-cát-lợi còn là mấy hòn đảo đang lơ mờ giữa biển, và

người ta cũng chưa ai biết có Châu Mỹ.

Những lời nói của Oser đã làm cho cụ Hoàng-giáp Lý tỉnh một cơn mê mộng.

Một vài phút sau đó như nhớ ra điều gì, Oser hỏi tiếp cụ Lý:

— Các cụ hiền chữ « Thiên » là nghĩa thế nào?

— « Thiên » nghĩa là ông trời.

— Ông trời là cái gì?

— Ông trời là một đấng tạo hóa ở trên thiên cung, giữ trọn quyền trong vũ trụ ; tất cả những người trong đời, sống, chết, thọ, yểu, giàu, nghèo, sang, hèn, đều do ông trời quyết định, cái mà Nho giáo chúng tôi gọi là Thiên-mệnh cũng gọi là Định-mệnh.

Oser tỏ thái độ hơi khó chịu, đoạn y nói :

— Thưa ông Thạc-sĩ, theo chỗ chúng tôi nghiên cứu, thì chữ « Thiên » trong Nho-giáo không phải nói có một đấng thượng-đế toàn năng, sáng tạo ra vũ trụ vạn vật rồi bắt vũ trụ vạn vật vận hành biến chuyển theo mệnh lệnh của mình ; mà Nho-giáo chỉ nói : « Thiên » tức là « Thiên nhiên » « Thiên lý » cũng gọi là « Tự nhiên luật ».

Ví dụ trong Kinh Dịch có câu : « Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức ». Nghĩa là : quy luật tự nhiên của trời đất vận hành biến chuyển là tất yếu và cứng rắn, người quân tử (người giỏi) là người thấu triệt cái

lý tất-yếu ấy, nên họ hành động rất cương quyết (tự cường) chứ không bao giờ chần chờ do dự.

Bất sang danh-tử Thiên-mệnh Oser nói :

— Thuyết Thiên-mệnh của Nho-giáo không hề nói tất cả đều do ông trời như Định-mệnh (Fatalisme) của Tây phương, mà nó chính là « Định mệnh khoa-học thuyết » (Déterminisme) của Auguste Comte của Tây-phương phải hiểu như vậy mới đúng. Thiệt, vậy, nếu bảo rằng chết, sống, có mệnh, giàu nghèo do trời (từ sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên) thì tại sao ông Mạnh-Kha, một lý-thuyết-gia của Nho-giáo lại nói : « Người biết mệnh trời thì không bao giờ đứng dưới một bức tường cao vút đã nứt rạn » (Tri mệnh giả bất lập ư nham tường chi hạ). Nếu bảo rằng chết sống do mệnh, thì khi số anh chưa chết bức tường có cao vút và nứt rạn cũng không bao giờ đổ. Nhưng ông Mạnh nói dứt khoát « tri mệnh » thì « bất lập » kia mà ?

oOo

Lại có một lần hội Tư-vấn tỉnh Nghệ-an tề đình tại Văn-thánh, thuộc phố đệ-lục thị xã Vinh-Bến-Thủy gọi giấy mời Oser tới dự lễ. Ông ta khăn áo chỉnh tề, mua sắm lễ vật tới Văn-Thánh.

Ngồi giữa đám khoa giáp Nghệ-an, đủ mặt Thám-hoa, Hoàng-giáp, Tiến-sĩ, Cử-nhân, Tú-tài, và sĩ tử toàn tỉnh, Oser hỏi cử tọa :

— Không-tử là hữu thần hay vô

thần, duy-tâm hay duy-vật ?

— Không-tử là hữu thần và duy-tâm ! Cử tọa đồng thanh trả lời.

Oser ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi nói :

— Các nhà triết-lý Đông-Tây đều hiểu Không-tử sai hết.

Thiệt vậy, đấng « vạn-thể sư-biêu » Không-phu-tử, cái gì biết Ngài nói biết, cái gì không chắc thì Ngài nói không ; Ngài không bao giờ suy luận theo chủ quan của mình, rồi bảo là có cái này, có ông thánh ông thần nọ, trong khi tai không nghe mắt không thấy,

Ngài nói :

— Khi cúng tế tổ tiên cha mẹ, như có tổ tiên cha mẹ ở trên ; khi tế tự thần thánh, như có thần thánh ngồi trên đó Tế như tại, tế thần như thần tại : Luận-ngữ.

Khi ngài dùng hai tiếng « như có » tức đã cho ta một ý-niệm là không có gì rồi ; nếu Ngài công nhận là có thì dùng chữ « như » trên chữ « có » làm gì ?

Lại một lần khác, học trò hỏi Ngài: Xin Thầy cho biết nên thờ phụng quý



thần làm sao cho phải đạo ? Ngài nói :

— Con người ăn ở với nhau chưa biết thế nào cho phải đạo, anh hỏi tôi cái việc thờ phụng quỷ thần làm gì nhỉ ? (Cảm vấn sự quý, Tử viết: vị nặng sự nhân, yên nặng sự quý ?)

Lại có một lần khác, học trò hỏi Ngài :

— Thưa Thầy ! Con người ta sau khi chết rồi sẽ ra sao ?

— Ta chưa biết hết cái đạo làm người lúc còn sống, anh đã hỏi lúc chết làm gì ? Ta sao biết được để trả lời anh.

(Cảm vấn Tử ! Tử viết vị tri sinh, yên tri tử. (Luận-ngữ).

Rõ ràng và cụ thể nhất là lời sau đây của Nho-giáo :

* Những người bảo rằng : con người chết rồi là hết cả, là những kẻ bất nhân ; những người nói rằng : con

người chết rồi vẫn có một linh-hồn sống mãi, là những kẻ bất trí » (Tri tử nhi chí tử chí bất nhân ; tri tử nhi chí sinh chí bất trí).



oOo

Tất cả những câu chuyện trên đây về Công-sứ Oser chúng tôi chỉ được nghe các thân-sĩ Nghệ-Tĩnh kể lại, chúng tôi cũng không dám lạm bàn Oser sai hay đúng. Nhưng chỉ biết rằng cũng vì những câu chuyện đó mà tên tuổi Oser vẫn còn mãi ở vùng Nghệ-Tĩnh.

Cụ Cử nhân Nguyễn-Xuân-Sương đã gọi Oser là ông Đồ Nho mũi lõ.

ĐÔNG-TÙNG

THẾ - GIỚI - NGỮ

Thế-Giới-Ngữ không phải tiếng nói của một nước nào. Thế-Giới-Ngữ là ngôn-ngữ của mọi chủng-tộc, là mộng-ước của triết-gia Descartes, là sáng-kiến của nhà bác-học Zamenhof, là cơn thống-khoái của văn-hào Tolstoï...!

Học-khóa Thế-Giới-Ngữ học từ 4 giờ mỗi chiều Chúa-nhật tại 386/43 Trương-minh-Giảng, Sài-gòn 3. Sau một khóa học ba tháng, Quý-Vị có thể hiểu rành ngôn-ngữ duy-lý đó, rất phổ-biên ở ngoại quốc. Nhận học-viên mới mỗi tuần ; ghi-danh ngay trước giờ học. Có dạy hàm-thụ cho người ở xa.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
— Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
— Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
— Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
— BanMêThuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
— Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
— Sađéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
— Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
— Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
— Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
— Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỶ VÀ ĐỊNH-KỶ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

VỀ người Châu-giang

Ai cũng biết tôi là độc-giả trung thành của Bách-Khoa, kể từ số 1, nhưng có một bí mật chẳng ai dè là tôi cứ luôn luôn đọc cộp chớ không mua. Nhà lại ở vào một nơi không tiện đường lui tới Bách-Khoa cho lắm nên tôi thường đọc trễ hơn cả người Huế nữa. Bách-Khoa không còn ghi số nữa, nên tôi chỉ đọc cái số mà tôi tạm đặt tên là *Số vẽ hình người chổng thuyền trong bóng mờ*, vào ngày 1 tháng 9 dương lịch.

Và cũng kể từ số đó, tôi mới hay rằng ông Dohamide là người vùng dưới này. Từ bao lâu nay, tôi cứ ngỡ rằng ông là người Ninh Thuận. Mỗi lần gặp nhau quá ngắn, tôi vội hỏi về những gì tôi bí, đâu còn thì giờ để biết thêm gì hơn. Và đây là một cái may cho tôi, vì tôi sẽ được biết thêm nhiều điều mà hiện tôi không biết, nhờ ông chỉ bảo cho.

Trong số Bách-Khoa nói trên, ông Dohamide có một bài bác bỏ các luận cứ của tôi về người mà tôi gọi riêng là người Châu Giang.

Tôi xin trích ngay ra một câu mà tôi cho là đúng nhứt của bài đó: (Chi tiết này gọi cho chúng tôi một nghi vấn: có thể là cuộc tìm hiểu của nhà văn Bình Nguyễn Lộc về người Châu Đốc nhằm sai mấu).

Khi mà tôi nói ngay tức thì rằng là đúng, thì không còn là nghi vấn nữa. Quả tôi đã tìm hiểu ở một nơi

nhỏ rồi tổng-quát-hóa ra cho một nơi lớn hơn, nên nó sai.

Đã phục thiện rồi thì tưởng chẳng còn gì để nói nữa, và một cú điện thoại thay cho bài này cũng được. Nhưng vẫn phải nói ra, để nhận cái sai của mình cho mọi người cùng biết, chớ không phải là âm thầm nhận riêng với ông Dohamide mà đúng với lương thiện.

Nhưng luôn tiện tôi cũng có vài điều cần thỉnh ý ông Dohamide xem sao. Những người Chăm thật sự ở vùng đó là dân Bồ-sung về sau, hay là dân đã có mặt sẵn tại đó vào thời người Việt Nam di cư vào Nam và tiến đến vùng ấy, tạm cho rằng là vào cuối thế kỷ 17, vì không phải hễ di cư vào Nam là họ đủ khả năng đi xuống tận Châu-đốc ngày nay. Đây chỉ là tìm hiểu thôi, chớ tôi đã nhận rằng ông Dohamide nói đúng là ở vùng đó có người Chăm thật sự, trái hẳn với quan niệm của tôi trước đây.

Tôi đã tìm hiểu địa danh Châu-giang, nhưng những vị đã giải thích cho tôi nghe, chưa có vị nào được tôi đồng ý hết. Những vị đó là người Việt-Nam. Một khi kia, một người Việt gốc Khơ-me, khá sành văn-hóa Việt-Nam, đã đưa ra cái thuyết này mà tôi chấp nhận, vì thế nên tôi mới nói đến nguồn gốc Java của người ở vùng đó. Theo người Việt gốc Khơ-me đó thì thuở di cư vào Nam, người Việt dùng địa

đanh và dân danh của người Khơme bởi con người lười sáng tác, thích vay mượn hơn. Người Khơme gọi người Java là Chavia, cho đến ngày nay cũng còn gọi như thế, «Châu-giang» là lối phiên âm của quan lại Việt Nam cái dân danh Chavia đó, còn «Chà và» là lối phiên âm của dân chúng Việt Nam.

Tôi đồng ý với anh bạn người Việt gốc Miên đó, nhưng sự đồng ý của tôi không chứng rằng là thuyết đó đúng với sự thật, cho nên tôi thích nghe thêm một tiếng chuông nữa về ngữ-nguyên của Châu giang.

Nếu anh bạn người Việt gốc Khơme đó mà nói đúng thì quả cái hạ h-tâm ban đầu là Java. Java tuy chỉ là một đảo của nước Anh-đô-nê-xia ngày nay, nhưng xưa kia là một cường quốc riêng rẽ và độc lập đối với Sumatra, và là trung-tâm văn-hóa của đại cường quốc Mo-jopahit, làm bá chủ các biển phương Nam vào thế kỷ mười bốn.

Người Chăm đến bổ sung dân số ở đó, nhưng người Việt Nam không thể biết được vì cả người Chăm lẫn người Java đều thuộc chủng Austronésien với nhau, lại đồng tôn giáo với nhau, cho nên người Việt Nam mới ngộ nhận mà đồng hóa hai thứ dân lại bằng một dân-danh chung?

Chúng tôi đã làm xong bộ *Việt-Nam ngữ nguyên từ-diễn*, và có nhận xét này: Người Việt miền Nam không hề có sáng tác danh từ nào cả. Những danh từ mà họ có riêng,

Trung, Bắc không có, toàn là học với các dân tộc khác. Vậy dân danh «Chà và» cũng không thoát ra ngoài cái tình trạng đó được. Nhưng xem đi xem lại thì chẳng có ai có một dân danh nà ná như thế, trừ dân danh Chavia của người Cam-bu-chia. Mà Chavia của Cam-bu-chia thì mang cái nghĩa không do chúng tôi tưởng tượng ra mà do tự-diễn Cam-bu-chia định nghĩa.

Miền Nam có một loại xoài mà cái tên đã bị giới tìm tòi miền Nam cãi nhau gần trăm năm nay mà chưa ngã ngũ ra sao cả. Có người nói đó là xoài Thanh Ca. Có người cho rằng là xoài Ang Ca (trùng tên với ông Chủ báo Nguyễn Ang Ca). Người khác lại phát âm là xoài (U) ca, từ U bị nuốt gần hết. Nhưng đó là *Ang Ka*, danh từ riêng mà người thiểu số Ninh-Thuận dùng để chỉ loại xoài đó mà thôi, còn các loại xoài khác thì mang tên khác. Đã bảo, người Việt miền Nam chẳng có sáng tác cái gì hết ráo kia mà.

Trong khi đó thì chúng tôi tìm mãi trong tự điển Chăm, dày đến 597 trang khổ lớn mà không tìm được trợ từ *Ja* (1) mang nghĩa là Thẳng, có thể bị Việt Nam biến thành Chà

(1) L.T.S. Về chữ «Ja» ông Dohamide có cho biết:

— Quyền tự điển Chăm-Việt-Pháp do Trung tâm Văn hóa Chăm Phan rang ấn hành năm 1971 do Linh mục Gerard Mous-say chủ trương, phiên âm là CA (trang 57)

— Quyền tự điển Chăm-Pháp do Etienne Aymonier và Antoine Cabaton ấn hành năm 1906 phiên âm là JA có chi tiết đầy đủ hơn (trang 140).

(theo ông Dohamide). Tự điển Mã Lai chỉ dày có 437 trang, khổ nhỏ, nhưng lại có đủ chỗ để ghi trợ từ Si có nghĩa là Con (Con hai, Con Cúc, Con Nga).

Dầu sao, chính ông Dohamide cũng nhận rằng tôi không chú trọng đến vấn đề dân tộc. Ông đã viết rằng vấn đề người Châu Giang là một khía cạnh nhỏ của quyền sách của tôi, trong đó, chính tôi cũng đã viết rằng họ tự xưng là gì, chẳng có gì đáng nói cả, tôi chỉ nói ra để cắt nghĩa tại sao tôi không đặt chung ngôn ngữ của họ vào với ngôn ngữ của người Ninh-Thuận mà thôi.

Nhỏ là nhỏ đối với quyền sách đó, chứ nó cứ là một vấn đề, đối với một quyển sách khác, của người khác, chẳng hạn, một quyển sách tìm nguồn gốc của người Java hiện sinh sống đông đảo trong nước Cam-bu-chia, họ tới Cam-bu-chia vào thời nào, vì cớ gì, và có định cư tại phần đất hoang của Cambuchia xưa là Nam Kỳ hay là không?

oOo

Còn đây cũng cứ là một chuyện nhỏ, nhưng tôi xin nói rõ lại, vì có thể bị người khác hiểu lầm. Ông Dohamide có trích một câu sách của tôi, nhưng trích không đủ. Cái đoạn bị bỏ sót đó, riêng theo ý tôi lại là đoạn quan trọng, nên xin bổ túc. Đoạn văn trích như sau : « Chà và là danh xưng phiên âm, ngày xưa dùng để trỏ người Java, cho đến ngày nay người miền Nam cũng cứ gọi họ là Chà Châu giang mà không là Chàm Châu Giang.)

Câu sách của tôi còn chứa đựng vài từ nữa, giữa trỏ người Java và mà không là Chàm Châu giang. Những chữ thiếu là khác với ngày nay mà Chà và cũng chỉ người Ấn-độ.

Nếu có những chữ đó thì dân danh Chà và là một dân danh chính xác, trỏ một dân tộc nhất định nào đó, còn phải xét lại, chứ không là dân danh dùng một cách xô bồ như ngày nay. Ngày nay thì dân danh Chà và trỏ ba dân tộc : người Ấn-độ, người Phi-lật-tân (khi nó đi kèm với dân danh Mani), và người Châu-giang.

(Nhưng ông Dohamide đã nói rằng Chà và không trỏ người Châu-giang, mà đó chỉ là suy luận riêng của tôi, thì thôi vậy. Tôi xin nhượng bộ, và tôi đổi con số 3 thành ra con số 2. Tôi nhượng bộ vì tôi thấy rằng đó không phải là vấn đề mà tôi đeo đuổi).

Vấn đề mà chúng tôi đeo đuổi là đây : chúng tôi tìm được tài liệu cho biết rằng xưa kia, từ Phú-Yên cho đến Vũng-Tàu là lãnh thổ của một cường quốc độc lập, tự xưng là nước Pang Đarang mà Tàu phiên âm là Bôn Đà Lãng, hoặc Ban Đồ Lang. Nước đó đã bị nước Chiêm thành thôn tính, nhưng không có diệt chủng, tức dân của nước Pang Đarang hiện còn tồn tại. Nhưng họ tồn tại ở nơi nào thì chúng tôi đang tìm biết, bằng ngôn ngữ.

Như thế thì cả dân danh Chàm, (tức Chăm, nếu phát âm đúng như ông Dohamide) cũng cần được xét lại.

Người Việt Nam đã học với người Chiêm Thành những tiếng như là Mô, Tê, Răng, Rứa, Ri

Tất v.v... Nhưng trong sáu từ đưa ra làm thí dụ thì người Ninh-thuận chỉ biết có từ Tê mà thôi (Phát âm khác người Việt Nam chút ít). Một dân tộc có thể đánh mất danh từ, nhưng không đánh mất nhiều lắm thế đâu, qua một thời gian không dài lắm.

Chúng tôi sẽ tìm ông Dohamide để học hỏi xem người ở cái vùng mà riêng chúng tôi gọi là Châu giang, có biết Mô, Tê, Răng, Rúra, Rì, Tất hay là không. Và người vùng Châu-giang có hiểu những địa danh này hay không mà người Ninh-thuận dùng nhưng không hiểu :

Bà rịa = Parāk

Phan rí = Parik

Cam ranh = Kamlin

Tự-diễn Chăm đã nhìn nhận rằng người Chăm Ninh-thuận thuộc chủng Austronésien, khác với quan niệm tiền

chiến của người Pháp là người Chăm là người Malayo Polynésien. Như vậy thì khó lòng mà truy ra ai là ai vì Anh-đô-nê-sia cũng là Austronésien, Phi-luật-tân cũng vậy, Mã-lai-Á cũng thế. Tuy nhiên dấu sao cũng có khác, vì vấn đề phương ngữ. Như thế thì có thể tìm biết được người của nước Pang Đarang hiện giờ ở đâu. Phương pháp thì chúng tôi đã thấy rồi. Những danh từ mà Việt Nam học của Chiêm-thành, người Nam-dương biết hết còn người Ninh-Thuận thì chỉ biết một phần trong số đó thôi, như cái thí dụ về Mô, Tê Răng, Rúra, Rì, Tất. Ta có thể kết luận rằng Chiêm Thành nói như Nam Dương trong đó có Sumatra, Java, Mã-lai-Á v.v... còn Pang Đarang thì nói hơi khác, mặc dầu cũng cứ là ngôn ngữ đó.

BÌNH NGUYỄN LỘC

SÁCH MỚI

Đã phát hành toàn quốc :

— MƯỜI NGÀY CUỐI CÙNG CỦA **HITLER**

— Cuộc săn tìm **VŨ KHÍ BÍ MẬT** của **HITLER**

Sẽ phát hành cuối tháng 9-1973 :

— **CUỘC MƯU SÁT CÁC LÃNH TỰ ĐỒNG MINH**

— **CÁC Y-SĨ MA QUÁI**

Bộ sách tài liệu lịch sử giá trị của nhà xuất bản **SÔNG - KIÊN**.

NGƯỜI SÔNG - KIÊN và **LÊ THỊ DUYÊN** dịch

NGUYỄN NHIỀU phát hành.

Anh Ch,

Đố anh biết thư này tôi viết ở đâu ?

Nói vậy chứ hai chữ Saigon đề trên cũng đủ nói lên niềm vui của tôi rồi. Trời bên ngoài nắng gay gắt, tôi đóng cửa ngồi trong nhà viết thư gửi anh, mà không phải gửi mình anh, cũng không phải gửi cho những người nào tên Ch. thôi, mà gửi cho tất cả những người nào đọc báo B.K. người mang tên từ chữ A đầu đến chữ Z cuối...

Anh đừng tưởng về nhà rồi bế tắc hết chuyện nói. Hết sao được, nhất là có những người hiện đang lênh đênh nơi đất người, họ sẽ đọc và nhất định là họ sẽ rửa thắm, hấn may mắn « dễ sợ ».

Kỳ này về tôi được gặp lại một cô giáo cũ, cô giáo dạy chúng tôi ở Kontum, ngày tôi mới học vỡ lòng. Cô giáo ở trong nhà cùng với chúng tôi. Ngày ấy làm lỗi gì là bị cô giáo hét cho, sợ lắm. Vì mẹ tôi giao hết quyền cho cô giáo, cả cái quyền đánh đòn, không sợ sao được. Hôm nay gặp lại cô, có cảm giác đang ôm quá khứ trong vòng tay và quá khứ đang cười với mình.

Thì ra mỗi người đều mang trong tâm tư một chuỗi kỷ niệm. Ngày ấy cô giáo đâu có ngờ rằng con bé hư nhất và học dốt nhất bây giờ lại lang thang nhiều nhất. Nói thêm cho anh biết rằng cô giáo cũng đọc Bách-Khoa nên cũng biết rất nhiều tin tức của con bé học trò. Hôm nào tôi sẽ tìm cách bắt cóc cô giáo đến nhà ngủ lại đêm để được cái cảm giác ngủ với quá khứ và thức dậy bên quá khứ.

Bây giờ nhảy sang kể cho anh nghe cái « sự tích » ngày về nhé. Tôi được một sự tình cờ dàn xếp nên về chung một chuyến bay với rất nhiều

sinh viên Việt-nam, người ôm con, kẻ bế chó. Trên chuyến bay 747 của hai hãng Air France và Hàng-không Việt-nam liên kết, lần đầu tiên nghe giọng nói của cô chiêu-đãi, giọng miền Nam, với chiếc áo dài màu vàng, thêu lác đác mấy chiếc lá tre trông cũng đẹp mắt. Chắc là các sinh viên, ông nào chưa vợ sẽ cảm động và sẽ có ý định học xong thi hồi hương. Ít nhất cũng được vài chục phần trăm số người ấy. Nói cho ông « E Việt-nam » mừng.

Về đến nhà gặp lại bà con anh em, tuy mới cách xa có mấy tháng mà vẫn thấy vui. Sau phần anh em bà con lại đến bạn bè, tình nào cũng nặng kí. Chỉ có cái nạn thay đổi giờ giấc, đêm chỉ muốn dậy đi chơi, mà ban ngày thì độ ba, bốn giờ chiều là buồn ngủ díp mắt.

Đi chung với tôi có hai người bạn, một ông nhà giàu và một ông nhà nghèo. Nhờ vậy mà chuyến đi bớt lè thè. Hành khách xuống dần nên ban đêm có chỗ ngủ, chỉ phải cái tội

đau lưng, người ta làm ghế để ngồi chứ không dự trữ cho hành khách nằm. Vì ngấy thức ăn của máy bay nên tôi đưa theo đủ thứ cơm nắm, giò lụa, thịt xá xiu. Cố nhiên là ăn mà có hai vị đồng hành chia xẻ nên càng ngon hơn. Nói cho các bạn biết mà bắt chước, nếu không có mặc cảm. Cố nhiên là phải làm sao cho sạch và cho gọn thì mới đúng điệu, đừng để cho người ta chê là «mít» bần. Tôi tin rằng sau này những ai đi nhiều đều sẽ theo cái bí quyết của tôi. Mang theo con dao nhỏ, nhưng người ta lấy mất vì mũi dao nhọn, họ sợ mình lên máy bay lại dở cái trò «không tặc» chẳng? Tuy nhiên người Việt-nam ta dùng nước mắm đưa lên phòng phi công dọa đồ tung ra có thể họ cũng sẽ sợ, và jái máy bay đi nơi nào mình đòi hỏi, chẳng cần phải lựu đạn hay súng với dao găm.

Về xứ kỳ này có gì vấn vương, một vài lúc tôi thấy buồn, chẳng hiểu vì sao hay là hiểu mà không nói ra được. Một điểm an ủi là được gặp rất nhiều bạn cũ và mới. Nghe các bạn phê bình về mình và về những lá thư trên Bách-Khoa. Anh Vũ-Hạnh bảo là nên viết thêm về thời-sự, Anh Tạ Tỵ kêu là có gì dấu diếm không chịu nói cho hết tâm tư. Anh Văn Thanh và cụ Vi Huyền Đắc nói rằng dở tờ Bách-Khoa ra bao giờ cũng đọc «Lá thư...» trước nhất làm cảm động quá, thi sĩ Vũ Hoàng Chương thì kêu thương hại cho đứa «bán mình chuộc cha» tức là đi làm cho ngoại nhân v.v... Chỉ có anh và

chị Ch. là chẳng kêu tiếng nào mà còn cho ăn mãi. Ai bảo cái nghề cầm bút là bạc, chứ tôi vẫn mang ơn cây bút.

Hôm nọ đến nhà ông bà Vũ Hoàng Chương ăn cơm tối và đợi trăng lên. Ra nước ngoài kể cho các bạn nghe hẳn chúng nó sẽ ngạc nhiên, sao mà con người V.N. có thể chịu đựng hay đến thế: Bao nhiêu biến đổi mà vẫn có kẻ còn xem hoa nở, chờ trăng lên như thường.

Về vào dịp lễ Vu-Lan, tôi cũng làm đủ bòn phận như ai: cũng đi thăm mộ, đi chùa, về nhà ông anh bà chị có cúng cô hồn. Thế là năm nay đặc biệt hơn mọi năm. Mấy năm trước, một năm về trước và cũng đi trước Tết. Một năm phải đi lúc 30 Tết còn một năm thì Tết có được ở nhà nhưng phải bận chạy giấy tờ, đánh điện, chờ điện-thoại của các đồng nghiệp bị mắc kẹt ở Thái v.v... nên cũng chẳng biết Tết * gì.

Sao ngày giờ qua mau lạ lùng. Chiều qua đi xuống thăm Cụ Vi Huyền Đắc với anh Văn Thanh, lại một lần phải ngâm câu Kiều «Vi hoa nên phải đánh đường tìm hoa». Thăm «hoa Vi» rồi đi ăn tối cùng với hoa Vi». Ngày xưa Khuất Nguyên cũng dùng chữ «Mỹ nhân» trong bài Ly Tao, vậy thì bây giờ tôi gọi cụ Vi là «hoa Vi» cũng chẳng có gì lạ phải không anh.

Ngày xưa, ngày xưa, Cụ Vi và tôi có giao hẹn với nhau là ai chết trước thì người kia phải làm điệu văn. Lời giao ấy còn ghê hơn ở chỗ là chúng

tôi đã đứng trước một năm mộ nhân dịp đi đưa đám thi sĩ Nguyễn Duy Diễm. Từ đó mỗi lần một người nhưc đầu sồ mũi là người kia bần khoản ngay.

Cũng nhân dịp đến nhà « hoa Vi », tôi kể câu chuyện một tổ chức giúp đỡ văn-nghệ-sĩ của tư nhân ở Pháp. Cụ Vi và anh Văn Thanh đều hoan nghênh, xúi tôi kỳ này nhớ kể lại trên Bách Khoa đề may ra xứ mình có ai hảo tâm và thừa tiền sẽ bắt chước. Địa điểm : một vùng cách Ba-lê 100 cây số ; Chủ nhân : một người đàn bà khoảng 45 tuổi, có ba con, ly dị chồng. Ngôi nhà xưa kia là một cái « cối xay nước » được sửa chữa lại. Nhà nằm trên sông Seine, chung quanh có rừng. Chủ nhân còn cất thêm nhiều phòng khác. Văn-nghệ-sĩ đến ăn ở, trả tiền rất phải chăng. Có phòng đọc sách, đàn dương cầm, đĩa hát đủ loại. Chỉ có một bà người làm giúp đỡ còn mọi việc nấu dọn đều do hoặc chính bà chủ, hoặc một trong số văn-nghệ-sĩ khách làm. Một người bảo với chủ nhân rằng ngày mai tôi nấu ăn trưa, một người khác đảm nhận việc làm bữa ăn chiều. Nếu không có ai thì chủ nhân lấy những thức ăn cũ làm lại ! Có một tủ đông lạnh lớn để cất thức ăn, mỗi ngày chỉ việc lấy ra. Một vài ông nhà văn sống thường trực ở đó và lo cho bộ máy sinh hoạt của « cối xay » được đều hòa. Trong bàn ăn thật rộng, bà chủ thường hướng dẫn cho câu chuyện không bao giờ đi đến chỗ quá hăng say. Nếu ai muốn bàn cãi một vấn đề gì với ai thì hoặc

đi dạo rừng hoặc lên phòng đọc sách. Ăn xong thường dùng cà-phê ở phòng đọc sách. Các văn-nghệ-sĩ thích đến đây vì bỗng nhiên được sống khung cảnh mới, có bạn bè để nói chuyện mà không phải mua nhà trả thuế và lo lắng một trăm vấn đề dọn dẹp khác.

Mùa hạ, ai không tiền có thể đến đây ở thay vì đi nghỉ hè ở nơi khác. Mùa đông nhìn tuyết rơi qua cửa kính trên sông Seine, bên trong có lò sưởi ấm. Một thứ kỷ luật tự giác khiến người này nhìn người kia mà làm, không ai ngồi đấy cho ai hầu. Vì vậy mà guồng máy chạy đều, anh nào ích kỷ dễ ghét thì kỳ sau khó có dịp trở lại vì « hết phòng ». Trái lại anh nào dễ thương thì dù đã chật cũng vẫn xếp ra chỗ. Nếu là đàn bà thì có một người đàn ông nhường phòng, ông đi chia với bạn trong lúc chờ đợi.

Anh nghe có mê không ? Anh liệu thấy có ai sẽ bắt chước không ? - Mấy lần tôi cũng khoe tài nấu ăn và từ chủ đến khách đều hài lòng. Mỗi khi tôi nấu thì nhiều ông bà xung phong phụ trách việc đi chợ và làm những công tác nhỏ.

Vì nơi này không có biên giới nên rất nhiều văn nghệ sĩ ở nhiều nước tới đây. Có thể là buổi sáng ăn món couscous của Ả-rập, nhưng chiều lại ăn món xúp Do-thái. Hôm nay ăn món Nga, ngày mai món Hoa-kỳ do nhà văn Nga hay Hoa-kỳ nấu ra. Ai không nấu ăn được thì rửa bát, dọn nhà, chùi bàn.

Bà chủ rất có duyên nên thỉnh thoảng hay xảy ra một vài vụ "thăm yêu trộm nhớ" khá lâm li. Có lần tôi được chứng kiến một nhà văn đã xách va-li lui thủi ra đi. Anh chàng này là nhà văn nổi tiếng đã được nhiều giải thưởng văn chương nhưng hơi có vẻ «Trương Chi» bên cạnh bà chủ «My Nương». Hình như sau một năm trời thăm yêu trộm nhớ, Trương Chi chịu không nổi nên đã tỏ ra ghen với mấy người khác. Rồi từ du kích chiến tiến tới tổng phản công tức là từ chỗ thăm yêu trộm nhớ anh chàng đã thò lộ tâm tình mà không biết tri bỉ tri kỷ nên anh chàng bị thất bại và phải xách va-li từ giã cái «cối xay nước». Tôi hỏi anh chàng :

— Georges, bao giờ anh lại về đây ?

— Không bao giờ nữa cả.

Giọng anh chàng nghẹn ngào muốn khóc. Bây giờ thỉnh thoảng, tình cờ tôi lại gặp anh chàng trong một hiệu ăn. Quên kể thêm là anh chàng này cũng khá gàn, rất xí trai, tuy có tài và cực thông minh. Ngày li dị vợ, anh chàng làm một bữa tiệc mời đông đủ anh em để giới thiệu bà vợ mà mình đã li dị. Ai không biết cứ ngỡ rằng đấy là bữa tiệc tái hợp.

Còn nhiều chi tiết nữa, nếu anh em nào có dịp sang Pháp tôi sẽ đưa về đây vài hôm tha hồ mà nhận xét và rút kinh nghiệm.

Hôm qua ngày bầu cử tôi đi Cần Thơ, một đồng nghiệp ở hãng truyền

hình đến hỏi thăm « Why Cần Thơ » Tôi trả lời « Why not » ? Thế là khỏi giải thích gì cả. Xuống dưới ấy gặp lại những cảnh cũ, tuy không có người xưa.

Ở Cần Thơ mấy ký giả khác và tôi được đi xem nhiều phòng phiếu.

Sương nhất là vào trong các xã ấp gặp những nam nữ độc giả. Họ hỏi thăm tôi có Sám Hối (1) không tôi phải trả lời là suốt đời Sám Hối. Có một anh chàng đòi đổi cuộc đời lang thang của tôi để lấy cái tổ ấm của anh chàng. Cố nhiên là tôi hoan nghênh hết mình, nhưng mộng chỉ là mộng!

Tuần sau tôi lại phải quây gánh ra đi.

Tìm được một đề tài mới để viết một tác phẩm khác, nhất định tấn công mặt trận tình cảm. Phi-Lễ bị bóp cò, bây giờ tôi viết Phi-phi-lễ chắc sẽ được sống...

...Hận một điều là không được về Huế, làm như mọi việc đều cần có một thúc đẩy. Lần sau — nếu có lần sau — thế nào tôi cũng phải về Huế. Sáng nay để chuộc cái tội bỏ xứ ra đi và không về thăm xứ, tôi vừa ký giấy đóng tiền để gia nhập cái hội Thừa-Thiên. Oai không — nhưng liệu có chuộc được tội?

Sau bức thư này ngày mai là bắt đầu xếp quần áo làm va-li. Còn phải vào tận Chợ lớn mua trà nữa chứ, dân nghiện mà anh, nghiện nặng lắm còn

(1) L.T.S. Tên một tác phẩm đã xuất bản và dựng thành phim của tác giả.

hơn cả dân Ăng-lê. Tôi đi đâu cũng phải có cái ấm đun bằng đất đỏ với mấy cái chén hột mít một cái cốc cắm điện vào để đun nước. Ít nhất ở đó mỗi người cũng phải biết nghiền một thứ gì và tôi chọn trà, cũng như có người chọn thuốc lá hoặc rượu, hoặc cờ bạc v..v...

Anh gặp một vị Mạnh thường quân nào nhớ đừng quên lời ước của tôi

nhé: Một ngôi nhà, có vườn càng tốt, một gian phòng có lối đi riêng, đèn xanh và đèn đỏ, để khi nào tôi bận làm việc thì sẽ bật đèn đỏ. Có người lo dọn nhà và giặt quần áo, cơm nước. Chết, nếu họ hỏi lại tôi làm cái thá gì mà đòi nhiều điều kiện thế thì tôi biết trả lời sao. Ngưng và thăm cả tòa soạn.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nới : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette) màu đẹp, bền, không phai

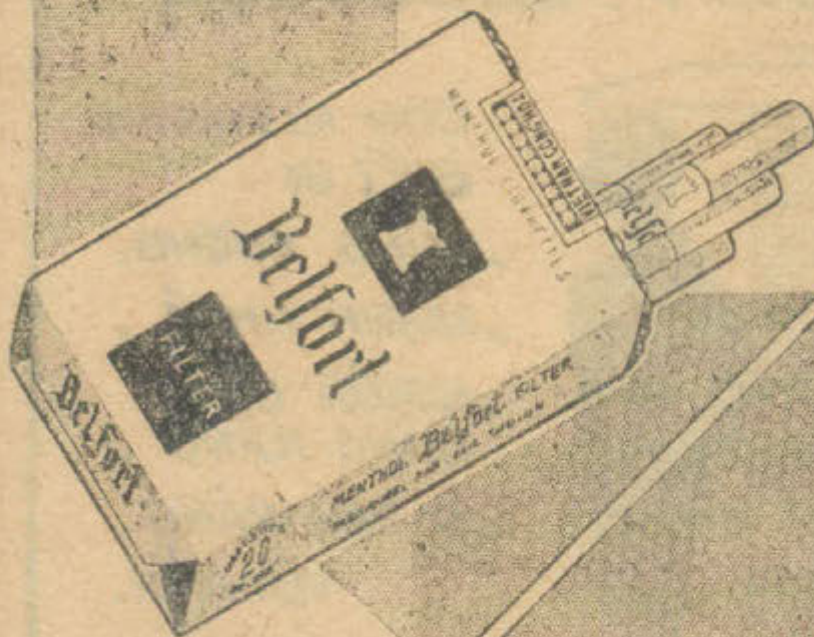
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

AIP

Belfort ĐỎ

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ ĐẬM ĐÀ
- BẠC HÀ RẤT MÁT



Belfort XANH

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ DIU ĐÀNG HƠN
- BẠC HÀ RẤT NHẸ

MIC-CHOLON

Saigon, giờ gà vào chuông, mùa Thu năm «Siêu»

Thưa các Cụ,

Lại một lần nữa, em gặp các Cụ trên đấu trường Bách-Khoa.

Mới gặp có một lần thôi chứ bao nhiêu, mà sao em cảm thấy như quen đã lâu lắm rồi, tánh em vậy các cụ ơi, dễ quen lắm, nhất là gặp cụ nào chịu nghe em đấu láo, đấu láo thật sự ý, nghĩa là đấu vung vít, gặp cái gì cũng đấu, thích cái gì thì đấu, không sợ phạm húy, phạm thượng như các đấng đồ nho khi sách «ba lô» và giở «lipico» lên đường đi thi ngày xưa. Chẳng thế mà biệt hiệu em là Thu Hippy. Thật ra tên em rút át lắm chứ, Trịnh-Nguyễn-Thị-Mộng-Thu, chả là ông già em họ Trịnh, bà già họ Nguyễn nhưng Trịnh Nguyễn không còn phân-tranh lấy sông Gianh làm ranh giới mà Trịnh-Nguyễn bị giờ đoàn kết keo sơn đề sáng tác ra những siêu phẩm tô màu có phụ đề Việt, Anh, Hoa ngữ là em và 04 thằng nhóc em em. Em sanh vào một năm Mùi : Mùa Thu năm ấy, cảnh vật bỗng dưng như thơ mộng hơn mọi năm, và ngày em oe oe cất tiếng khóc chào đời, gian phòng mẹ em ngào ngạt mùi hương, ngửi kỹ thì toàn là mùi chả giò, bún chả, bánh tôm... có lẽ đề báo hiệu một cao thủ đớp quà vặt mới xuất hiện trên sân khấu đớp hít của miền Nam vô cùng tự do này.

Ông già em cao hứng bèn đặt tên em là Mộng-Thu, nhưng càng lớn em càng chả có gì là mộng. Hết nghịch ngợm, trêu chọc người này người kia, lại ra vườn phá mấy con gà con ngỗng, giống như nhiều vị con ghế bạn em tên là Bạch-Tuyết mà nước da nàng ị ị ngả về màu cà phê «phin», tên là Hải-đường mà mỗi khi nàng cười thì lại làm cho «trẻ con ngừng khóc, bà già ôm quần chạy». Ua nói vung vít, thấy cái gì mà em cho là ngang tai, chướng mắt là em nói đớp chát nên tụi bạn em nó kêu em là con Thu Hippy vì tánh nết Hippy, chứ còn tắm rửa thì ngày nào lịch Tam-tông-miêu ghi «nên vết rãnh, đào nương, sờ mũi trâu bò» là em tắm rửa niềm

nở. Ăn bận thì em theo sát thời trang như bóng với hình, có mỗi cái mốt mặc hở rún gần đây thì em không dám theo vì sợ gió độc nó thổi vào rún dễ cảm lắm, trong khi giá dầu củ-là hồi này leo thang không thua gì giá phấn Miss Ayer, ý quên, còn thêm một cái mốt em chê là cái mốt sửa lưng tung các bộ phận trong cơ thể mí lì lột da mặt. Em nghĩ con Thu nó xấu hay đẹp vườn phải giữ cho nó là con Thu, việc gì mà phải sửa cái này cái kia cho nó giống mợ này, mợ nọ ? Người ta thường ví các vị liền bà con ghế như bông hoa, vậy quý chị liền bà con ghế có quyền nhớ rằng có nhiều thứ hoa, và

mỗi thứ hoa có cái vẻ «gỗ ghề» riêng biệt của nó. Làm gì có tiêu chuẩn nào để so sánh 2 bông hoa? Cụ có thể thích hoa hồng, mà em lại thích hoa dạ lý, trong khi con Thảo gàn bạn em nó lại thích hoa mồm chó mí lý hoa mười giờ. Đến cái vụ lột da mặt thì em thấy tội nghiệp quá, thời gian nó tàn nhẫn và nó đánh dấu bước chân đi của nó kỹ lắm, các cụ ơi, đừng nên quên mà làm buồn lòng bà con lối xóm. Các cụ có thấy buồn năm phút khi thấy những «Đại minh tinh» đã ở bên kia đời của cuộc đời mà vườn cứ nhất định đóng vai các em bé 20, 21 tuổi? Tới những màn ngày thơ, nhí nhảnh nhìn thấy «Đại minh tinh» cố gắng bắt khuôn mặt đã có 2 túi mỡ ở dưới quầng mắt diễn tủa một sự son trẻ, khán giả có cảm tưởng như nhà đạo diễn bắt một cái xe Renault 4CV, đã chạy taxi 20 năm, tham dự cuộc đua xe hơi đường trường «24 heures du Mans» và quý vị khán giả nhậy cảm muốn đứng vùng dậy nắm tay nhau mà gáy ầm lên như là dâng kiến nghị:

«Thời gian ơi! xin ngừng lại,

Thời gian ơi! xin ngừng lại...»

Trở lại vấn đề tên tuổi, con bạn thân nhất của em, con Thảo gàn, cũng vậy. Tên nó là Trần-thị-Cam-Thảo, chả hồi có thai nó, bà già nó cứ bị đau âm ỉ ở chỗ chấn thủy, đi khám các đấng lang ta lang tây, đấng nào cũng làm ra vẻ quan trọng, cho uống đủ thứ viên, cục, bột, nước, mà đau vườn hoàn đau, sau nghe có người mách ngâm cam thảo, tự nhiên

lại hết, ba má nó bèn đặt tên cho nó là Cam-Thảo. Tên là Cam-Thảo, nghĩa là cũng ngọt ngọt để chịu vạ mà tánh nết nó chả để chịu chút nào: ưa nói ngang, trái ý là gây, bất cần là gây với ai, làm ở labô của bà cô em, tại Phòng Quảng cáo và giao tế nhân sự, nó gây với chủ sự hoài. Thảo chủ sự cũ mặt xanh có lần đụng với nó tức quá, máu chảy dồn về tim hết, bèn siu, may có bà Tâm, lao công, cho uống một ly nước tiêu đầy mí lý giật tóc mai lia lia, vừa giật vừa gọi hồn nó mới tỉnh lại.

Tụi em kêu nó là con Thảo gàn, nó cũng cười, không giận. Mà nó gàn thiệt các cụ ơi, như hôm nọ nó đến chơi với em, em với nó vừa đớp đậu phộng vừa đọc báo, đọc đến cái tin có 3 mẹ con một mợ ở chung cư Nguyễn-văn-Thoại vì mướp quá hết gạo nên bữa cơm cuối cùng bà mẹ trộn thuốc giết chuột vào cơm cả ba mẹ con cùng ăn, 2 đứa con đã chết còn bà mẹ đang hấp hối, nó đọc cho em nghe rồi nói: « Vô lý, vô lý, thậm vô lý, không có cơm thì mua bánh mì mà ăn chứ việc gì mà phải tự tử, phải không mày? » Em vội đưa cho nó một nắm đậu phộng tồ bố và nói: « Bà chị nói chí lý lắm, mời bà chị đớp thêm rồi ngồi yên mà đọc báo »,

Nhưng nó đâu có chịu ngồi yên, đọc một lúc lại la ầm lên: « Thu này, có ông dân biểu ông gửi thư lung tung yêu cầu cấm đồng bào thân mến làm bánh Trung-thu. Họ thương dân ghê mày nhỉ, lo lắng từng chút một, như vậy tao chịu ẹ,

có làm việc đến đồ tất cả các thứ mồ hôi ra để lấy tiền đóng thuế nuôi dưỡng mấy ông tao cũng chịu ». Em đáp : « Việc của dân biểu đểch làm, lo chuyện vợ vịn mà mày cũng phục được ». Nó cãi : « Chứ sao ! như vậy mới độc đáo chứ — Nước mình có 6000 năm văn hiến phải khác những nước mọi rợ chứ ».

Chuyện con Thảo gàn nghe tức anh ách ấy các cụ nhi. Thôi để em kể chuyện kếp em cho các cụ nghe cho thay đổi không khí.

Chắc các cụ cũng rõ đối với các vị con ghê chân chính thì kếp là một nhu yếu phẩm. Gạo, xăng lên giá, tụi em coi như pha, không có cơm thì ăn bánh mì, hủ tiếu, phở, bún riêu, em còn khoái hơn nữa, còn xăng thì em có dùng xăng làm gì đâu. Em đâu đã yêu ai, có yêu thì mới ghen, có ghen thì mới cần xăng để tặng chàng một màn «Hỏa-thiên Hồng-Liên tự» chứ ? Nhưng không có kếp nào để đưa đi ciné, đi « bum », đi đóp quà v.v.. thì kếp ghê gớm. Nói vậy để các cụ thấy rằng kếp là một dụng cụ cần thiết ngang với phấn, son, mê-hồn hương, bút chì kẻ lông mày v.v.. và kếp không nhất thiết phải là người yêu. Bởi vì kếp thì có thể chọn lựa chứ khi tình yêu đã đến, thì nó lại hay ngang trái : Vào một buổi đẹp trời nào đó, bạn có thể thấy rung động, bả hoải chân tay trước một hán tử có đôi mắt buồn man mác, và tới khi «Tinh trong một phút mà thành thiên thu» bạn mới khám phá ra rằng số dĩ chàng luôn luôn có đôi mắt

trầm buồn là vì chàng bị đủ 36 thứ trĩ nó hành hạ, và lúc đó, mỗi khi chàng đau khổ vì bệnh trĩ, bạn chỉ còn biết tựa vào bao lơn nhìn về phía chân trời và gáy khẽ :

« Khi người yêu tôi khóc, trời cũng u sầu ...»

Vậy thì, cũng như hầu hết các vị con ghê chân chính theo sát thời trang, em cũng có một kếp để xử dụng vào các « dịch vụ đã nêu ở phần trên » : Thằng này tên Hoàng, tục danh Hoàng-Tiểu-Bảo, cao ráo, sạch sẽ, người dễ tính có thể sắp nó vào loại « bô » trai, chỉ tiếc một nỗi trí thông minh của nó chỉ được xấp xỉ mức trung bình. Vùng trời hiểu biết của Hoàng-Tiểu-Bảo là một khoảng không gian quá giới hạn, con người của Hoàng-Tiểu-Bảo là một con người rập khuôn theo một mẫu mực nhất định, điều đó thật ra cũng không phải lỗi của chàng vì nó tiêu biểu cho cái gọi là con ông cháu cha. Tại sao lại có hiện tượng con ông cháu cha ? Có rất nhiều đảng làm lớn mà con cháu vưỡn không bị sắp loại con ông cháu cha vì các đảng này bắt con cháu mình vượt mức khởi hành trong cuộc đời như tất cả mọi người khác. Còn một số các đảng làm lớn khác thì lại dùng cái lớn phù du của mình để cho con cháu mình xé rào : Trốn quân dịch, du học ngang xương dù là đi du học ngành buôn bạch phiến, hưởng thụ, dựa hơi, át giọng, chèn ép người cùng lứa tuổi v.v... Tuy nhiên nạn nhân chính vưỡn là các đảng con ông cháu cha, vì một đảng con ông cháu cha chân chính

làm gì có những gương thanh liêm, cương trực ở trong gia đình dè mà theo, có chăng chỉ là những tấm gương trình diễn, bôi son vẽ phấn đóng một tấn tuồng thô kệch với một mục đích nịnh bợ, hoặc tham nhũng, lũng đoạn, sợ trên nạt dưới mà thôi.

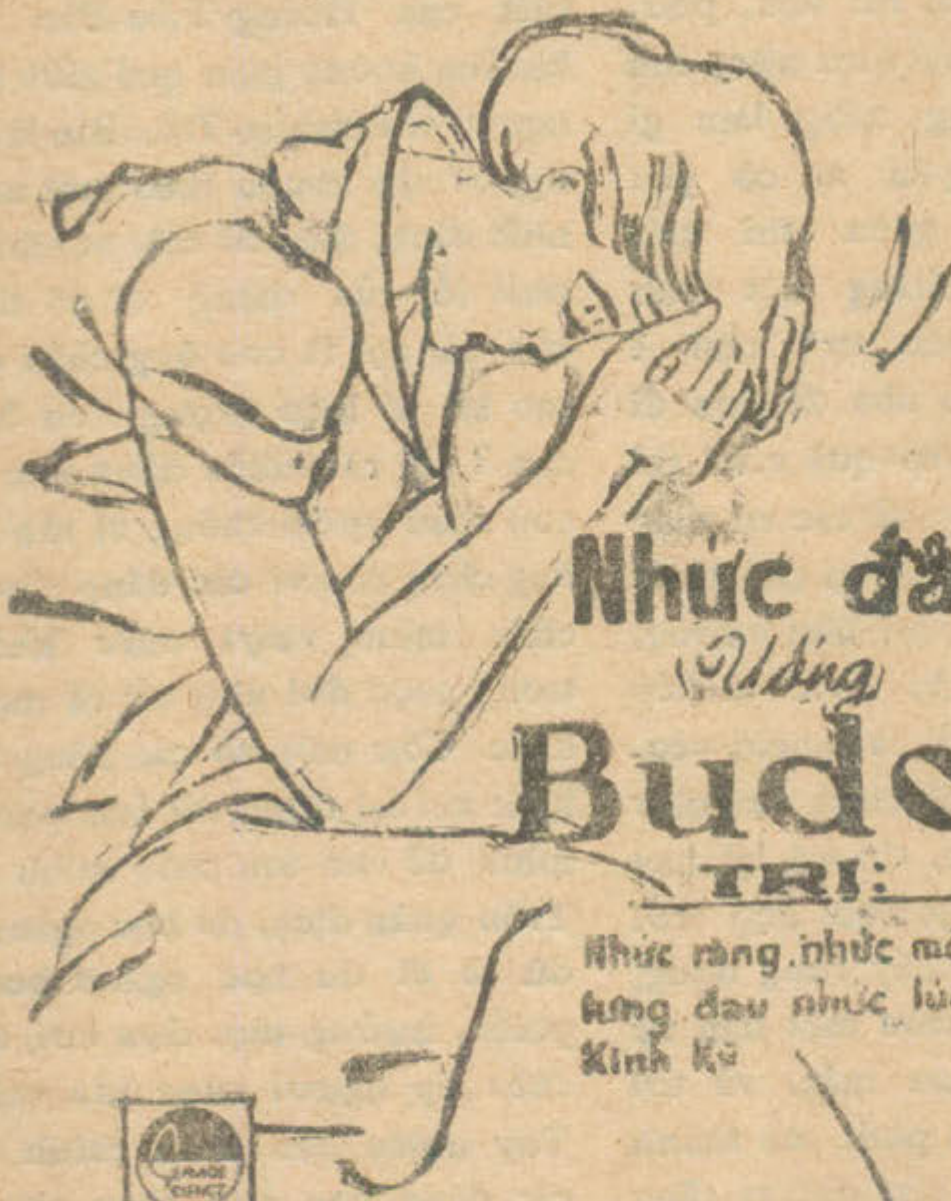
Thằng kếp hiện đang học Quân-y, nhưng chưa bao giờ em dám hỏi thăm nó về bệnh tật, thuốc men, thấy ít bảo đảm quá. Nó có một ưu điểm là có cái vespa, cũng được

việc lắm. Nhưng em chỉ ghét nó cái tật đàn đúm. Nó có mấy thằng em út trong đó em ghét nhất một thằng mặt đen, tí hí mắt lơn, răng kiêu dưới mái tây hiên, lác ca, lác các mà lại cứ ra cái điệu Casanova nội hóa.

Ý, nhưng mà thôi, em xin lỗi các Cụ, đề lần sau em đấu nốt nhé, đến giờ ăn cơm rồi, mà em xấu đói lắm.

Xin hẹn ngày tái ngộ.

THU HIPPIY



Nhức đầu

(Nhóng)

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
khung đau nhức lúc có
kính kô



127/97/2000

Người đến nợ nước

Bốn người lính ngồi song song ở mạn đò. Hai người lính khác chèo con đò xuôi theo giòng nước. Chiếc quan tài hình lục giác phủ quốc kỳ nằm gọn ở giữa. Một buổi chiều trời quang đãng. Đây là một con đò được Bộ Chỉ huy Tiểu đoàn bộ binh X. thuê để đưa xác một tử sĩ về một ấp mà trong quân bạ người quá cố ghi là chánh-quán.

Sáu người lính đặt dưới quyền chỉ huy của Trung-sĩ nhất Lầu, họ đều lộ vẻ mặt vui tươi như làm một công việc đã quen, hơn thế nữa, đóng góp vào một công tác mà họ cảm thấy bổn phận hơn là trách nhiệm.

Không có ai nói gì ngoài tiếng đọc kinh rè rè phát ra từ một cuốn băng nhựa ghi âm sẵn đề cầu nguyện cho người chết, đó là một sáng kiến đầy cố gắng và cũng là ân huệ cuối cùng của người sống đối với đồng đội đã nằm xuống. Cuốn băng nhựa này phát ra một âm thanh quen thuộc đã tiến đưa không hết bao nhiêu quan tài về quê quán.

Con đò bỏ thượng lưu dòng sông, xa dần dãy núi đá tím và những ghềnh đá soi mòn, đi qua thành phố.

Thành phố ở trong chiến dịch tổng vệ sinh, sạch sẽ, yên lặng với những con đường cây cối xanh mướt như cảnh thanh bình đã thật sự về trên đất nước. Những đám mây bay qua

dù nặng nề cũng không làm cho dòng sông bớt phần trong suốt của nó. Mặt mây của sáu người lính in trên lòng nước với một vài nét lệch lạc như loài người được biến đổi sang một hình thái khác, không xa cách hình thái cũ bao nhiêu.

Hạ-sĩ Vui mở đầu câu chuyện :

— Nơi đụn cát vàng xa xa đó là quê của Chim Di. Nó ở một nơi độc đáo thật. Tưởng là sát với chân trời rồi.

Trung-sĩ trưởng toán nét mặt nghiêm nghị :

— Năm nào về mùa nước cạn, tôi cũng lãnh một sứ mạng, đưa một người về miền duyên hải.

Con đò qua thành phố lúc nào chẳng ai hay. Bình nhất Bạch gãi đầu tỏ ra hồi hận một việc gì, trong lúc đó tiếng hạ-sĩ Hạc dồn sự ghen ngào ở trong cổ.

— Tôi có người vợ, mười một năm rồi, không về thăm mộ.

Có tiếng nói đồn theo :

— Tôi cũng đứng mười năm hai tháng không thấy được mộ cha.

Câu chuyện buồn đáng lẽ còn kéo dài thêm bị hạ-sĩ Vui cắt ngang. Anh Vui là người dường như được đề cử đi theo đề thời vào tâm hồn người đồng hành một luồng không khí nếu không được vui tươi thì

cũng bớt đi sự buồn bã, chán nản. Chẳng những đối với những người trên đò này mà cả thân nhân của người quá cố. Anh Vui lúc còn dân sự là một vai hề nổi tiếng trong ban hát bộ địa phương, sau này vì không yêu được người đàn bà chữa hoang trong đoàn mà buồn lòng xin nhập ngũ. Vui được ở hậu cứ, được nhiều huy chương, tưởng lục là vì cấp chỉ huy thấy rõ ràng, nơi nào có sự hiện diện của anh là tình thế bớt âu sầu, kể cả lúc chiến trận còn mịt mù khói súng hay trong phút biệt ly như hôm nay. Anh khua tay nhiều vòng trong không khí :

—Thằng Chim Di thế mà sướng. Có bạn đưa về. Sông lại trong, trời cũng tốt. Con người có ai lột da sống hai đời. Mai mốt nó được tiếng nhạc của sóng biển ru ngủ nữa...

Rồi nhiều người phụ họa ý nghĩ của Vui.

—Ừ, thời buổi chiến tranh, chán chỉ người chết mất xác, chán chỉ người không có được mảnh gỗ che thân.

— Chim Di chết thế mà hen, tối thiếu tiền tử nó cũng mua được mẩu ruộng ở làng để ngày đơm thóc giỗ.

Hai bên bờ sông sương chiều làm cho thôn xóm dịu lại, thêm thiếp ngủ. Một vài cánh chim bay trong vùng khói lam tản mát. Những lũy tre nối tiếp cánh đồng cỏ hoang, những rặng cát vàng ôm chân trời đỏ ửng. Thật xa, cửa biển hiện ra với những cánh buồm cô đơn.

Cảnh vật lúc hoàng hôn đã làm cho

đôi mắt Dakrong thêm u tối. Một nỗi xót xa không tên đã tràn ngập tâm hồn đa cảm của nó.

Dakrong là con nuôi của tiểu đoàn. Trước đây, lâu lắm rồi, trong một cuộc hành quân tiêu trừ giặc ở vùng thâm sơn, lúc đi qua một căn nhà của người thượng, binh sĩ nghe tiếng trẻ con khóc, vị tiểu đoàn trưởng đã ra lệnh cho đại đội công vụ phải mang nó về nuôi ở hậu cứ. Không ai muốn tìm hiểu cha mẹ của nó là ai, tại sao chỉ một mình nó còn lại trong một căn nhà giữa khu rừng già, chỉ biết rằng nó là một đứa bé thiếu số, nuôi nó sống được và lớn khôn là một điều may mắn và hãnh diện cho một đơn vị tác chiến. Tiểu đoàn đã đặt tên cho nó là Dakrong để nhớ tên một thung lũng đầy thú rừng và chông mìn đã vượt qua và cũng là nơi mà nó đã chào đời. Ngày nay, Dakrong đã mười bảy tuổi, vị tiểu đoàn trưởng ngày xưa đã hy sinh, trong tiểu đoàn đa số là người mới bổ sung tới, nhưng với hoàn cảnh nào, Dakrong vẫn là đứa con nuôi được nuông chiều đặc biệt của Tiểu đoàn. Mặc dù chưa có số quân nhưng Dakrong nghiêm nghị như một người lính cơ hữu của tiểu đoàn, nó tham dự hầu hết các cuộc hành quân và tỏ ra can đảm phi thường, coi sự gian nguy, chết chóc không đáng kể. Dakrong cũng là bạn thân của Chim Di, hai đứa cùng ở trong tiểu đội tiền sát, lúc Chim Di gục chết bên một tảng đá lớn chính Dakrong đã vuốt mắt và khóc một mình cho cây lá

ở giữa rừng già nghe.

Dakrong cũng là người được xem như hiểu Chim Di hơn cả. Hai đứa tuổi tác không chênh lệch bao nhiêu, cùng mang một tâm sự, một hoàn cảnh, cả hai đều mồ côi từ lúc mới lọt lòng mẹ, cùng sống và lớn khôn nhờ người khác không phải máu huyết thân thuộc của mình, cả hai đều nuôi một hoài bão sau này làm có tiền sẽ xây cho cha mẹ mình một cái lãng ở giữa un hai ngôi mộ để tưởng tượng nơi cha mẹ mình yên nghỉ. Nay mộng của Chim Di đã cụt. Chân trời trước mắt Dakrong bỗng đứng tím ngắt.

Đò lạng lẽ băng qua cánh đồng cỏ im lìm. Tiếng cầu kinh trong cuốn băng nhựa đã ngưng. Dakrong một tay đặt lên quan tài như tìm ở đó chút hơi ấm. Nó nói :

— Tôi còn Chim Di một món nợ.

Nói xong nó lấy trong túi áo ra một cái bao thư dán kín đưa lên cho tất cả cùng xem :

— Khi Chim Di còn sống, tôi không đủ can đảm đề đưa, tôi định thủ tiêu. Nay Chim Di chết, tôi phải đưa, nhất định đưa...

Trong trí Dakrong lúc đó có hiện ra hình ảnh con Nga bán ở Cầu lạc bộ Tiểu đoàn. Bây giờ con Nga chắc đang buồn bã, chưa chắc trên đầu nó đã có quấn một chiếc khăn tang. Bàn tay nó ấn mạnh xuống quan tài. Nó hứa thề với bạn Chim Di, kể từ giờ phút này, tao không có quyền nhớ đến người yêu của mày nữa,

tao không có quyền so ước được kết nghĩa vợ chồng với con Nga nữa. Con Nga, kể từ đây là của mày, trăm phần trăm là của mày, mày chết cũng như sống, đứa nào dành của mày tao sẽ đâm vỡ mặt, mày cứ yên chí... mày tin tao, bạn mày đây nhé.

Trời tối sẫm, rặng cát trước mắt biến thành những con thú khổng lồ đen đúa. Trung-sĩ trưởng toán ra lệnh cho âm thanh cuốn băng tái phát, đốt đèn cầy và chèo nhanh hơn để kịp giờ ấn định.

oOo

Sinh hoạt trong ấp dường như ngưng hẳn khi xác Chim Di cập bến.

Mặt trời vẫn mọc chiếu tỏa ánh sáng ngời ngoài biển cả như mọi ngày nhưng trên bãi biển chẳng có một bóng dân chài lưới. Những con đã tròng lần đầu được làm bá chủ cả bãi cát mênh mông.

Từ sáng sớm, khi sương đêm còn long lanh trên những đụn cát đã có các người già cả chống gậy đến nhà bác Trãi. Căn nhà, hàng hiên, mảnh sân và con đường của bác lâu nay hoang-vu, nay cũng được một dịp rộn rã hiếm có.

Mọi người trong ấp coi việc Chim Di chết như một dịp để biểu lộ tình cảm riêng đối với vợ chồng bác Trãi, người mà họ cho là can đảm và phúc đức khi nhận Chim Di làm con nuôi, từ lúc Chim Di còn là đứa trẻ sơ sinh bị bỏ rơi ngoài bãi biển. Ngoài việc đến chia buồn, phúng điếu, ban trị sự ấp còn trích công quỹ để đắp cho Chim Di một tấm bia có khắc

đầy đủ tên tuổi, ngày sinh, ngày tạ thế... Họ coi Chim Di như đại diện cho mọi người trong thôn ấp đóng góp xương máu cho đại cuộc, dù tiêu biểu nhưng phải có.

Hạ-sĩ Vui được đề cử ở lại với gia đình Chim Di để giúp một tay lo đám tiệc. Anh cũng được trung-sĩ trưởng toán căn dặn những điều cần thiết để an ủi tang quyến trước khi trở về đơn vị. Vui được trong thôn xóm tiếp đón nồng hậu, thăm hỏi những vấn đề liên quan đến thời cuộc và nhất là gọi lại những kỷ niệm lúc Chim Di còn sống.

Vui chỉ kể đại khái về ao ước của Chim Di, một vài câu chuyện nhỏ để chứng minh lòng yêu nước của người chết và nhấn mạnh cho bà con biết Chim Di đã được tẩm liệm ở đơn vị rất chu đáo, có gối kê đầu bằng gỗ tốt, túi ny lông bọc xác loại dày, dù loại quan tài tiền chế theo tập quán người Nam nhưng vừa đủ cho cơ thể, không phải bị uốn nắn. Ngoài ra Chim Di được mang theo cái chiếu-thương bội tinh trea ngực áo liệm. Hạ-sĩ Vui kết luận:

— Số Chim Di thế mà sướng. Đi đến nơi về đến chốn.

Mẹ nuôi Chim Di bỗng khóc trở lại:

— Con ơi, nuôi con tưởng có ngày dựng vợ gả chồng, ai ngờ...

Vui an ủi:

— Thưa bác, làm trai như bọn con, ở thời giặc già phải ra đi, không ngờ Chim Di sớm đến nợ nước.

Người đàn bà chất phác, chấp bần

tay nhìn quan tài rồi mếu máo:

— Ai ngờ mặng tàn trước tre. Con ơi, con đến nợ nước lúc còn trẻ quá, con ơi.

Một người trong họ từ ngoài sân vọng vào.

— Đừng khóc nữa bác. Khóc chẳng ích gì.

Bác Trãi cũng khuyên vợ:

— Thôi, đừng khóc nữa.

Dù là khuyên vợ thôi khóc nhưng chính trong lòng bác Trãi đang trời lên khóc. Nước mắt bác ứ đọng lại ở cổ, vỡ vụn trộn nhòa trong huyết quản. Bác nghĩ đến mới ngày nào nó còn nằm trong bọc vải, tiếng khóc hăm nóng cả một vùng biển cả lúc chiều xuống. Mới ngày nào nó còn nằm trong nôi, nhoèn miệng cười và mới ngày nào nó về phép mặt mày hớn hở. Mới ngày nào nó kể lại những trận đánh đầy hào hứng bên một đồi tranh mới nở, bên một suối mới cạn, bên một cánh rừng mới cháy xám...

Hạ-sĩ Vui hiểu được nỗi buồn sâu kín của bác Trãi:

— Bác định an táng bạn cháu ở đâu?

— Trước kia, tôi định chôn nó ở nghĩa địa làng, nay thì tôi nhất định chôn trên động cát. Động cát nào cao nhất để nó nhìn thấy được biển.

Vui xoa hai tay tán thành:

— Cháu cũng đồng ý và mong cho bạn được chỗ nằm rộng rãi, mát mẻ.

Tại hậu cứ Tiểu đoàn một đêm trời hậm hực sắp mưa. Cả bốn phía trời mây chỉ kéo đen nghịt. Dakrong ngồi trong câu lạc bộ uống rượu. Đối diện với nó là con Nga. Con Nga cũng mang bộ mặt khác thường điếm một chút gì bí mật. Đây cũng là lần đầu con Nga thấy Dakrong trở thành người lớn, muốn bày tỏ với người khác nỗi lòng quanh quẽ của mình. Con Nga hỏi :

— Anh có chuyện buồn ?

Dakrong mỉm cười, buông thả một cái nhìn xa xăm :

— Chuyện buồn này chỉ có Nga giải cho tôi.

— Anh nói nhiều lần như vậy rồi.

— Lần này thì khác, khác lắm.

— Anh muốn tính chuyện lâu dài phải không ?

— Không phải. Muốn nói ra cho Nga hiểu, nhưng nói ra thì buồn không chịu nổi.

Con Nga nét mặt đăm đăm :

— Anh cứ nói. Nga thông cảm anh.

Dakrong bật quẹt đốt điếu thuốc, nhả khói :

— Anh gặp em lần này là lần cuối.

Trước sự ngạc nhiên của con Nga, Dakrong nói tiếp :

— Phải, chắc chắn là lần cuối. Từ nay anh ít khi về hậu cứ nữa, nếu có về anh hứa sẽ không vào Câu

lạc bộ này. Đối với em, kỷ niệm anh không quên. Chắc em đã biết Chim Di chết rồi chứ ?

— Biết rồi.

— Ừ, chính Chim Di đã chết, bốn phận anh phải nghĩ tới bạn, anh phải xa em.

— Em không hiểu anh nói gì ?

— Sau này em sẽ hiểu. Lúc Chim Di còn sống, biết hẳn cũng yêu em, anh muốn tranh đấu để được em, có lúc anh muốn giết hẳn. Nay hẳn chết, anh phải đầu hàng hẳn.

Về mặt con Nga càng ngờ ngạc thêm :

— Anh sợ oan hồn anh ấy bắt ?

— Không phải, chết vì súng đạn anh không oán, hướng chỉ là.

Bóng tối đùn vào trong quán quỵện với khói thuốc tạo thành một lớp nhầy nhụa. Gió núi mang theo mùi cỏ cháy sau một trận cháy rừng nào đó. Con Nga, nhìn ra ngoài trời phía ánh hỏa châu mới tắt, nó muốn thắp lên những kỷ niệm ngày trước mà nó sợ phải nguội đi, chết đi một cách oan uổng :

— Anh có tin đêm nay trăng mọc không ?

Nhưng Dakrong không muốn sống lại cảnh thơ mộng cũ, dù khoảnh khắc :

— Xa Nga, tôi sẽ nhớ mãi.

— Anh đành lòng thật sao ?

— Chẳng biết cách nào hơn.

— Sao anh lại sợ một người đã chết. Chim Di lúc sống thiệt thà lắm.

Anh nên nghĩ đến người sống. Sống mới đáng kể chứ anh?

Rồi con Nga khóc. Nước mắt nó có tác động như những giọt mưa rơi trong lòng Dakrong sau bao năm hạn hán. Ngoài vòm trời khuya, một vài vì sao đã mọc, lạnh lùng, xa xưa. Dakrong nắm lấy bàn tay của con Nga. Một lưới gươm vô hình đã cắt trái tim nó ra nhiều mảnh vụn rồi. Đêm nay là một đêm quyết định. Một đêm buồn vô hạn, buồn nhất trong đời. Và, cuối cùng Dakrong chạy vụt biển vào trong khoảng tối mênh mông, tàn bạo của đêm sau khi đặt vào tay Nga lá thư của Chim Di để lại, bức thư Chim Di viết ngày còn sống như sau:

« Em Nga,

Anh viết thư này cho em lúc mặt trời vừa mọc, dưới suối đã có tiếng

chim hót. Bây giờ chắc em đang thức dậy, mặt trời ở đó cũng mọc rạng rỡ. Anh nhớ mái tóc em vô cùng.

Chiều qua, lúc hành quân băng ngang qua ngọn đồi, anh có hái cho em cánh hoa, không biết tên gì, màu hồng nhạt, cuối tháng này về phép anh sẽ đem về tặng em.

Nga ơi, chẳng lúc nào anh quên em. Ngày tháng trôi qua như thề là chuyến xe thồ mộ chở hình bóng em đi qua đời anh. Anh đặt hết tin tưởng ở nơi em. Ngày nào đây, chắc không xa, anh sẽ đem em về quê anh, hai đứa mình sẽ đứng trên một đụn cát cao nhất để nhìn biển. Biển rộng như tình anh yêu em...

Thôi, anh tạm dừng bút. Chiều nay anh sẽ viết tiếp».

HỒ-MINH-DŨNG

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.B.

Sách mới

— **Chân dung Triết gia của Đặng Phùng Quân** do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 200 trang gồm 3 phần, đề cập tới các Triết gia: Hegel, Dilthey, Merleau-Ponty, Platon, Spinoza, Descartes... Bản đặc biệt.

— **Ngân hàng của Hoàng Ngọc Khiêm** do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 270 trang, khổ 16×24, gồm 2 phần lớn: Nguyên-tắc điều-hành và kế-toán và Hệ-thống ngân hàng tại V.N. cùng 6 Phụ bản. Bản đặc biệt. Giá bán thường 900đ.

— **Đất nước quê hương Tù** bút của Võ Phiến, do Lửa Thiêng xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 276 trang gồm 4 phần trình bày những suy tư và nhận xét của tác giả chung về Đất nước và riêng từng địa phương thuộc Trung, Nam và Cao nguyên. Nguyễn Hiến Lê đề tựa. Bản đặc biệt.

— **Xóm cầu mới Quyển I và Quyển II**, truyện dài của Nhất Linh do Phương Giang xuất bản và gửi tặng. Cuốn tiểu thuyết chưa từng được xuất bản toàn bộ của nhà văn-hào quá cố, lãnh-tụ Tự-lực Văn-đoàn, dày 713 trang kèm theo 20 trang Phụ lục: Tranh vẽ, Sơ đồ xóm Cầu Mới, Dàn truyện, hình nhân vật trong truyện của chính Nhất Linh. Tranh bìa nhiều màu của Nguyễn Gia Trí. Bản đặc biệt.

— **Eo biển đa tình**, truyện dài của Túy Hồng, do Nguyệt Quế xuất bản và gửi tặng. Sách dày 430 trang, trình bày trang nhã. Giá 700đ.

— **Những ngã đường** truyện dài

của Hà Bình Trung do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 190 trang, bìa của họa - sĩ Nguyễn Khai. Giá 290đ.

— **Khi hòa bình trở lại**. Tập thơ của Lê Phở Đức, do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 30 trang gồm 27 bài thơ, bìa của họa sĩ Nguyễn Khai. Bản đặc biệt.

— **Ngôi nhà cho người trở về** tập thơ của Nguyễn Huy Chương do Khai Phá xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 80 trang gồm 20 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 300đ.

— **Thằng bé thợ rèn**, truyện thiếu nhi của Mặc Thu, do Tuổi Hoa xuất bản trong loại « Hoa đỏ » và gửi tặng. Sách dày 124 trang, có phụ thêm kịch thơ đã sử một màn: Cô lái bên sông. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

— **Cô giáo Thu Trang**, truyện thiếu nhi của Hải Vân, do Tuổi Hoa xuất bản trong loại « Hoa đỏ » và gửi tặng. Sách dày 142 trang. Giá 120đ.

— **Quốc văn Lớp Tám của Thế Uyên Nguyễn-Kim-Dũng** do Thái Độ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 270 trang, Giảng văn, Luận văn, Trần thuật, Đọc sách (Cập nhật hóa 72), với tiểu sử và hình các tác giả có văn trích dẫn. Giá 340đ.

— **Giải tích điểm động học Lớp 12B** (Giáo khoa và Trắc - nghiệm) của Phan Lưu Biên, Lê Văn Đăng và Trần Thành Minh do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 336 trang, gồm 12 chương, mỗi chương đều có các phần: Giáo khoa, Trắc nghiệm và Bài tập. Giá 560đ.

בנק

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Một thoáng khói cay

Một mắt canh chừng xe phía trước, một mắt dòm đường ngang để tìm lối ra. Chạy xe trên xa lộ, nhằm một đường rẽ là chạy thêm vài chục cây số và có thể lạc hàng giờ. « Cuộc đời mình giống như chạy xe trên xa lộ, nhằm một đường rẽ là hết quay lại, và cứ thế mà lạc mãi ». Một người bạn tôi đã có lần nói đùa như vậy. Kề cũng đúng. Ngoài xa lộ, xe nào xe nấy chạy vùn vụt. Tốc độ của đoàn xe xung quanh ảnh hưởng tới chân ga mình. Cũng phải nhấn thêm ga để cứ thế mà lao theo một cách bán tri thức. Không có chuyện quay vòng trở lại. Và chắc là sẽ tan xác nếu đâm vào xe chạy ngược chiều.

Tôi buông bớt chân ga để tìm đường. Biết mình đang làm phiền người khác nhưng thây kệ. Tôi vòng ra con đường nhỏ, làm theo suy luận của trí nhớ sót lại sau khi đã đọc bản đồ chỉ đường tới hai ba lần trước khi lên xe.

Tiệc tùng và cười xin thật là mệt. Cho cả người tổ chức lẫn người được mời. Tất cả chỉ là nề nhau. Nhất là đi ăn uống ở cái xứ Hoa-kỳ này, nhiều khi phải đi hàng vài chục cây số mới được miếng ăn; mà không làm gì khác được. « Em nên nhớ mình đang sống với xã-hội và trong xã-hội. Bao giờ lên núi tu tiên thì lại khác. » Lê vẫn thường dỗ dành tôi mỗi khi tôi dài dòng ca thán về những chuyện mầu mực và

khuôn thước bao vây.

Xe chạy trên đường nhỏ thanh thoi hơn ngoài xa lộ nhiều. Không còn lo lạc nên tôi chạy tà tà và tới cao ốc nhà Nguyễn lúc nào không hay. Trong bãi đậu xe sắp hàng san sát. Vòng vo mãi mới kiếm được 1 ô nhỏ len vào. Chỉ nguyên thấy xe chạy trên xa lộ và xe đậu trong bãi là đủ thấy Hoa-kỳ giàu và tiện nghi tới mức nào. Nhưng dĩ nhiên cũng như mọi xã-hội khác, sự giàu sang không phải của mọi người và những tiện nghi không phải mọi người đều được hưởng. Có điều phải nhận là Hoa-kỳ giàu và thật đủ tiện nghi cho những người có tiền.

Đi trong hành lang tới phòng tiếp tân của cao ốc Nguyễn ở, tôi đã thấy cô dâu chú rể cùng với một cặp ông bà già đứng sắp hàng dọc ngay ở cửa vào. Nguyễn mặc áo gấm xanh và quần ống sớ, không biết đào ở đâu ra. Trông xúng xính, tức cười. Hơi là lạ. Còn cô dâu mặc áo gấm đỏ, đội khăn vành giây vàng và gài một chùm hoa lan tím thật lớn ngay trước ngực. Cười rạng rỡ. Trông thật xinh. Nguyễn giới thiệu :

— Đây là chị Hạnh. Đây là Thanh và ông bà Quý, anh chị của Thanh.

— Dạ em có được nghe anh Nguyễn nói về chị, bây giờ mới có hân hạnh...

— Cám ơn chị, tôi cũng có được nghe về chị, bây giờ mới có dịp gặp chị để thấy anh Nguyên quả là một nghệ sĩ. Vì anh đã đi tìm mà chỉ nhận toàn thiện toàn mỹ... Dạ thưa ông bà mới từ bên nhà qua dự đám cưới?

— Dạ thưa không. Chúng tôi từ Pháp qua, đại diện cho ba má tôi và gia đình bên nhà.

Có những người đi sau lần lượt chờ được nói. Biết thế nên không ai nói quá hai câu vì có thể gây nạt kẹt người ở giữa lối đi. Tôi đi vào trong, miệng nhếch ra như cười để lỡ có ai cười mà mình không nhìn thấy thì đã có cái cười sẵn đáp lại. Cho yên trí. Vì nhiều người hay dài dòng và mặc cảm về mấy chuyện « bà ấy lừa tôi, ông ấy khinh tôi, mình chào mà không thèm trả lời. »

Căn phòng lờm chờm đầu người. Mùi thơm phấn và nước hoa làm mình ngây ngây dù là trong phòng lạnh.

Tôi lấy kính cận đeo vào để lựa chọn một đám đông đi tới. Thấy đủ mặt bá quan văn võ ở cái đất Nữ-ước này. Nhưng vẫn là từng ấy mặt. Chả khác gì Saigon. Nhóm nào thì quanh quẩn cũng gần ấy mặt. Có khác là một kiểu tóc mới, một chiếc áo thay đi, một chiếc cà-vạt lạ hay một hàng râu mới nuôi. Không thể làm thay đổi con người vẫn nguyên vẹn và cũ rích từ lối suy nghĩ tới cách thủ tiếp và nói chuyện. Phải chăng vì con người bản chất là cô đơn và lạc lõng nên chỉ thích tìm

quen những người giống mình, bằng mình, để soi bóng và bắt gặp đời mình trong người khác. Cho thoải mái và an tâm. Nhưng dầu sao Saigon có môi trường rộng rãi để có nhiều lựa chọn hơn. Còn xã-hội Việt kiều ở Nữ-ước giống như một tỉnh nhỏ Việt-nam, mấy người tai mắt trong tỉnh đều quanh quẩn biết nhau. Quanh quẩn phải mời hết, nhất là đụng đến chuyện cưới xin. Bỏ sót ai là có chuyện. Và dù là chuyện cưới xin cũng không thể chỉ mời những người thân, những người sẽ mừng cho hạnh phúc mình tìm thấy, mà phải mời những người tới để chứng kiến quyết định của mình thì nhiều hơn.

— Lại đây Hạnh. Độ này thấy mập ra và trẻ đẹp hẳn lên đấy nhé. Đấy, cứ uống sữa và ăn trái cây nhiều vào là tốt da lắm.

— Chào người đẹp. Sao... bao giờ thì cho bà con uống rượu đây. Thôi khó vừa vừa chứ. Bao nhiêu anh tài ở đây mà không chăm được người nào à!

Tôi cười. Nhiều khi đáp lại bằng cái cười dễ xong chuyện hơn một câu trả lời ra lẽ. Vì phần đông thiên hạ đặt câu hỏi để có dịp nói, đâu muốn tìm một câu trả lời. Nên chả nhọc công.

— Sao cô Hạnh? Mua xe cộ gì chưa. Còn độc thân như cô tậu một cái xe đua mà chạy cho sướng.

— Hạnh biết không, mình xúi ông xã đổi cái xe Mercedes hai cửa mà ông cứ lẩn chần hoài à. Cái xe

Fiat của bọn này đã chạy hơn hai năm rồi còn gì.

Hình ảnh chiếc xe Peugeot đời 1954 của gia đình thoáng qua óc tôi. Thân thuộc và trung thành như một người bố già. Mười chín năm trời vẫn một cái xe. Hoa-kỳ gọi đó là nguyên nhân của nền kinh tế chậm tiến. Tôi nghĩ là sự chung thủy và giản dị lối sống. Tôi muốn nói với vợ chồng Phúc là có chiếc xe để đi chuyen trong cơn mưa nắng đã là may lắm rồi. Nhưng lại thôi. Vì mỗi người một quan niệm về giá trị, và dẫu sao vợ chồng Phúc cũng đã sống ở Hoa-kỳ quá lâu.

— À quên, ban nãy chị Ngọc đang kể chuyện đi nghỉ hè ở Puerto Rico. Vui không chị?

— Dạ vui lắm. Bọn này ở chơi dưới đó hai tuần. Bãi biển đẹp nhưng còn thua bãi biển Nha-trang hay Đại-lãnh nhiều. Được cái ăn soài đã miệng, ngon chả kém gì soài hòn Việt-nam. Lúc về tiếc của bọn này còn khuôn theo một sọt nữa chứ.

— Thế mà chả biết đề tới xin chị ít trái. Hôm nọ đi chợ. Tàu mình cũng thấy soài có mua về ăn thử nhưng chẳng ra cái quái gì. Vừa nhạt vừa sượng.

— À này. Tôi xin báo tin buồn cho tất cả các ông các bà Việt kiều ở đây biết là năm nay không có cà pháo ăn đâu nhé. Mụ vợ tôi có gieo cả một mẫu cà. Lầm cầm làm sao lại nhằm hạt cà ra hạt ớt, thành ra mọc lên toàn cây ớt!

— Chà tiếc quá. Mà Hạnh biết

không, bữa nào cô phải tới nhà cụ Phan mà coi. Vườn nhà cụ đủ thứ. Xu hào, củ cải, đủ loại rau thơm, tía tô, xương xông, và cả dọc mùng nữa. À, thưa cụ đề bữa nào phải tới xin cụ ít rau muống về luộc. Nhà cháu kêu ăn thịt mồi chán, thêm ăn rau muống chấm tương.

.....



— Cô Hạnh mơ màng gì mà kỳ thế? Ra đây mình chỉ cho coi viên Bích ngọc lớn nhất Nữu-ước này. Đây! Cô thấy không. Có phải chị Hòa có cái mặt giây đẹp nhất đây không!

— Dạ chả dám. Các chị có thiếu gì ngọc quý hơn. Ấy các bà ở bên nhà thường thích xài cầm thạch và kim cương còn ở đây thiên hạ lại ưa mấy loại ngọc. Chị Phương đã thấy chuỗi Hồng ngọc của chị Tần chưa? Mê lắm!

— Mà đây này, chị Liên có chuỗi gì cũng đẹp quá này. Phải hồ-phách không chị?

— Dạ. Chuỗi này em mua hồi về Huế năm kia. Đồ xưa đó chị. Chị Phương biết không, em cứ nghe thiên hạ khen chuỗi huyền của bà Thành. Một hôm em lại gần rò thử mới biết là đồ giả. Thấy kỳ quá. Chẳng thà đừng đeo.

— Chuỗi hồ-phách này mà đeo với áo lụa tơ tằm màu ngà thì đẹp lắm. Mà này, áo cô Hạnh mới quá nhỉ. Mới mới ở Việt-nam hả?

— Dạ đâu có, một hồi bảy mươi đó ạ.

— Ủ tôi thấy cứ mặc áo dài của mình mà hay. Đồ đầm thì ít nhất cũng phải kén mua ở Sacks Fifth Avenue hay Lord and Taylor không thì quê liền. Mà mua hoài ở mấy chỗ đó thì tiền đâu.

Hài, cô dâu phụ đi qua nói: "Xin mời các bà ra dùng cơm." Rồi ghé vào tai tôi nói nhỏ: "Bạn nhìn bà Ninh coi,

mặc cái áo hồ cổ trông gớm không? Thấy ngực như sắp tuột mẹ nó ra khỏi vải bây giờ. Khiếp không!"

Các bà đi trước. Đàn ông sắp hàng sau. Trên bàn thức ăn ê hề. Toàn những món Việt-nam và đồ Tàu Quảng-đông. Mọi người tự lấy thức ăn vào đĩa rồi ra ngồi bàn kê ở cuối phòng. Tiếng nồ sấm banh nghe ròn như tiếng hỏa châu. Có điều không có bầu trời sáng hồng và thanh khiết sương đêm. Chỉ thấy mắt người đục đỏ và mũi son phấn pha mùi thức ăn bốc khói làm chân lông nở ra.

Ăn. Rồi uống. Và nói với nhau những lời rời rạc. Bằng những câu phần mình. Không phải là nói chuyện, vì những câu nói không thành chuyện và cũng không có chuyện nữa. Cô dâu đã thay áo mới từ lúc nào. Mặc áo đầm dài dát bạc dưới gấu và voan trắng rủ mềm quanh lưng. Đẹp như hình máy cô công chúa trong phim Walt Disney. Chú rể cũng thay âu-phục dạ hội, áo trắng thắt nơ đen. Hai người dắt nhau đi từng bàn để chụp ảnh với mọi người. Những lời chúc tụng hoa gấm đầy như rượu rót. Sóng sánh muốn tràn ra. Mọi người đều hỉ hả. Hay có vẻ hài lòng. Không biết gì cơm ngon rượu đất hay vì mỗi tò mò được giải đáp, gỡ ra. Mới hai tuần trước thiên hạ xôn xao về tin Nguyễn lấy vợ. Điện thoại nhắc lên reo vang. Hài. Nghe. Rồi chuyện đi bằng điện-thoại. — "Nguyễn lấy ai thế hả? Cô ấy ở bên Pháp qua à? Xinh không? Họ gặp nhau từ Thụy-sĩ hồi Nguyễn

qua dự hội nghị. Cô ấy là sinh viên. Còn nhỏ tuổi lắm. Cô ấy học HEC à, khá đấy chứ. Khá nhất là buộc được chân anh chàng Nguyễn. Tưởng hẳn không bao giờ lấy vợ chứ.»

— “Có nghe Nguyễn định làm đám cưới ở đâu không? Phải làm chứ. Đùa à. Hẳn thiếu gì tiền. Và lại đi ăn của thiên hạ mãi thì bây giờ cũng là dịp trả nợ chứ sao. Một gì mà lo. Có tiền tung ra là xong hết, thuê người họ lo hết cho mọi chuyện.»

Xôn xao dò hỏi trong suốt hai tuần. Bây giờ có dịp thì không ai thêm hỏi. Có lẽ thiên hạ đang tìm đề-tài khác để điện thoại cho nhau trong thời-gian

tới. Chuyện đoán xem vợ chồng Nguyễn ai sẽ ăn hiệp ai chẳng hạn.

○ Xung quanh bàn thức ăn, không còn ai đứng xếp hàng nữa, và mấy mâm bạc thức ăn coi đã lỏng chỏng. Thiên hạ đã kéo ghế xa bàn và ngã người hút thuốc. Cô dâu chú rể leo lên bục cắt bánh. Chiếc bánh năm tầng đứng kiêu ngạo. Cô dâu cầm 1 con dao dài kê lên chiếc bánh và tay chú rể bọc lấy tay cô dâu. Đứng cười chờ cho đèn chụp ảnh lóe lên mấy lần rồi mới ấn dao xuống. Thiên hạ vỗ tay. Nghe rào rào như tiếng mưa Saigon...

.....

Một người trong bọn khách đứng ra chúc cô dâu chú rể đầu năm sin.

**hãy
hút...**



BASTOS **MỚI**



ĐẦU LỘC
truyện hảo

con trai cuối năm coa gái. Mọi người cười nâng ly. Cô dâu lắc đầu quây quây. Còn chú rể đứng cười.

Mấy người bồi đã bắt đầu dọn dãy bàn thức ăn ở đầu phòng để sửa soạn sẵn khiêu vũ. Tôi bỗng nhớ một cô bạn có lần bình luận: « Khiêu-vũ hoặc là nghệ-thuật, hoặc như một cách nói yêu thương với người yêu. Vậy chỉ nên nhảy vì nghệ thuật, tức là phải nhảy thật hay, hoặc khi mình muốn du dương với người yêu có đó. » Cô ta bị mọi người phản đối âm ỉ vì quá khắt khe. Mọi người cho chỉ nên coi là một cách vui chơi như mọi thứ vui chơi khác.

Nhưng tối nay tôi bỗng gặp mình đồng ý với cô bạn. Nên tôi cáo lui. Ra xe và tự nhiên nhớ Lê kinh khủng. Nỗi nhớ ào tới làm tê liệt mọi cảm giác trong một giây. Rồi lạnh và trống rỗng. Từ tìm ra chỉ còn một mình nỗi nhớ dài dòng. Lê thế. Trên đường về tôi tránh xa lộ

đi vào những con đường nhỏ. Một mình. Giữa những bóng cây đen đổ xuống mặt đường. Thấp thoáng là bóng trắng rằm. Nhanh thật. Tháng sau đã là Trung Thu. Đứng nửa năm xa nhau. Tôi chợt nhớ tới mấy câu thơ của một nữ sĩ Trung hoa:

« Lấy một chút sáp
Nặn hình anh
Và nặn hình em.
Rồi giấp lại, nhào đều,
Lấy một nửa nặn hình em
Còn một nửa nặn hình anh,
Đề trong anh có em
Và trong em có anh.
Đề chúng ta có nhau
Đề mai sau chúng ta không còn bao
giờ xa nhau. »

Tôi muốn nói với Lê những lời thơ đó.

8-1973

DU L

MUA SÁCH THEO ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN

Các bạn bất cứ ở địa chỉ nào, trong và ngoài nước, cần mua một hay nhiều cuốn sách, chúng tôi sẽ gửi sách đến tận tay bạn, chắc chắn, nhanh chóng, giá phải chăng.

Đủ loại sách cần thiết cho bạn, được hướng dẫn lựa sách có Tập thư mục ghi đầy đủ mọi thứ sách. Xin liên lạc về: tham khảo (30\$ tem/1 coupon) t.k. kèm thư mục ngành (45\$/1 coupon) thêm mỗi thư mục ngành (35\$/1 coupon) thẻ lệ kèm thư mục tổng hợp chỉ nam mới phát hành (135\$/6 coupons).

BAN THƯ PHẨM TÂN HÀM THỤ

23 Nguyễn Văn Giai, Đakao, Saigon 1, Điện thoại: 95.753

Mái nhà xưa

Thơ LÊ VĂN TRUNG

Tặng anh Uyên Hà

Tôi theo anh về thăm quê Đại Lộc
Mùa ve ran ran bụi nắng bay mù
Anh và tôi mười mấy năm phiêu bạt
Lòng cơ hồ nghe mỗi bước lãng du...

Con đường cũ rẽ năm ba nẻo mới
Tôi phân vân không biết lối nhà xưa
Khi tìm gặp những người quen biết cũ
Kẻ mừng vui, người buồn bã : bơ phờ

Anh chỉ tôi chiếc cầu kỷ niệm
(Nơi bao lần tôi đứng đợi người yêu)
Dòng sông giờ đây bên bồi bên lở
Chiếc cầu xưa đã gãy quy tiêu điều

Mẹ nhìn tôi thấy quen quen nhớ nhớ
Mái tranh nghèo từ buổi đầu gặp anh
Mẹ ít đổi thay tuy da nhăn tóc bạc
(Tôi nghe lòng sống lại những chiều xanh)

Cây ổi sể bên vườn giờ đã chết
Hàng keo thừa vừa trở đợt hôm qua
Mẹ bảo tôi : « Cửa nhà quanh vắng
Con gắng về chơi ». Lòng tôi chợt xót xa

Tôi nhớ những trưa giống hết trưa này
(Tuy bây giờ có đôi chút đổi thay)
Mẹ ngồi chờ bên mâm cơm đạm bạc
Miệng cười tươi mắng nhẹ : « Gớm tụi bay ! »

Tôi bỗng thấy lòng mình nhói đau, xúc động
Thèm được cùng anh gọi hai tiếng « Mẹ ơi ! »
Anh sợ tôi buồn nên khẽ cười nói lảng :
« Mai chúng ta về Hà Dục (*) thăm chơi. »

(Bên Trời Cổ xứ)

(*) Hà Dục, quê nhà của Nguyễn Kim, một người bạn

Khi về phố hạ

Thơ **VÕ VĂN LÊ**

tặng Quách Bửu Thọ, TT Khanh, Kim Hạnh

Ta về mùa hạ bay cao
lang thang sợi nắng trên đầu
nhớ em như mây nhớ núi
nhưng tình đã quên từ lâu

Quá khứ theo dòng trôi mau
còn thương chi con nước sầu
bãi hoang cát vàng nắng muộn
ta nghe hồn cũng bề dâu

Quanh đời còn đây nỗi nhớ
chỗ ngồi lạnh buốt cơn mê
cúi hôn nụ cười đất mới
khổ đau ôm bước chân về

Bàn tay linh thiêng ngón nhỏ
vuốt mặt đau trái tim hồng
dòng máu khô đi từ đó
cõi người khô lệ chờ mong

Em xa hơn mùa hạ cũ
ta khô vết thương trong lòng
phố chiều lạ từng hơi thở
hè xưa lạ từng bước chân

Quay mặt buổi chiều muốn khóc
đèn vàng cuối phố thì thầm
biết em không còn biết nhớ
ta về giữa mùa hạ cảm.



Đàm thoại với nhà văn VÕ PHIẾN về 3 cuốn tiểu luận, tùy bút mới xuất bản

BÁCH KHOA : Anh đã cho xuất bản trong 4 tháng nay liên tiếp 3 cuốn tùy bút, tiểu luận : Tạp luận ; Chúng ta, qua cách viết. Đất nước quê hương.

Xin anh cho biết 3 cuốn trên khác biệt nhau thế nào. Giả thử lấy một bài ở cuốn này cho vào cuốn kia có được không ?

VÕ PHIẾN : Có cái khác biệt về nội dung :

Đất nước quê hương gồm những cảm nghĩ về nếp sống của dân tộc, về các nét đẹp của xứ sở, về các đặc điểm của một số địa phương mà tôi có dịp biết qua. *Chúng ta, qua cách viết* là một cố gắng tìm hiểu dăm ba nét nổi bật trong tâm hồn của lớp chúng ta, tìm hiểu qua các tác phẩm văn chương. Còn *Tạp luận* thì, về mặt đề tài, nó linh tinh, nó "tạp" : văn học nghệ thuật có, chính trị có, xã hội có v.v...

Có cái khác biệt về hình thức :

Chúng ta, qua cách viết là một thiên tiểu luận chia làm ba chương. Mặc dù mỗi chương có nhiều đoạn ngắn mang tiêu-đề riêng (vì mỗi

đoạn viết đề tiện đăng vào một kỳ báo), nhưng các đoạn ấy tiếp nối nhau, liên tục với nhau. Hai cuốn kia gồm những bài rời, độc lập với nhau : *Đất nước quê hương* thì các bài tuy rời mà vẫn xoay quanh một chủ đề, còn *Tạp luận* thì chúng được hoàn toàn tự do.

Như vậy, nếu muốn, anh có thể lấy một số bài nào đó của *Đất nước quê hương* cho vào *Tạp luận*. Cho vào thì hai cuốn này có thể dung nạp được lắm ; nhưng lấy đi, cuốn kia bị mất, bị thiếu, tôi cho rằng thế nào nó cũng đòi thu về.

— *Trở lại chuyện nội dung* : cuốn *Tạp luận*, anh bảo nó linh tinh, nhưng độc giả có thể nhận thấy các bài thuộc đề tài chính trị hay có liên quan với thời sự chiếm phần quan trọng hơn cả. Không những so với hai cuốn vừa xuất bản trong năm nay, mà so với bao nhiêu cuốn khác của anh trong vòng chín, mười năm nay, điểm ấy vẫn làm cho nó khác hẳn.

— Bởi vì hầu hết các bài in vào cuốn đó đã được viết vào năm Mậu Thân của ta, tức năm 1968 dương lịch. Ở ta, năm Mậu Thân chiến

tranh tiến đến giữa thủ đô; ở Tây phương, năm 1968 là năm của Cách mạng tuổi trẻ.

— Còn về cuốn Chúng ta qua cách viết anh nghĩ rằng trong tâm trạng của thế hệ hiện tại chỉ có ba điểm đáng kể sao? (như đã trình bày trong ba chương sách). Còn những bản thảo trước tình thế đất nước, những hoang mang trước tình trạng xã hội v.v... Thiết tưởng, căn cứ trên các tác phẩm văn nghệ ra đời từ 1954 đến nay, người ta có thể vẽ một bức chân dung có nhiều chi tiết hơn về con người Việt-Nam của thế-hệ chúng ta.

— Chắc chắn thế. Và tôi ước mong sẽ có người sớm làm công việc ấy. Đã có những bức chân dung của «chàng trai nước Việt» thuộc lớp các cụ Phan Bội Châu, Phan Cánh Trinh, thuộc lớp Khái Hưng, Nhất Linh..., mà chưa có bức chân dung về chàng trai lớp này.

Muốn làm việc ấy phải xem lại những gì lớp này đã viết. Còn tôi thì chỉ mới đề ý đến cách viết. Tức cái bút pháp.

Cách viết biểu hiện tâm lý một cách vô-ý-thức; còn những điều được viết ra thì diễn tả tâm hồn chúng ta đầy đủ rõ ràng hơn. Tức «có nhiều chi tiết hơn» theo như anh đã nói.

— Bây giờ đến cuốn cuối cùng: Đất nước quê hương gồm bốn phần không mang tiêu đề...

— Phần I là những đề tài tổng quát chung cho cả nước, Phần II dành cho miền Trung, Phần III của miền Nam, Phần IV của Cao nguyên.

— Vừa rồi anh bảo nếu bị lấy đi

một số bài, cuốn này sẽ đòi thu về, sự thực nó đã bị tước đoạt rồi: cuốn Áo ảnh chẳng hạn có bài «Hội-an» đáng lẽ nên in vào phần II của cuốn này...

— Đúng thế. Ở đây có trường hợp những bài đã tước in vào các cuốn khác, cần phải thu hồi lại. Ngoài ra, lại có trường hợp những bài đã viết mà chưa đưa vào sách: như các bài nói về cách chữ và chữ tục, về sự vắng thiếu tiếng cười trong văn chương chính thống của ta ngày xưa v.v... đã đăng tải ở Bách Khoa trước đây, lẽ ra có thể đưa vào phần I. Và lại, còn có trường hợp những bài... chưa viết nữa chứ. Bởi vì ngày nào mình còn sống trên đất nước này làm sao khỏi tiếp tục có những cảm nghĩ.

Tất cả những trường hợp đó, hy vọng sẽ được giải quyết vào dịp sách tái bản sau này.

Như vậy cuốn sách thì có khuynh hướng mở rộng thêm ra, trong khi đất nước vừa bị thu hẹp lại!

BÁCH KHOA ghi

ĐẶNG TẤN TỚI THI THIÊN

- Tác phẩm vui hòa ánh sáng trời và hương màu đất
- Nguồn thơ đang thở với Người, hơi hồng đời

144 trang, 400đ. Bản giấy tốt
đóng bìa vải, 1.000đ.

Ở xa, gửi bưu phiếu về Ô.
Đặng Tấn Tới 34, Võ Tánh, An
Nhơn, Bình Định. Sách sẽ đến
các bạn theo lối bảo đảm.

Thời sự thế giới

TỪ MINH

Tại Trung Đông chính phủ Lybie mở đầu cuộc chiến tranh dầu hỏa với Tây phương, đã khiến cho Hoa-kỳ lúng túng. Tại Á-châu các quốc gia cũng e ngại không kém trước việc Hoa-kỳ đẩy mạnh việc áp dụng chủ thuyết Nixon. Trong khi đó một cuộc đảo chính quân sự đã loại chính-thê Mác-xít khỏi chính trường Chi-lợi. Đó là những biến cố được thế giới chú trọng nhất trong những tuần vừa qua.

Lybie quốc-hữu-hóa các công-ty dầu hỏa ngoại quốc

Đại-tá Gaddafi, Quốc trưởng Lybie, lại một lần nữa được dư-luận quốc tế chú ý tới khi ông quyết định quốc-hữu-hóa các công-ty dầu hỏa ngoại quốc tại nước ông.

Quyết định của Gaddafi nằm trong kế hoạch đưa ông lên địa vị của một lãnh tụ khối Ả-rập. Người ta biết rằng từ khi lên cầm quyền tới nay Gaddafi đã làm đủ mọi cách để thay thế Nasser của Ai-cập. Ông luôn luôn tỏ ra là một địch thủ của Do-thái vì thái độ chống Do-thái là cơ hội duy nhất cho phép ông chiếm được cảm tình của người Ả-rập. Khi quốc-hữu-hóa các công ty dầu hỏa ngoại quốc ở Lybie, Gaddafi hy vọng bắt bí Mỹ. Ông chỉ cho Mỹ khai thác dầu hỏa với điều kiện là Mỹ ngưng ủng hộ Do-thái.

Sự bắt bí này đã làm cho Mỹ hết sức lúng túng. Người ta biết rằng

60% số lượng dầu hỏa tiêu thụ tại Hoa-kỳ đều phải nhập cảng từ bên ngoài vào. Thiếu dầu-hỏa, đời sống kinh tế của Hoa-kỳ sẽ bị tê liệt. Nhưng tuy cần dầu hỏa Tổng-thống Nixon cũng khó có thể bỏ rơi Do-thái vì ta cũng không nên quên rằng tại Hoa-kỳ người gốc Do-thái rất đông và rất mạnh. Chính Ngoại-trưởng Henry Kissinger cũng là người Do-thái. Vì vậy mà ông Nixon đã ở trong một tình-trạng nan giải. Ông đã triệu tập một phiên họp Nội-các đặc biệt để cứu xét vấn đề và sau đó ông đã loan báo một kế-hoạch tận dụng mọi nguồn tinh-lực quốc-nội để khỏi lệ thuộc vào dầu hỏa của ngoại-quốc nói chung và của Trung Đông nói riêng.

Tuy trong hiện tại vấn đề dầu hỏa chưa đến nỗi nguy ngập cho Hoa-kỳ lắm, nhưng trong tương-lai người ta ngại rằng Hoa-kỳ sẽ bị kẹt hơn nữa. Quốc vương xứ Arabie Saoudite, một quốc gia sản xuất dầu hỏa còn quan trọng hơn Lybie, cũng đang muốn có những hành động tương tự như Gaddafi để bắt bí Hoa-kỳ. Nhưng Arabie Saoudite lại có một chiến-thuật khác. Thay vì là quốc-hữu-hóa dầu hỏa tại nước ông, Quốc vương Faisal có thể rút hết số tiền Mỹ-kim khổng lồ của nước ông ra khỏi các ngân-hàng Mỹ để chuyển sang Âu-châu. Làm như vậy đồng Mỹ-kim đang bị mất giá có thể bị mất giá thêm và Hoa-kỳ sẽ phải đi vào một cuộc khủng hoảng tiền tệ trầm trọng hơn

nữa. Hiện thời người ta chưa biết ông Nixon sẽ xử trí ra sao nhưng nạn nhân của cuộc chiến tranh dầu hỏa hiện tại vẫn luôn luôn là Do-thái.

Tại Á-châu thuyết Nixon thay thế thuyết Domino

Ngay từ thập niên 1950 cố Ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles đã áp dụng thuyết Domino ở Á châu, theo đó các nước Á châu được coi như những quân cờ Domino. Một nước lọt vào tay Cộng sản thì dần dần các nước khác sẽ rơi hết vào vòng Cộng sản. Vì vậy mà Hoa-kỳ nhất quyết bảo-vệ các quốc-gia Á châu chống lại các âm mưu xâm lược của phe Cộng.

Từ khi ông Nixon lên cầm quyền, vào năm 1969, một thuyết mới đã ra đời: đó là « thuyết Nixon ». Theo thuyết Nixon thì Hoa-kỳ sẽ không tham gia các cuộc chiến tranh chống Cộng ở Á-châu nữa mà để cho các quốc-gia vùng này tự lo liệu lấy; Hoa-kỳ chỉ giúp đỡ về phương diện kinh-tế mà thôi.

Năm nay với sự chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam, Hoa-kỳ đã tiếp tục đẩy mạnh việc áp dụng thuyết Nixon. Không những quân đội Mỹ rút khỏi Nam-Việt mà còn rút dần khỏi các quốc-gia Á-châu khác. Không-quân Mỹ đã rút khỏi các căn cứ đặt tại Thái-lan và quân đội Mỹ đang sửa soạn rút khỏi Đại-hàn và Đài-loan.

Sự rút quân của Mỹ đã làm cho các lãnh-tụ Á-châu hết sức lo lắng. Người ta ngại rằng phe Cộng-sản sẽ

lợi dụng khoảng trống quân sự hiện thời để mở thêm các cuộc xâm lăng mới.

Chính-phủ Thái-lan có lẽ lo sợ nhất vì theo chính-phủ Thái, quân Cộng sản bị ngăn chặn ở Nam-Việt có thể tiến theo một đường mới về phía Tây để tấn công Thái-lan. Sau Thái-lan các nước Mã-lai-Á, Tân-gia-ba, cũng sợ hãi không kém trước sự đe dọa xâm lăng này. Vì vậy mà một số các quốc gia đã tìm cách bắt liên lạc với Trung-Cộng để dò xét ý định của nước này. Nhưng có lẽ hết thảy các quốc gia Á châu đều có thêm lý do để lo sợ vì không những Trung-Cộng không cải chính các tin đồn rằng Bắc-Kinh ngầm yểm trợ các phong trào nổi dậy mà còn luôn luôn lớn tiếng ủng hộ các phong trào này. Phương tiện duy nhất để ngăn chặn phe Cộng sản là phải thành lập một mặt trận chung. Nhưng các quốc gia Á châu dường như chưa sẵn sàng để đi tới một mặt trận như vậy.

Đảo chính quân sự tại Chí-lợi

Cách đây 3 năm, Chí-lợi đã là một quốc-gia đầu tiên mà do sự bầu cử theo lối dân-chủ một nhân vật Mác-xít là ông Salvador Allende Gossens đã đắc cử Tổng Thống. Và ông Allende cũng là một người Mác-xít đầu tiên dùng các định-chế dân-chủ để thiết lập một chính-thể Cộng-sản. Trong khi Marx và Lénine cho rằng chính thể Cộng-sản chỉ có thể được thực hiện

hằng một cuộc Cách mạng bạo động thì Allende lại tìm các phương thể ôn hòa và hợp pháp để đạt tới mục tiêu này.

Nhưng ngay lập tức ông Allende đã gặp phải nhiều khó khăn không sao vượt nổi. Vừa đắc cử Tổng-Thống, ông Allende đã làm cho giới tư-bản hoảng sợ đến nỗi chuyển hết vốn liếng ra ngoại-quốc nên guồng máy sản xuất trong nước bị đình trệ.

Các biện-pháp xã-hội-hóa của Allende cũng làm cho, không những các nhà tư-bản, mà cả giới thợ thuyền cũng bất bình. Các ngân-hàng, các cơ-quan tín - dụng đồng loạt bị quốc-hữu-hóa. Không sản xuất được, Chí-lợi phải nhập-cảng đồ vật tiêu thụ để đáp ứng với nhu cầu của dân chúng. Trước kia Chí-lợi là một nước xuất cảng lúa mì thì nay nước này lại phải nhập cảng nhu yếu phẩm này dân chúng mới đủ ăn. Vì cán cân thương-mại mất quân bình, vì ngân-sách thiếu hụt nên giá cả gia tăng mạnh mẽ. Giới thợ thuyền không đủ sống liền đình công, biểu-tình, đòi tăng lương. Đầu năm nay các công nhân mỏ nhất loạt đình công đòi tăng lương lên 40%. Vào tháng 4-

1973, «Liên-minh nhân-dân thống-nhất» quy tụ hai đảng Cộng-sản và Xã-hội của Allende thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc-hội nên có lúc người ta đã tưởng rằng địa-vị của Allende được củng cố hơn trước. Nhưng vào tháng 8 vừa qua các công nhân lái xe vận tải đình công và được sự ủng hộ của các công nhân ngành chuyên chở công cộng tiếp tay nên địa-vị của Allende bỗng nhiên trở nên lung lay.

Ngay sau đó các Tướng lãnh lại đua nhau tày chay chính phủ nên Tổng Thống Allende đã chơi với không biết dựa vào lực lượng nào. Trong khi Allende đang thương-thuyết với các đảng đối lập để mở rộng chính phủ thì quân đội quyết định dứt khoát với chính sách phá sản của ông. Một Ủy ban quân sự do Tướng Augusto Pinochet Ugarte đã đem quân tới vây Phủ Tổng-Thống. Vì Allende không chịu đầu hàng nên không quân được lệnh oanh tạc dinh của ông. Sau đó người ta được tin Allende đã tự sát (?) và một chính phủ quân sự đã được thành lập tại Chí-lợi.

TỪ MINH

Bác-sĩ ĐỖ - HỒNG - NGỌC

Y-sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng Saigon
Y-sĩ Dưỡng Đường Nhi Khoa Trần Bình Trọng Chợ Lớn

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ EM

Sáng : 7g - 8g

Chiều : 5g - 7g

399/8 Phan đình Phùng Saigon 3

(Đến khám bệnh, xin nhận chuông)

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Éo le

Mùa thu mỗi năm bắt đầu một niên khóa mới cho các trường học. Mùa thu, giới xuất bản cũng bắt đầu một chương trình hoạt động ào ạt : tung ra những tác phẩm chọn lọc để tranh các giải thưởng cuối năm.

Năm nay, hội đồng giải thưởng Goncourt bên Pháp "chơi" giới xuất bản một vở bất ngờ : sẽ chỉ xét chọn những cuốn đã in từ đầu năm tới cuối tháng chín. Thành thử, những kẻ chuần bị kỹ nhất lại đâm kẹt.

Hơn nữa, trong các giải thưởng văn chương, giải Goncourt lại ăn tiền nhất. Cái đó mới đau.

Thời trang

Điềm qua chương trình của các nhà xuất bản lớn, người ta nhận thấy năm nay bên Pháp món tiêu thuyết bị tốp bớt : số lượng sút giảm khá nhiều so với các năm trước.

Trái lại, một loại sách phát triển bất ngờ : đó là các tác phẩm khoa học. Hoặc là viết về khoa học, về kỹ thuật, hoặc luận bàn xung quanh vấn đề khoa học. Khoa học đang biến thành món "thời trang" chẳng ?

Một loại sách vẫn giữ được mức độ đều đều : hồi ký, tài liệu, ký sự.

Chê khen

Heinrich Böll nhà văn Đức được giải Nobel năm 1972, lâu nay vẫn được tiếng là người có nhiều cảm tình với Nga xô. H. Boll tán dương Nga xô. Nga xô khen H. Boll, cho phổ biến tác phẩm của H. Boll khá nhiều.

Đột nhiên sau vụ Andrei Amalrik bị Mạc-tư-khoa tái lưu đày ở Si-bérie, H. Boll lên tiếng chê nhà cầm quyền Nga xô là : « hoàn toàn ngu ngốc » — « mặc dù nói thế lời lẽ của tôi có vẻ trịch thượng ».

Tờ « Tạp chí Văn nghệ » của Nga liền công kích H. Boll, dĩ nhiên.

Có người hỏi nhà văn Đức : Thái độ của tờ Tạp chí Nga nọ có làm ông buồn lòng không ? Ông đáp : bị Nga chê, không buồn bằng « bị » tờ « *Die Welt* » khen !

Die Welt là tờ báo bảo thủ khuynh hữu của Alex Springer người đồng bào thân ái của H. Boll.

Tôi không hiểu

Nhà cầm quyền Nga-xô tiếp tục một chính sách nghiệt ngã đối với trí thức và văn-nghệ-sĩ trong nước đúng vào lúc họ bắt tay hòa giải với kẻ thù của chế độ, tức « đế quốc tư bản Mỹ ». Điều ấy làm cho người ta thắc mắc. H. Boll thường hay « thông cảm » với Nga-xô, lần này tuyên bố : — Tôi hoàn toàn không thể nào hiểu nổi vì sao mà trong khi Nga xô kết thân được với khắp nơi mà địa vị của Nga-xô lại có thể bị một nhóm chừng 25 hay 30 người chống đối làm cho lâm nguy được. Chính cái đó, tôi không tài nào hiểu thấu.

Tôi hiểu

Jean-François Revel thì bảo :

— Tôi hiểu.

Theo ông, Nga-xô giao du với Tây phương chính là để kèm tủa mọi ý hướng tự do ở trong nước. Đó là một kế hoạch của Brejnev.

Nguyên từ sau vụ đứng lên của Tiệp - khắc hồi mùa xuân 1968, Brejnev hiểu ngay rằng muốn tránh tình trạng chậm trễ suy đồi cho nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa, cần phải có một chính sách tự do cạnh tranh. Nhưng tự do kinh tế sẽ kéo theo tự do chính trị : điều tất nhiên ấy là chuyện khó xử cho các lãnh tụ Cộng sản.

Roy Medvedev, một sử gia Nga-xô đã viết: « Một trong những khuyết điểm nặng nề nhất của cơ cấu chính trị của chúng ta là đặt cơ sở trên giả thuyết một sự đồng nhất hoàn toàn về mặt ý thức - hệ trong toàn thể xã hội ; không hề dự liệu một chút gì cho sự dị biệt quan điểm.» Như vậy thì mọi tự do chính trị, tự do tư tưởng v.v... sẽ làm tan rã cơ cấu xã hội.

Brejnev thi hành một sáng kiến : cứu vãn nền kinh tế Nga - xô bằng cách giao thiệp với Tây Phương, để mua kỹ thuật và phép quản trị của các xí nghiệp Tây phương. Như thế, khỏi cần cải cách nền kinh tế Nga-xô; như thế tránh được một chính sách kinh tế tự do, và do đó tránh được những đòi hỏi tự do chính trị.

Thành thử, bắt tay với các nước tự do bên ngoài là để ngăn ngừa các xu hướng tự do bên trong.

Trả bằng máu

Vậy thì cái bắt tay của Tây

phương là một thiện chí tai hại chăng ?

— Tai hại vô cùng ! Một nhà văn Nga-xô vừa bảo thể trong một lá thư ngỏ gửi Heinrich Böll (vẫn cái ông Heinrich Böll có nhiều quan hệ tình cảm với Nga-xô ấy).

Vladimir Maximov, mới vừa bị Hiệp-hội các nhà văn Nga-xô khai trừ, viết cho H. Böll rằng cái chính sách hòa Nga của W. Brandt là một vụ « Munich mới ». (Nhắc lại vụ Anh nhượng bộ Đức quốc - xã). V. Maximov viết thêm : Không biết rồi đây chúng tôi sẽ phải đổ ra bao nhiêu máu để trả giá cho cái trò ngoại giao đó.

Khổ tâm cho H. Böll : Nhà văn của chúng ta đã tận tình ủng hộ W. Brandt trong cuộc bầu cử vừa qua.

Nhà văn của các nhà văn

Tạp chí *New York Times* của Mỹ bảo : « Đó là nhà văn lớn nhất của chúng ta hiện tại ». Tạp chí *L'Express* của Pháp bảo ông ta là « nhà văn của các nhà văn » là ông ta đã chiếm vị trí hàng đầu trong văn học Mỹ từ năm 1949 đến nay.

Vậy thì nhất ông ta rồi, không còn nghi ngờ gì nữa : Hai bên bờ Địa tây dương đồng thanh xưng tụng ông hết lời. Có điều ông ta ít được người đời biết tới, sách ông ta bán không chạy.

Thực vậy, trong khi Eric Segal danh tiếng vang lừng, mấy ai trong chúng ta nghe nói tới John Hawkes (Chính ông ta đấy !); trong khi *Love*

Story lan tràn khắp nơi, mấy ai trong chúng ta nghe nói tới *Le Glauu*, *The Beetle Leg*, *Cassandre*, *Le Cannibale*? Những tác phẩm không những xa lạ đối với người Việt chúng ta, mà ngay đối với giới độc giả trung bình ở Hoa-kỳ cũng là món xa lạ. John Hawkes hiện giờ cũng như W. Faulner lúc đầu: chỉ được giới nhà văn với nhau đọc và thần phục, còn quần chúng thì kính như viễn chi.

Nhưng bắt đầu từ nay thì hình như quần chúng có thể bắt đầu lần bước tới gần J. Hawkes được rồi: *Les oranges de sang*, cuốn truyện mới nhất của ông ta, nghe đâu đã sáng sửa, dễ đọc hơn các cuốn trước nhiều. Làm nhà văn của... các người mua sách, dầu sao cũng «dễ chịu» chứ...

Nhà văn và nhà nước

Lần đầu tiên xảy ra một trận sống mái ác liệt như thế giữa giới nhà văn với nhà cầm quyền. Mà lại xảy ra ngay tại cái xứ độc tài, nơi nhà nước từng điều khiển nhà văn suốt nửa thế kỷ qua, tức ở Nga xô.

Lần này văn hào Soljenitsyne sát cánh với nhà bác học Sakharov, nhất tề tấn công các lãnh tụ Cầm linh thật dữ dội.

Thực ra thì kẻ chủ động tấn công trước vẫn là nhà nước. Một loạt hành vi đàn áp trí thức được tiến hành dồn dập: Sử gia Piotr Yakir, kinh tế gia Victor Krassine bị đưa ra tòa, sử gia André Amalrik bị tái lưu đày, toán học gia Youri Chikanovitch bị nhốt vào dưỡng trí viện,

thi sĩ Niki Perlov đi tù, văn sĩ Vladimir Maximov bị đuổi ra khỏi Hiệp hội nhà văn, các giáo sư Valeri Tchalidzé và Jaurès Medvedev bị tước quốc tịch v.v...

Ngay chính bản thân Sakharov và Soljenitsyne cũng bị đe dọa: Con gái nhà bác học bị đuổi ngay khỏi trường đại học vào năm chót, còn ông thì bị báo chí và đài phát thanh kết tội liên miên; nhà văn Soljenitsyne được nhắc cho biết: hoặc phải rút ra khỏi nước Nga, hoặc bị tù rục xương ở Kolyma (Kolyma là trại lao công khổ sai nổi tiếng nhất của Nga). Ngoài ra ông bị canh chừng suốt ngày đêm, mọi cuộc điện đàm đều bị thu băng, và có thể bị ám sát bất cứ lúc nào.

Trước tình thế ấy Sakharov và Soljenitsyne quyết định phản công. Nhà bác học Nga-xô mượn cuộc phỏng vấn của hãng A.F.P, và nhà văn đã đàm thoại với Frank Crepeau, phóng viên hãng thông tấn A.P. và Alain Jacob, ký giả báo «*Le Monde*», cả hai thẳng tay tố cáo chính quyền Nga-xô và kêu gọi dư luận Tây phương kịp thời cảnh giác.

Chưa bao giờ nhà nước Xô-viết bị đánh đấm một cách táo bạo liều lĩnh như thế. Và đánh đấm có hiệu quả cần thận, cái mới ác.

Hiệu quả

Sakharov tố cáo các cuộc đàn áp trí thức và nghệ sĩ tại Nga rồi lớn tiếng kêu gọi các quốc gia Tây phương đứng đờ cho cuộc hòa giải Đông Tây trở thành một lợi khí hãm

hại dân tộc Nga, muốn thế Tây phương hãy đòi hỏi nhà cầm quyền Nga-xô nói rộng dân chủ song song với sự hợp tác kỹ thuật Đông Tây.

Soljenitsyne cực lực lên án việc Nga-xô phá rối các làn sóng phát thanh Tây phương, bưng tai bịt mắt dân chúng, và ông bảo cho Tây phương biết các chế độ độc tài run sợ dư luận chống đối của thế giới tự do, vậy muốn cứu giúp các nhà trí thức và nghệ sĩ đang bị đàn áp tại Nga thì Tây phương hãy cấp thời lên tiếng...

Quả nhiên, sau khi báo chí Âu Mỹ tung ra các lời tố cáo trên đây được ít lâu, sau khi Quốc hội Mỹ đưa vấn đề tự do di trú của dân Nga lên diễn đàn, thì nhà cầm quyền ngưng ngay việc phá các làn sóng phát thanh Tây Âu, ngưng mạ lỵ Sakharov và Soljenitsyne một cách công khai.

Thừa thắng xông lên, Soljenitsyne vừa tuyên bố rằng ông ấy đã cho lưu hành bí mật khắp nước Nga hai chương 44 và 88 của cuốn sách cấm *Cửa ngục thứ nhất (Le premier cercle)*. Vừa trộm lên vừa hô hoán om sòm, phen này ông nhà văn đùa dai quá cỡ.

TRANG THIÊN

Một bộ « Hán-tự tự-học »

Đó là bộ của ông Trần-Văn-Quế (nguyên Giáo sư trường Sư-phạm, nguyên Giảng sư Đại học Văn-khoa Sài-gòn) gồm 3 quyển, do Thanh Hương Tùng Thư (132, Lí-Thái-Tồ,

Sài-gòn) xuất bản.

Đây là bộ sách tự học chữ Hán mới nhất, và theo tác giả, sở dĩ ông soạn nó, là vì nghĩ tiếng Việt phần lớn do chữ Hán mà ra, vậy muốn hiểu rõ tiếng Hán-Việt, muốn dùng đúng tiếng Hán-Việt, thì phải học chữ Hán. Sách ông soạn theo 214 bộ, và đi từ dễ đến khó : một chữ Hán, rồi một thành ngữ Hán-Việt, một câu, kể một đoạn văn có chữ vừa học. Bài học được chọn trong cổ văn, trong kim văn, văn xuôi có, văn vần có, của Hoa có, của Việt có, có cả thơ tiên. Dụng ý là để cao sự tu thân, tích đức và lòng yêu nước.

Sau bộ này, ông đang nhuận sắc và một năm sau sẽ phát hành bộ « *Hán-Việt-Pháp tự điển* » gồm 8.000 chữ. Bộ này chào đời thì công trình của ông mới vuông tròn.

Tưởng nên nhắc ông Trần-Văn-Quế là Giáo sư Việt-văn và Hán-văn từ hồi Pháp thuộc (thầy học của Bình-Nguyên-Lộc, Trần-Văn-Khê...) một chức sắc cao cấp trong đạo Cao-Đài và một nhà cách mạng chống Pháp.

Ai là cha đẻ bài Vọng cổ?

Tới bây giờ, hầu hết đồng bào ta đều cho cha đẻ bài Vọng cổ là ông Sáu Lầu. Đã có Hội Nghệ sĩ ái hữu đón tiếp và ủng hộ ông dạo trước và mới đây một cá nhân, có sự tham dự của nghệ sĩ lão thành Năm Châu, nhà thơ Kiên-Giang, nhà văn Sơn-Nam, kí giả Xuân-Triêm; đã

có nhà báo lão thành Trần-tấn-Quốc nhắc nhở và đề cao trên mặt nhật báo *Đuốc Nhà Nam*.

Thế mà có một người nghi ngờ. Và làm cho nhiều người đồng hương cũng nghi ngờ thêm. Số là trong một cuộc hội họp những người gốc gác Bạc-Liêu, ông Nguyễn-văn-Đính, nguyên Chủ nhiệm báo *Chân trời*, có dịp đặt vấn đề: theo ông, tác giả bài *Vọng cổ* phải có cái tâm sự như nàng Tô-Huê, và phải có căn bản Hán học ít nhiều. Mà cuộc đời của ông Sáu Lầu không có cái tâm sự như Phan-văn-Hùm trong bài thơ *Giã vợ* khi sang Pháp, đã mượn lời lẽ chồng vợ mà dận dò các đồng chí, đề qua mặt thực dân Pháp. Ông Sáu Lầu lại rất ít học. Và nếu ở lứa tuổi 20 mà đã đặt được một bài này hay và độc đáo như bài *Vọng cổ*, thì sao sáu chục năm nay, ông sáu Lầu chẳng sáng tác một bài nào khác có giá trị. Vậy chắc hẳn tác giả bài *Vọng cổ* không phải là ông Sáu Lầu, mà có lẽ là ông hòa thượng Lê-Văn-Thành trụ trì chùa An Thạnh, ở Hòa-bình, Bạc-Liêu) vốn người miền Trung, sau khi phong trào Duy Tân thất bại, đổi tên họ, khoác áo cà sa. Và từ chùa này, cách đây trên 50 năm, vọng ra «*Vọng phu vọng liễu trông tin chàng*», theo lời kể lại của các bậc kỳ lão trong vùng.

NGÊ BÁ LÍ

Tranh Thái Tuấn

Họa sĩ Thái Tuấn đã khai mạc phòng triển lãm tranh của anh từ chiều 14-9 tại nhà hàng Đại-lục

(Hotel Continental) với 16 họa phẩm sơn dầu mà anh đã hoàn thành trong vòng 10 tháng qua. Tranh của Thái Tuấn vẫn có một bản sắc riêng biệt, nhưng lần này những người thưởng ngoạn có người cho là họa phẩm của anh dẫn dắt người xem đến một thế giới thanh bình và thần tiên với những màu bàng bạc, mờ ảo, lại có người cho rằng bề ngoài yên tĩnh đó chứa đầy xao động...

Điều đáng ghi nhận là trong nhiều năm nay, tranh Thái Tuấn chỉ bán nhiều cho khách mua tranh ngoại quốc. Cuộc triển lãm trên đây ngược lại phần đông người mua tranh lại là người Việt, ít ra là trong tuần lễ đầu mà số tranh tiêu thụ đã đáng kể. Thái Tuấn tâm sự là ngạc nhiên thích thú thấy người thưởng ngoạn bây giờ xem tranh rất rành.

Cũng nên ghi thêm tập san Asia magazine đã viết về 6 họa sĩ ở 6 quốc gia Á-châu trên 6 số báo. Trên số 4-73 vừa qua, về Việt-nam, Asia-magazine đã chọn đề viết về họa sĩ Thái Tuấn với những nhận xét rất độc đáo.

Phòng triển lãm tranh Thái Tuấn sẽ mở cho đến ngày 5-10-1973, mỗi ngày từ 11 đến 14 giờ và từ 17 đến 22 giờ.

Tranh Tạ Ty

Họa sĩ Tạ Ty thì lại tổ chức một phòng tranh thường trực ngay tại tư gia ở số 18/8 Phan Văn Trị, Saigon 5. Được tin này, buổi chiều thứ bảy 16-9-1973 vừa qua, một số anh em văn nghệ vội đến thăm, nhằm mục

đích để thưởng ngoạn và tìm hiểu họa phẩm hôm nay của Tạ Tỵ, sau nhiều năm anh vẫn làm việc đều mà không trưng bày. Trong một khung cảnh trang nhã của căn nhà mới sửa sang lại, trông khang trang mát mắt, nhất là kích thước và cách trình bày đã tạo nên không khí vừa thân mật vừa nghệ thuật — những tác phẩm treo la liệt trên bốn vách tường màu xám nhạt với ánh sáng vừa đủ, gây cho mọi người một xúc cảm tự nhiên, rồi bị hút cuốn vào hình thể tân kỳ cùng những độ màu khác biệt làm say mê tâm trí. Nhạc sĩ Phạm Duy và nhà văn Võ Phiến lấy làm thích thú ngỏ lời

mừng cho Tạ Tỵ từ nay đã có một chỗ bày tranh và nơi làm việc rộng rãi, dễ chịu. Với hoàn cảnh này, chắc Tạ Tỵ có thể sáng tác được nhiều tác phẩm bề thế như bức « *Chuyến động* » năm trước. Các bạn cũng ngợi khen anh Văn Thanh một bạn lâu năm của Tạ Tỵ, người đã có công sửa chữa và trang trí lại từ một căn nhà bé nhỏ thành một ngôi nhà mỹ thuật, thích hợp cho công việc trình bày họa phẩm. Nhân dịp này, Tạ Tỵ nhờ Bách Khoa kính mời các bạn yêu nghệ thuật hội họa, tự do đến nhà xem tranh vào bất cứ lúc nào.

THU THỦY

Làm thế nào.

- Cho con cháu biết kính hiếu tổ tiên ?
- Cho con cháu luôn luôn nhớ đến ông bà cha mẹ ?
- Đề khi về già có 1 chỗ đứng vĩnh viễn trong lòng con cháu ?

Hãy đọc

GIA-PHẢ KHẢO-LUẬN, THỰC HÀNH

của DÃ-LAN NGUYỄN-ĐỨC-DỰ

Một khám phá mới nhất về gia phả Việt-nam và thế giới đã gây tiếng vang tới Quốc tế. Một cuốn sách duy nhất ở VN chỉ dẫn cách chép gia phả với nhiều lối chép độc đáo.

Sách dày 400 trang. Giá 1000\$. Hối : 48/152/1, Cách mạng SG.

TIN MỪNG

Cô **LÊ THỊ DIỆM HÀ** đã rời bỏ cuộc chơi độc thân, để cùng bạn **NGÔ THÁI BÌNH** đến bến hôn nhân, lên thuyền hạnh phúc ngày 6.9-1973

Chúng tôi cầu xin sóng lặng gió êm, thuyền hạnh phúc của hai bạn thuận buồm xuôi mái đến trọn đời.

Lê Thanh Thái, Vũ Hạnh, Châu Anh, Nguyễn Liên, Lê Tất Điều, Ngô Thế Vinh, Minh Đức Hoài Trinh, Bùi Kim Đình, Nguyễn Ngu Í, Đỗ Ngê.

Hợp đồng xuất bản Nhã Ca — Barry Hilton

Chủ nhật 23/9/1973, vào hồi 5 giờ chiều, tại Trung tâm Văn bút VN, Nhã Ca — một nhà thơ, nhà văn nữ nổi tiếng ở Saigon với trên 30 tác phẩm — đã ký một hợp đồng với Barry Hilton, một người Mỹ đã dịch một truyện dài, tác phẩm thứ 34 của Nhã Ca, sang Anh ngữ và sẽ xuất bản dịch phẩm này ở Hoa-kỳ.

Phải chăng vì cuộc ký hợp đồng này, như L.M. Thanh Lãng, Chủ tịch Trung tâm Văn bút V.N, đã nói khi khai mạc lễ ký kết, là một cuộc hợp tác văn hóa Việt-Mỹ đầu tiên (?) giữa tư nhân với tư nhân mở đầu cho sự phát triển văn hóa Việt trên đất Mỹ sau này, nên Trung tâm Văn bút V.N. đã đứng ra bảo trợ và ông Phó Chủ tịch Hội đồng Văn hóa Giáo dục Đỗ văn Rỡ đã tới chủ tọa.

Trong phần giới thiệu 2 bên ký kết, nhà văn Nhật Tiến đã cho người ta biết rằng Nhã Ca tên thật là Trần thị Thu Vân, sinh năm 1939 tại Huế, khởi viết từ 1960. Tác phẩm xuất bản đầu tiên là tập thơ « *Nhã Ca mới* » đoạt giải thưởng Thi ca toàn quốc 1965. Tác phẩm được phiên dịch sang Anh ngữ là tác phẩm thứ 34 mang tên là *Vi ơi, bước tới*. Vi là tên nhân vật chính trong truyện, một cô gái VN sống vào thời hỗn loạn đen tối khi chiến tranh VN đang ở giai đoạn khốc liệt nhất với hàng trăm ngàn người Mỹ ào ào đổ

vào Việt-nam. Sự công phá của vật chất do người Mỹ mang đến làm đảo lộn xã hội, làm tan rã mọi nền nếp cũ của gia đình. Và cô gái Việt Nam trong truyện, khi lớn lên, phải gánh chịu những thảm kịch này, nhưng rồi sau cùng, Vi đã can đảm bước tới.

Ông Barry Hilton sinh tại Carolina Hoa-kỳ, cao lớn đẹp trai, nói năng nhẹ nhàng. Ông đã dày công học hỏi và nghiên cứu về Việt-nam từ 8 năm qua, nên nói giỏi tiếng Việt, đọc nhiều tác phẩm Việt, giỏi cả Tứ-vi lẫn chữ Nho. Trong thời gian theo học về Việt Nam ở bên Hoa-kỳ, ông đã gặp một nữ giáo sư Việt sống tại Mỹ, bà Nguyễn Hoàng Tâm, Giáo sư Tiến sĩ Văn chương. Hai người kết hôn và có lẽ từ đó, Ông đã cố gắng hoạt động để giới thiệu văn hóa của quê vợ với quê mình.

Từ đầu năm nay, Ông Hilton đã tiếp xúc với Nhã Ca và khởi dịch cuốn « *Vi ơi bước tới*. » Dịch phẩm này đã gần hoàn tất. Và ngày 25-10 sắp tới, ông sẽ mang về Hoa-kỳ xúc tiến việc ấn hành. Ông Barry Hilton là người thành lập một tủ sách chuyên về Việt Nam, thuộc nhà xuất bản Glade Publications, và tác phẩm của Nhã Ca sẽ được ấn hành trong tủ sách này. Công việc ấn hành sẽ hoàn tất trước cuối năm 1973.

Khi ký xong hợp đồng, Nhã Ca và Barry Hilton đứng ra nói vài lời cảm ơn quan khách và bạn bè. Sau đó lúc bữa ăn, Barry Hilton tâm sự rằng ông đã lo lắng suốt cả ngày về bài "diễn văn" đó, ông cũng cho biết đã chọn tác phẩm của Nhã Ca là vì «bà xā» có giới thiệu. «Ông xā» của Nhã Ca, nhà thơ Trần Dạ Từ, cũng cho biết thêm, mới đầu Barry Hilton, đã chọn dịch truyện dài «Đoàn nữ binh mùa thu». Sau Nhã Ca thấy chưa ưng ý truyện này nên viết lại hẳn thành «Vi ơi bước tới».

Trong buổi họp mặt này Nhà xuất bản Hải-Âu cũng gửi tặng mỗi người 3

tác phẩm mới ra : 2 cuốn Khoa học giả tưởng về Hỏa tinh và 1 truyện dài của Nhã Ca : «*Hiền như mực tím*»

Cũng xin ghi thêm những tác phẩm Việt được dịch ra Anh ngữ và xuất bản ở Hoa Kỳ hãy còn rất ít. Ngoài cuốn Truyện Kiều của Nguyễn Du và một vài cuốn sách về giáo khoa, về quân sự chính trị, có cuốn *Musics of Việt Nam* của Phạm Duy do Đại học miền Nam Illinois (S.I.U.) sắp xuất bản, và cuốn *Escape From Hell* (bản Anh ngữ cuốn «Ba ngày cuối cùng tại Bộ Tư lệnh Tướng Vũ văn Giai» của Lê Huy Linh Vũ cũng có hi vọng sẽ được ấn hành.

Việt nam tham dự Đại hội thế giới về ca nhạc «Pop». tại Đông kinh 1973.

Mấy năm gần đây, cứ vào tháng 11 là cơ-sở Yamaha Foundation for Music Education lại tổ chức một Đại hội Thế giới và ca nhạc Pop (World Popular Song Festival) tại Tokyo với sự bảo trợ của Bộ Ngoại-giao, Văn hóa vụ Nhật bản, Tòa Đô chính Tokyo và nhiều Thương hội khác...

Trong dịp này các nhạc sĩ của các quốc gia trên thế giới được mời gửi tới Ban Tổ chức Đại-hội một số nhạc bản nào chưa hề trình diễn trước công chúng. Một Ủy ban đặc biệt sẽ tuyển chọn trong hàng ngàn các nhạc bản gửi tới để lựa ra chừng vài chục bản vào chung kết. Số nhạc bản này sẽ được trình diễn

trong mấy ngày Đại-hội để chấm lấy những bản thượng thặng, ngoại hạng v.v...

Đại-hội đầu tiên được tổ chức vào năm 1970 và Đại hội năm nay là kỳ 4. Đại hội kỳ 3 năm 1972, đã có 1038 nhạc bản của 61 nước dự thi và 41 nhạc bản đại diện cho 36 quốc gia được vào chung kết. Kết quả là :

— 2 nhạc bản thượng thặng (Grand Prize Song) *Life is just for living* (Jamaica) và *Feeling* (Anh).

— 10 bản ngoại hạng (Outstanding song) của các nhạc sĩ các nước Bỉ, Anh, Tây Đức, Đại hàn, Gia nã đại, Nhật, Ý, Thụy sĩ...

— 2 Ca sĩ thượng thặng (Performance Grand Prize) : Anh (Ginette Reno) và Hòa lan (Ben Kramer).

— 4 ca sĩ ngoại hạng (Outstanding Performance, của Anh, Đại hàn, Gia nã đại và Balan.

Cũng nên ghi thêm : Nhạc bản thượng thặng sẽ được thưởng 3000 Mỹ kim, ngoại hạng 1.500 Mỹ kim, v.v... Ca sĩ thượng thặng 1.000 Mỹ kim, ngoại hạng 500 Mỹ kim...

Năm nay Việt Nam tham dự Đại hội trên đây với nhạc bản *Tuổi biết buồn* của Phạm Duy và Ngọc Chánh do Thanh Lan hát. Đây là một nhạc bản nằm trong thể nhạc POP, với nội dung tìm lại sự ngây thơ trong trắng của tuổi trẻ, nhạc bản tiếp tục loạt *Hoán ca* do Phạm Duy tung ra từ sau ngày ngưng bản và của nhà xuất bản « Khai Sáng » do Ngọc Chánh chủ trương, với những bài : *Tuổi ngọc, Tuổi mộng mơ, Tuổi hồng, Tuổi thần tiên.*

Ngày 10/9 vừa qua Ban Tổ chức Đại hội đánh điện báo tin nhạc bản V.N. *Tuổi biết buồn* đã được vào chung kết. (Tổng số nhạc bản dự thi

là trên 800, trong số đó chỉ có 30 bản được vào chung kết).

Đại hội sẽ diễn ra trong các ngày 16, 17, 18, tháng 11/73 tới đây để lựa chọn các bài trúng giải và chắc chắn các tác giả (Phạm Duy, Ngọc Chánh) cùng ca sĩ Thanh Lan sẽ được mời tham dự.

Ngoài nhạc bản *Tuổi biết buồn* được vào chung kết trên đây, Phạm Duy còn sáng tác thêm được *Tuổi băng khuâng* và *Em sợ ma* trong loại « Nữ ca » của anh. Còn trong loại « Đồng dao » cho các em nhỏ, anh cũng vừa hoàn thành bản « *Thăng Bờm* ». Nếu ở bản « *Ông trăng* », người ta cho ông cái gì thì sau cùng ông cũng trả lại hết, ở bản « *Chú bé bắt được con công* »... thì chú bé biểu đi, được tặng lại, trả lại thì lấy về, đôi chác đồng đều, nhưng ở bản « *Thăng Bờm* » mới này thì mới đầu Bờm lác đầu không chịu các thức Phú ông đem ra đòi, nhưng sau cùng nó đòi ý... vớ hết các thức của Phú ông rồi chạy luôn !

THẾ NHÂN

TIN MỪNG

Được tin mừng ông bà Mue-sư Lê-đình-Tổ, Chủ-tọa Hội-thánh Tin-lành Nha-trang làm lễ thành-hôn cho Thứ-nam là :

Thầy **LÊ-ĐÌNH-PHƯỚC** Cao-học Thần-học và Xã-hội cùng Cô **LÊ THỊ KIM-HOA.**

Hôn-lễ cử-hành vào ngày 30-9-1973 tại Chicago (Hoa-kỳ)
Chúng tôi chân thành chung vui cùng hai họ và cầu CHÚA ban đầy hạnh-phước trên Tân-lang và Tân-giai-nhân.

Ông bà Nguyễn-Hứa — Ông bà Nguyễn-Dương